**Tuần 20** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 73 : TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

**I . Mục tiêu cần đạt:**

1. **Kiến thức:**

* Hs hiểu được sơ lược thế nào là tục ngữ.
* Hiểu nội dung, một số hình thức nghệ thuật (kết cấu, nhịp điệu, cách lập luận) và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bài học.
* Thuộc lòng những câu tục ngữ trong văn bản

# Kĩ năng:

* Đọc và phân tích (nghĩa đen, nghĩa bóng ) tục ngữ.

1. **Thái độ:** yêu và biết vận dụng tục ngữ trong nói và viết hằng ngày.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

1. Thầy: bài giảng , cuốn tục ngữ VN...
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk)

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học hợp tác (theo nhóm), dạy học hợp đồng.
* KTDH: trình bày 1 phút , hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

\* Kiểm tra ( sự chuẩn bị của hs: SGK, vở ghi, vở soạn)

* Tổ chức khởi động:

Đọc những câu tục ngữ mà em biết?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực. * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động cả lớp**  **-**Các câu tục ngữ cần đọc với giọng ntn? (nhẹ nhàng, tình cảm, đầy yêu thương ...)   * Hãy thể hiện văn bản bằng giọng đọc đó? | **I- Đọc và tìm hiểu chung**  \*Đọc:  \* Chú thích: (sgk) |

|  |  |
| --- | --- |
| - Chú thích nào cần lưu ý ?  **Sử dụng KT hỏi và trả lời để tìm hiểu**  ? Thế nào là tục ngữ?  ? Có thể chia 8 câu tục ngữ trong bài làm mấy nhóm?  ? Mỗi nhóm gồm những câu nào?  ?Khái quát nội dung những câu tục ngữ đó? | * K/n tục ngữ: (sgk) * 2 nhóm. Mỗi nhóm gồm 4 câu.   +Từ câu 1 đến 4 : Những câu tục ngữ về thiên nhiên.  +Từ câu 5 đến 8 : Những câu tục ngữ về lao động sản xuất. |
| **HĐ 2: Phân tích**  +PP: dạy học nhóm...  +KT: thảo luận, động não...  +Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...  **Hoạt động nhóm 5p**  ?Giải thích nghĩa của câu tục ngữ 1,2,3,4?( Nội dung, nghệ thuật)  ? Kinh nghiệm ứng dụng của những câu tục ngữ đó trong cuộc sống?  - Nhận xét chung về nội dung của các câu tục ngữ về thiên nhiên?  **Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.**  **Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức cơ bản.**  Bằng sự quan sát tỉ mỉ về loài kiến, dân gian đã rút ra được nhận xét to lớn của hiện tượng thiên nhiên khá chính xác. Có dị bản khác: Tháng 7 kiến đàn địa hàn hồng thuỷ. Hoặc có câu:  Kiến tha trứng lên cao  Thế nào cũng có mưa rào rất to” | **II- Phân tích**  1**) Những câu tục ngữ về thiên nhiên Câu 1:**   * Tháng năm đêm ngắn, tháng 10 ngày ngắn. * T.5: mùa hạ-> đêm ngắn, ngày dài * T.10:mùa đông-> đêm dài ngày ngắn * Sử dụng phép đối, cách nói quá   -> Làm nổi bật sự trái ngược tính chất giữa ngày và đêm giữa màu hạ và mùa đông, gây ấn tượng, dễ nhớ.  => Bài học về cách sử dụng thời gian trong c/s sao cho hợp lí giữa các mùa để chủ động trong công việc và đi lại  **Câu 2:**   * Trời mà nhiều sao thì nắng, ít sao thì mưa * Hai vế đối nhau, cách nói vần, dễ nhớ   -> Giúp con người có ý thức biết nhìn sao để dự báo thời tiết, sắp xếp công việc  **Câu 3:**   * Trên trời mà xuất hiện ráng có sắc vàng màu mỡ là sắp có bão * Ráng: Đám mây màu vàng do ánh mặt trời chiếu vào * Hình thức ngắn gọn, dễ nhớ.   => Kinh nghiệm dự báo bão-> Có ý thức chủ động giữ gìn nhà cửa hoa màu   * Vẫn còn giá trị đến ngày nay(vùng hạn |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động nhóm 5p**  ?Giải thích nghĩa của câu tục ngữ 1,2,3,4?( Nội dung, nghệ thuật)  ? Kinh nghiệm ứng dụng của những câu tục ngữ đó trong cuộc sống?  - Nhận xét chung về nội dung của các câu tục ngữ về lao động sản xuất?  **Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.**  **Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức cơ bản.**  ( GV tích với môi trường “ Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang...nhiêu”)  (gv mở rộng: Người đẹp..phân) Một lượt tát, một bát cơm   * Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân * Hòn đất nỏ bằng giỏ phân * Tốt lúa, tốt má, tốt mạ, tốt giống   GV mở rộng 1 số câu tục ngữ nói lên tầm quan trọng của thời vụ và sự chuyên cần, thành thạo: Mồng tám tháng tám không mưa   * Bỏ cả cày bừa mà nhổ lúa đi * Một lượt cỏ thêm giỏ thóc (Gv - hs liên hê tại địa phương) | chế thông tin)  **Câu 4:**   * Kiến bò vào tháng 7 sắp có lụt-> lo lắng * Kiến là loài côn trùng nhạy cảm với thời tiết, khí hậu   => Giúp nh/d có ý thức dự đoán lũ lụt để chủ động phòng chống lũ lụt sau tháng 7  \* **Truyền đạt những kinh nghiệm quý báu trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên .**  **2) Những câu tục ngữ về lao động sản xuất**  **Câu 5:**   * Đất coi và quý như vàng * Vì đem lại lợi ích to lớn cho con người(trồng trọt, xây dựng nhà ở, các công trình công cộng, nhà máy xí nghiệp..) * Hình thức ngắn gọn, 2 vế đối nhau   => Có ý thức bảo vệ, giữ gìn và sử dụng đúng mục đích đất đai, ra sức chăm bón đồng ruộng, phê phán hiện tượng lãng phí đất  **Câu 6:**   * Nêu lên thứ tự các nghề, các công việc đêm lại lợi ích kinh tế cho con người * Trì-> nuôi cá, viên->vườn, điền->ruộng   => Giống cây con( kĩ thuật) là yếu tố quan trọng trong trồng trọt và chăn nuôi; Giúp nh/d biết khai thác tốt diều kiện hoàn cảnh để tạo ra của cải vật chất.  **Câu 7**:   * Khẳng định thứ tự quan trọng của các yếu tố nước, phân, lao động, giống lúa đối với nghề trồng lúa.   => Thấy được tầm quan trọng và mối quan hệ của các yếu tố trồng lúa  **Câu 8:**   * Khẳng định tầm quan trọng của đất đai và thời vụ   => Sản xuất phải đúng thời vụ, đúng loại đất |
| **HĐ 3: Tổng kết** | **III- Tổng kết** |

# Hoạt động luyện tập:

Thi đọc các câu tục ngữ theo nhóm.

# Hoạt động vận dụng:

Kĩ thuật viết tích cực 1p , hs tự do viết những câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động sản xuất.

Một vài hs chia sẻ nội dung mà em đã viết .

# Hoạt động tìm tòi mở rộng

* Tìm trên mạng sưu tầm thêm tục ngữ nói về thiên nhiêm và lao động sx ghi vào sổ tay văn học ?
* Chuẩn bị : Chương trình địa phương phần văn và tập làm văn

Y/c: Đọc SGK và sưu tầm những câu ca dao dân ca, tục ngữ lưu hành ở địa phương GV kí hợp đồng phần

# III. Hưng Yên, quê hương của điệu hát trống quân độc đáo

Để hs tìm hiểu và chuẩn bị

? HY là quê hương của những điệu hát nào?

? Tại sao nói hát trống quân ở HY là lối hát độc đáo ? ( nội dung? Hình thức? )

+ Nhóm trưởng các nhóm kí vào biên bản hợp đồng

# Hợp đồng học tập: Tìm hiểu lối hát trống quân ở Hưng Yên

**và ở một số tỉnh thành khác**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhiệm vụ | Bắt buộc | Thời gian | Nhóm | Địa điểm | Đáp án | Hoàn thành | Đánh giá |
| **Tìm hiểu lối hát trống quân ở Hưng Yên**  **và ở một số tỉnh thành khác** | x | 1 tuần | Các nhóm | Tại địa phương, ở nhà |  |  |  |

**Tên tôi là: Chức vụ: Lớp:**

Tôi đã hiểu rõ nội dung và nhiệm vụ, ý nghĩa của hợp đồng. Tôi cam kết sẽ cùng với tổ hoàn thành hợp đồng đúng thời gian quy định.

*Giáo viên ( kí, ghi rõ họ tên) Học sinh( kí, ghi rõ họ tên)*

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tuần 20 - Tiết 74 : CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN VĂN – TLV) TÌM HIỂU, SƯU TẦM TỤC NGỮ, CA DAO HƯNG YÊN

**KHÁI QUÁT VỀ TỤC NGỮ, CA DAO HƯNG YÊN**

1. **Mục tiêu cần đạt:**
   1. **Kiến thức:**

* Nhận biết được những giá trị về nội dung, hình thức, tác dụng của tục ngữ, ca dao dân ca Hưng Yên.
* Thấy được nét độc đáo trong điệu hát trống quân HY.
  1. **Kĩ năng:** Sưu tầm, sắp xếp tục ngữ, ca dao theo trật tự ABC
  2. **Thái độ:** Tình yêu con người, quê hương và văn học dân gian địa phương.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

1. Thầy: bài giảng
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk địa phương Hưng Yên)

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Dạy học nhóm, dạy học hợp đồng...
* KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

## Hoạt động khởi động

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* + Kiểm tra ( sự chuẩn bị của hs: SGK, vở ghi, vở soạn)
  + Tổ chức khởi động:

## Gv cho nghe một ca khúc về Hưng Yên-ca khúc đã cho em những cảm nhận nào về HY

***Hoặc : Nếu đc nói về HY em sẽ nói gì?***

***Hs đưa ra nhiều cảm nhận, ý kiến càng nhiều càng tốt.***

* 1. ***Hoạt động hình thành kiến thức mới.***

**HĐ 1. Tục ngữ Hưng Yên, kho chứa kinh nghiệm đời sống:**

* **PP: Dạy học theo nhóm**

**KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**

* **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**

**...**

**Hoạt động nhóm 5p**

-Ghi lại những câu tục ngữ ở HY?

-Nghệ thuật và nội dung ý của những câu tục ngữ đó?

# Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.

**Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức cơ bản.**

**HĐ 2. Ca dao Hưng Yên phản ánh chân thật tình cảm của con người**

* **PP: Dạy học theo nhóm**

**-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**

* **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**

**...**

**Hoạt động nhóm 5p**

-Ghi lại những câu tục ngữ ở HY về chủ đề tình yêu quê hương đát nước, con người ?

-Nghệ thuật của những câu tục ngữ đó? **Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.**

# Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức cơ bản.

* + 1. **Tục ngữ Hưng Yên, kho chứa kinh nghiệm đời sống:**

VD: *Cỏ gà mọc lang, cả làng có nước Cầu vồng mống cụt, khụng lụt thỡ bóo*

*Vồng chiều mưa sáng, ráng chiều mưa*

hôm

*Bánh đa An Viên, nhón lồng Phố Hiến Trâu Đặng Xá, cá Đầm Xuôi*

*Mai Viên lắm cá, Mai Xá lắm cua*

*Giếng làng Cuông bằng canh suông thiên hạ*

+Là những câu nói có vần, thường theo nhịp ba nhịp bốn, gieo vần liền hoặc vần cách

=>Tục ngữ HY tổng kết những kinh nghiệm về thời tiết, kĩ thuật canh tác, chăn nuôi, kinh nghiệm sống, những bài học về đạo lí nhân dân.

# Ca dao Hưng Yên phản ánh chân thật tình cảm của con người:

* + ND:

- Tình yêu quê hương đất nước.

+VD:

*Bình minh bên dải sông Hồng*

*Sum suê bóng nhãn mượt đồng đay xanh.*

Ai ơi đứng lại mà trông

Sen đình Lai Hạ, nhãn lồng bói Phương Làng em chín giếng chàng ơi

Xung quanh đá lát nước thời trong veo Làng em chẳng có ai nghèo

Nhà xây san sát khác nào kinh đô

- Tình cảm con người.

+VD:

Công cha như ....... chảy ra

-Đê làng mẹ đắp nên cao

Giữ cho tình nghĩa trước sau vẹn tròn.

-Người ta nguồn gốc ở đâu Vợ chồng như nghĩa tao khang Xuống khe bắt ốc lên ngàn hái rau. Chồng nhất thì em thứ nhì ....

* Tình yêu nam nữ.

VD:

Đó về dự hội hôm nay - ..... Gái Bông như có bùa mê - ....

\*NT: Sử dụng nghệ thuật của thể thơ lục bát truyền thống

# HĐ 3. Hưng Yên, quê hương của điệu hát trống quân độc đáo:

**+PP: dạy học nhóm, hợp đồng ....**

**+KT: thảo luận, động não...**

**+Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**

**...**

GV cho hs thanh lí hợp đồng đã chuẩn bị

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức.

(ở đền Đa Hoà, đền Hoá Dạ Trạch...)

# ( GV Tích môi trường)

? Là một công dân của Hưng Yên, em sẽ làm gì để tôn vinh cũng như làm giàu cho văn hóa của quê hương mình?

( yêu, bảo vệ, giữ gìn, trân trọng và phát triển...)

# HĐ 4. Tổng kết

-KT: hỏi và trả lời

* Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...

? Nội dung và nghệ thuật của tục ngữ, ca dao HY?

* HS đọc ghi nhớ.

# Hoạt động luyện tập:

* + 1. **Hưng Yên, quê hương của điệu hát trống quân độc đáo:**
* HY là quê hương của tiếng **chèo Nam,** ca trù, quan họ và những điệu hát dân ca khác nhưng **hát trống quân** vẫn là điệu hát đặc sắc và độc đáo.

+ Hình thức t/chức: Được tổ chức trong dịp hội làng, có khi đi làm đồng ...

+ Là hát giao duyên ...., nội dung lời hát lành mạnh, tao nhã, đoan trang.

+ Nội dung: Người hát bày tỏ tâm trạng, trình bày những hiểu biết về thiên nhiên, xã hội , những kinh nghiệm làm ăn, sinh sống thường ngày của con người với thái độ vui vẻ, khoan hoà.

+ Tiếng hát giúp người nghe giải trí, giáo dưỡng tinh thần, suy ngẫm về đạo lí tình người, gửi gắm t/yêu qhương đất nước...

-Tỉnh: Hải Dương, Thái Bình, Bắc Ninh...

# Tổng kết:

* + Ghi nhớ: SGK/42
* Các nhóm thi tìm các câu tục ngữ ca dao về HY?

+ Thời gian 2p

+ Nhóm nào nhiều ,đúng chiến thắng, nhóm thua sẽ hát cho cả lớp nghe.

# Hoạt động vận dụng:

-KT: nói tích cực

Nếu đc giới thiệu về HY em sẽ nói gì ?

+ Y/c: nói ngắn gọn....

# Hoạt động tìm tòi mở rộng

* Tiếp tục **s**ưu tầm tục ngữ, ca dao HY, lưu sổ tay văn học và trao đổi cùng bạn bè.
* Chuẩn bị : Tìm hiểu chung về văn nghị luận: đọc kĩ vb mẫu, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài, đọc thêm sách tham khảo về văn nghị luận.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tuần 20 - Tiết 75,76

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

* 1. **Mục tiêu cần đạt:**
     1. **Kiến thức:**

HS hiểu được nhu cầu nghị luận trong đời sống và đặc điểm chung của văn bản nghị luận

# Kĩ năng:

Nhận biết văn bản nghị luận khi đọc sách, báo, chuẩn bị để tiếp tục tìm hiểu sâu hơn, kĩ hơn về kiểu văn bản quan trọng này.

# Thái độ:

Yêu thích để tìm hiểu về văn nghị luận và việc sử dụng văn nghị luận trong cuộc sống.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất:sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Dạy học nhóm, nêu /phát hiện và giả quyêt vấn đề...
* KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* + Kiểm tra ( sự chuẩn bị của hs)
* Tổ chức khởi động : Có bao giờ em đặt câu hỏi vì sao? tại sao chưa? Ai sẽ giúp em trả lời cấu hỏi đó và bằng cách nào? HS trao đổi càng nhiều ý ý càng tốt.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1. Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận.**   * **PP: Dạy học theo nhóm**   **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn** | **I. Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận**  **1. Nhu cầu nghị luận** |

**đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**

**...**

**Hoạt động nhóm 5p**

**Đọc thông tin trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sgk**

? Trong đời sống em có gặp các vấn đề và câu hỏi kiểu như thế không ?

? Hãy nêu thêm các câu hỏi về các vấn đề tương tự ?

? Khi gặp các vấn đề và câu hỏi loại đó em trả lời bằng cách nào trong các cách sau : kể, tả, biểu cảm, nghị luận? vì sao?

? Vì sao các phương thức còn lại không đáp ứng yêu cầu trả lời các câu hỏi?

? Vậy miêu tả, từ sự có tác dụng gì đối với văn nghị luận?

? Trong đời sống em thường gặp văn bản nghị luận dưới dạng nào? Hãy kể các loại văn bản nghị luận mà em biết?

# Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức.

Gv cho xem một đoạn bình luận bóng đá, bình luận về vấn đề bầu cử tổng thống mĩ, chiếu ảnh hội thảo về vấn đề mội trường... ( Như vậy văn bản nghị luận tồn tại ở khắp mọi nơi, là nhu cầu thiết yếu diễn ra trong cuộc sống)

# Hoạt động cặp đôi 2p

Đọc văn bản "chống nạn thất học"

# trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sgk

?Văn bản này hướng tới ai?

?Văn bản này nói cái gì?

? Chỉ luận điểm của văn bản này là gì? (Tìm những câu văn chứa luận điểm?)

? Để ý kiến có sức thuyết phục, bài viết đó nêu ra những lí lẽ nào? Hãy liệt kê các lí lẽ ấy? Chỉ rõ dẫn chứng mà tác giả đó

-Thường gặp

- VD:

+ Vì sao em thích đọc sách?

+ Làm thế nào để học giỏi môn ngữ văn?

+ Muốn xây dựng một tình bạn đẹp chúng ta phải làm gì?

- Dùng văn nghị luận vì văn nghị luận dùng lý lẽ để phân tích, bàn bạc, đánh giá và giải quyết vấn đề .

*- Vì: Tự sự là thuật, kể câu chuyện đời thường hay tưởng tượng, dù hấp dẫn, sinh động đến đâu vẫn mang tính cụ thể – hình ảnh, vẫn chưa thể có sức thuyết phục khái quát, chưa có khả năng thuyết phục người đọc, người nghe, làm cho họ thấu tình đạt lí*

*+ M/tả là dựng tả chân dung cảnh, người, sự vật, sinh hoạt... kkông có sức khái quát Biểu cảm cũng có sử dụng lí lẽ nhưng chủ yếu vẫn là tình cảm, cảm xúc và mang tính chủ quan cảm tính nên cũng không có khả năng giải quyết các vấn đề đó nêu một cách thấu tình đạt lí*

*-> Nó chỉ có tác dụng hỗ trợ làm cho lập luận sắc bén, thêm sức thuyết phục.*

- Một vài kiểu văn bản nghị luận thường gặp:

Xã luận, bình luận thời sự, bình luận thể thao, các bài nghiên cứu, phê bình, hội thảo khoa học, trao đổi về học thuật trên các báo và tạp chí chuyên ngành...

# Thế nào là văn bản nghị luận

## Xét ví dụ

sử dụng để làm sáng rõ cho từng lí lẽ ấy?

? Tác giả có thể thực hiện được mục đích của mình bằng văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm được không? Vì sao?

**Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức**  GV giảng: *Sau cách mạng tháng 8/1945 VN phải chống lại 3 thứ giặc rất nguy hiểm (giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm). Chống nạn thất học do chính sách ngu dân của bọn thực dân Pháp để lại*

*(Không. Vì không có sức khái quát, không thể thuyết phục được người đọc, người nghe một cách gọn ghẽ, chặt chẽ, rõ ràng, đấy đủ như vậy).*

## Hoạt động cá nhân

? Qua việc tìm hiểu văn bản "chống nạn thất học" em hiểu thế nào là văn nghị luận? Văn nghị luận có những đặc điểm gì?

* Hướng tới: quốc dân Việt Nam
* Mục đích: Chống giặc dốt (nạn thất học)

=> Luận điểm: Chống nạn thất học

Câu văn chứa luận điểm: "*Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí"*

*"Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình ..... chữ quốc ngữ"*

* Lí lẽ:
* Tình trạng thất học, lạc hậu trước cách mạng tháng 8

+ Chính sách ngu dân

+ 95% số dân thất học

* Những điều kiện cần phải có để người dân xây dựng nước nhà

+ Nâng cao dân trí

+ Mọi người dân VN phải hiểu biết quyền lợi, bổn phận của mình, phải có kiến thức...

* Những khả năng thực tế trong việc chống nạn thất học

+ Người biết chữ dạy cho người chưa biết

+ Người chưa biết chữ thì gắng sức mà học cho biết

+ Phụ nữ lại càng cần phải học

## Ghi nhớ

\* Ghi nhớ (SGK/ 9)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 76** |  |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2. Luyện tập.** PP: Dạy học theo nhóm **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**   **...**  **Hoạt động nhóm 5p**  **Đọc thông tin bài 1 trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sgk**  ?Đọc diễn cảm bài văn “Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội”  ? Đây có phải là bài văn nghị luận không? Vì sao? | **II. Luyện tập 1. Bài tập 1**   * Là bài văn nghị luận( một vấn đề xã hội về lối sống đạo đức.): Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội * Để giải quyết vấn đề trên tác giả đã sử dụng nhiều lí lẽ, lập luận và dẫn chứng |

? Tác giả đề xuất ý kiến gì?

? Những dòng, câu văn nào thể hiện ý kiến đó?

? Để thuyết phục người đọc tác giả đó nêu ra những lí lẽ và dẫn chứng nào?

? Bài văn có nhằm giải quyết vấn đề có trong thực tế hay không? Em có tán thành ý kiến tác giả bài viết đưa ra không? Vì sao?

HS trình bày quan điểm cá nhân

? Qua bài tập 1, giúp em nhớ lại những đặc điểm gì của văn nghị luận.

# Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức

**Hoạt động cặp đôi 2p**

**Đọc văn bản trong sgk hãy trả lời các câu hỏi .**

? Hãy tìm hiểu bố cục của bài văn trên?

# Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức

**Hoạt động cá nhân 2p Làm bài 4**

HS đọc bài văn "Hai biển hồ"

? Bài văn "Hai biển hồ" là văn bản tự sự hay nghị luận?

Đại diện hs trình bày, hs khác nx,bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức

# Hoạt động luyện tập:

Tiết 75: Sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời Nội dung kiến thức bài học

# Hoạt động vận dụng:

để trình bày, bảo vệ quan điểm của mình

* ý kiến: Cần phân biệt thói quen xấu và thói quen tốt; cần tạo thói quen tốt và khắc phục thói quen xấu trong đời sống hằng ngày từ những việc nhỏ.
* Những dòng thể hiện ý kiến đó:
* Có thói quen tốt và thói quen xấu" " Thói quen này thành tệ nạn"
* Tạo được thói quen tốt là rất khó ... cho xã hội"
* Lí lẽ: " tạo được thói quen tốt là rất khó

.... cho xã hội"

* Dẫn chứng: Luôn dậy sớm ...là thói quen tốt

Hút thuốc lá... Vứt rác bừa bãi.... (Ghi nhớ SGK/7)

# Bài tập 2

* Mở bài: Câu 1 (có thói quen tốt và thói quen xấu): Nêu vấn đề
* Thân bài: Tiếp -> rất nguy hiểm:

+ Dùng lí lẽ dẫn chứng trình bày những thói quen xấu cần loại bỏ

+ Đưa ra thói quen xấu để thấy rằng nó cần loại bỏ chứ không đưa ra thói quen tốt thì không biết những thói quen xấu ntn

* Kết bài: còn lại: Hướng phấn đấu và mong muốn mọi người có thói quen tốt tự giác, có nếp sống văn minh.

# Bài tập 4

* Bài văn kể chuyện hai biển hồ nhằm mục đích bàn về 2 cách sống của con người (2 đoạn cuối văn bản) => đây là bài văn nghị luận
* Hãy bình luận về vẻ đẹp của các loài hoa trong khuôn viên trường em?
* Hãy viết 1 đoạn văn đưa ra ý kiến về 1 cách học Tiếng Anh em cho là hiệu quả?

# 5. Hoạt động tìm tòi mở rộng

Tiết 75

* Tìm thêm các văn bản văn nghị luận đọc, tập bình luận một vấn đề nào đó( 1 trận kéo co, 1 trận bóng đá, một cảnh đẹp nào đó em biết hoặc xem qua ti vi, báo đài...)
* Học bài, thuộc ghi nhớ
* Làm bài tập phần luyện tập (SGK/ 9, 10); để chuẩn bị cho tiết sau Tiết 76
* Tìm đọc các văn bản nghị luận
* Xem lại các bài tập và làm bài tập 3 SGK/ 10
* Chuẩn bị bài mới: Tục ngữ về con người xã hội (Đọc văn bản, chú thích, nhắc lại khái niệm tục ngữ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

# Tuần 21

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 77: TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

1. **Mục tiêu: HS cần:**
2. **Kiến thức:**

* Hiểu nội dung, ý nghĩa và một số hình thức diễn đạt ( so sánh, ẩn dụ, nghĩa đen và nghĩa bóng) của những câu tục ngữ trong bài học.
* Thuộc lòng những câu tục ngữ trong văn bản

# Kĩ năng:

Phân tích được nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ

# Thái độ:

Yêu thích để vận dụng tục ngữ trong giao tiếp

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất:sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

* 1. Thầy: Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
  2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Dạy học nhóm, nêu /phát hiện và giải quyêt vấn đề...
* KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra: ? Thế nào là tục ngữ? Đặc điểm của tục ngữ?

? Đọc thuộc các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động, sản xuất. Phân tích 1 câu tục ngữ mà em thích nhất.

* Tổ chức khởi động:

Đọc những câu tục ngữ mà em biết?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1.Đọc và tìm hiểu chung.**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực. * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động cả lớp**  **-**Các câu tục ngữ cần đọc với giọng ntn?  (nhẹ nhàng, tình cảm, đầy kinh nghiệm...)   * Hãy thể hiện văn bản bằng giọng đọc đó? * Chú thích nào cần lưu ý ?   **Sử dụng KT hỏi và trả lời để tìm hiểu**  ? Có thể chia 9 câu tục ngữ trong bài làm mấy nhóm?  ? Mỗi nhóm gồm những câu nào?  ?Khái quát nội dung những câu tục ngữ đó? | **I . Đọc và tìm hiểu chung**   * Đọc * Chú thích : SGK/2 * Cấu trúc   Nhóm 1: Câu1->6: Tục ngữ về con người  + Câu 1, 2, 3: phẩm chất con người  + Câu 4, 5, 6: việc học tập tu dưỡng  Nhóm 2: Câu 7, 8, 9: Những câu tục ngữ về quan hệ ứng xử xã hội  **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1. Tục ngữ về con người:**  **a) Tục ngữ về phẩm chất con người: Câu 1** *Một mặt người bằng mười mặt của* |

# HĐ2. Tìm hiểu chi tiết văn bản

+PP: vấn đáp- gợi mở, phân tích mẫu,giảng bình, dạy học nhóm

+KT: Đặt câu hỏi, thảo luận

## - Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...

**Hoạt động nhóm 5p**

?Giải thích nghĩa của câu tục ngữ 1,2,3 ?( Nội dung, nghệ thuật)

? Kinh nghiệm ứng dụng của những câu tục ngữ đó trong cuộc sống?

- Nhận xét chung về nội dung của các câu tục ngữ đó?

# Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.

**Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức cơ bản.**

*Với kết cấu 2 vế ss, tg dân gian đó sd khéo léo bp hoán dụ (lấy bộ phận chỉ toàn thể) – dựng mặt người để chỉ con người; bp nhân hóa (mặt của). Điểm khác biệt của 2 vế ss này chính là số từ “một – mười”. Chính ~ số từ đó đó nói lên quan niệm của dân gian về giá trị của con người: người quý hơn của, quý gấp bội lần.*

- *dị bản: 1 mặt người = 10 mặt ruộng, 1 mặt người > 10 mặt của. Thời nào cũng vậy, đối với con người, của cải vc rất quan trọng, với người nông dân, ruộng nương quý biết chừng nào. Ko phải nd ta ko coi trọng vc của cải, mà là vc của cải quan trọng là thế, song vẫn ko có giá trị = con người.*

*GV: Góc là cách tính mang t.chất định lượng tương đối của nd, nghĩa là chiếm khoảng ¼ tổng thể. (VD: ko bằng 1 góc nhà tôi) -> cách sd từ hay, độc đáo.*

**GV bình**: Câu TN nhấn mạnh tầm

+ NT: bp so sánh ngang bằng, hoán dụ, nhân hóa

-> Khẳng định người quý hơn của, quý gấp bội lần

=> Đề cao giá trị con người hơn mọi thứ của cải vật chất.

- Vận dụng: Phê phán những trường hợp coi của hơn người; An ủi động viên những trường hợp mà nhân dân cho là "Của đi thay người"; Nói về tư tưởng đạo lí, triết lí sống của nhân dân: đặt con người lên trên mọi thứ của cải.

* *Người làm ra của chứ của không làm ra người*
* *Người sống hơn đống vàng*
* *Lấy của che thân chứ không ai lấy thân che của*

**Câu 2:** *Cái răng cái tóc là góc con người*

* Nghĩa của câu tục ngữ:

+ Răng và tóc phần nào thể hiện được sức khỏe của con người

+ Răng, tóc là một phần thể hiện hình thức, tính tình, tư cách của con người.

* NT: gieo vần lưng. Sd từ ngữ độc đáo.

-> Câu TN thể hiện cỏch nhỡn nhận, đánh giá, bình phẩm con người của nhân dân; đồng

quan trọng của răng và tóc trong việc thể hiện hình thức cũng như tính cách con người. Có câu TN khác: *Một thương tóc bỏ đuôi gà; Hai thương răng trắng như ngà dễ thương.* Người Việt xưa rất coi trọng hàm răng, mái tóc. Đó là cái đầu tiên để đánh giá 1 người đẹp. Có đc mái tóc dài bóng mượt, hàm răng nhuộm đen nhánh là niềm kiêu hãnh của các cô gái Việt xưa. Ngày nay, quan niệm về vẻ đẹp có nhiều đổi khác, song mái tóc, hàm răng vẫn là cái “góc” rất quan trọng làm toát lên vẻ đẹp con người.

- GV – HS liên hệ cuộc sống.

*TN về con người – xh ko chỉ dừng lại ở lớp nghĩa đen mang tính cụ thể mà cái quan trọng hơn, câu TN muốn gửi gắm vào đó ý nghĩa hàm ẩn mang tính khái quát cao. Dự ở thời đại nào thì con người luôn cần giữ cho mình lòng tự trọng. Vật chất, miếng cơm manh áo luôn có sức cảm dỗ mạnh mẽ, nhiều khi nó làm lóa mắt ta, khiến ta “đói ăn vụng, túng làm liều”, ko còn giữ đc nhân cách trong sạch. Vậy nên hs các em cũng cần ghi nhớ: đói cho sạch, rách cho thơm, giấy rách phải giữ lấy lề.*

# Hoạt động theo căp 2p

Tìm nội dung , nghệ thuật ý nghĩa câu tục ngữ 4,5,6

# Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức

*+ Gói , mở: Các cụ kể rằng ở HN trước đây 1 số gđ giàu sang thường gói nước chấm vào lá chuối xanh, đặt vào chén bày lên mâm. Lá chuối giòn dễ gãy rách khi gói, dễ bật tung khi mở. Người gói hay người mở đều phải khéo. Vì thế biết gói, biết mở trong trường hợp này đc coi là 1 tiêu chuẩn*

thời khuyên nhủ, nhắc nhở con người phải biết giữ gìn răng tóc cho sạch và đẹp.

**Câu 3:** *Đói cho sạch, rách cho thơm*

* NT: 2 vế đối rất chỉnh, gieo vần lưng, sd ẩn dụ (đói rách -> những thiếu thốn vật chất

Sạch – thơm -> phẩm cách trong sạch)

* Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù rách vẫn phải ăn mặc sạch sẽ, thơm tho.

Nghĩa bóng: Dù nghèo khổ vẫn phải sống trong sạch, ko vì nghèo mà làm điều xấu xa, tội lỗi

-> Câu TN là lời nhắc nhở, giáo dục ta về lòng tự trọng của mỗi người.

# b) Những câu tục ngữ về học tập, tu dưỡng của con người

**Câu 4** *Học ăn, học nói, học gói, học mở*

* NT: hình thức câu ngắn gọn gồm 4 vế cân đối, sd điệp ngữ “học”, cách gieo vần lưng.

-> Để trở thành người lịch sự, biết giao tiếp có văn hóa, thì cần phải học và tự rèn luyện mình từ những hành vi, việc làm nhỏ nhất.

**Câu 5** *Không thầy đố mày làm nên*

* NT: bptt nói quá, sd từ ngữ dân dã
* Nghĩa đen: Không có thầy dạy thì không làm nên

Nghĩa bóng: khẳng định vai trò công ơn của người thầy trong việc giáo dục con người.

* Vận dụng: Khuyên mọi người phải kính trọng thầy giáo và nghề giáo

+ Muốn sang thì bắc cầu Kiều… thầy

+ Nhất tự vi sư, bán tự vi sư

*của người khéo tay, lịch thiệp. V.vậy, gói, mở đều phải học.*

*+ Lời nói chẳng mất tiền mua ...; Ăn trông nồi, ngồi trông hướng; Ăn đưa xuống, uống đưa lên*

GV: *Mỗi hành vi của con người đều là sự tự giới thiệu mình với người khác và đều đc người khác đánh giá. Từ khi còn nhỏ cũng cần tự rèn dũa cho mình những hành vi, cử chỉ đúng mực: đi-về chào hỏi, nói năng từ tốn, nhẹ nhàng, thưa gửi với bề trên, xưng hô bạn bè, mượn hỏi, trả cảm ơn,...*

(*GV giảng :thày không chỉ là thày cô trong trường học, mà có thể là những người thày trong cuộc sống, là bất cứ ai dạy ta về kiến thức hay lẽ sống: là ông bà cha mẹ, hay dù là 1 người lạ gặp trên đường*,...)

(Vì bạn là người gần gũi với ta có thể học hỏi được nhiều điều, ở nhiều lúc) **Hoạt động nhóm 5p**

?Chỉ ra nội dung ,nghệ thuật , ý nghĩa của câu tục ngữ 7,8,9.

? Từ đó em hiểu những câu tục ngữ này khuyên chúng ta điều gì?

# Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức

+ Lá lành đùm lá rách

+ Một con ngựa đau...

+ Bầu ơi thương lấy bí cùng… 1 giàn

+ Ba ông thợ da bằng một ông Gia Cát

+ Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết

+ Thuận vợ thuận chồng, bể Đông tát cạn

+ Đoàn kết là sức mạnh...

**Câu 6** *Học thày không tày học bạn*

* NT: So sánh ( không bằng)
* Nghĩa đen: Học thầy không bằng học bạn Nghĩa bóng: đề cao vai trũ của việc học bạn

-> Khuyến khích ta mở rộng đối tượng, phạm vi học hỏi và khuyên nhủ về việc xây dựng tình bạn đẹp

1. **Tục ngữ về mối quan hệ trong xã hội Câu 7** *Thương người như thể thương thân*

* NT: so sánh ngang bằng
* Nghĩa: Thương người khác như thương chính bản thân mình

-> Câu tục ngữ khuyên người ta lấy bản thân mình soi vào người khác, coi người khác như bản thân mình để quý trọng, đồng cảm, thương yêu họ.

**Câu 8:** *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

* NT: ẩn dụ
* Nghĩa đen: Khi ăn quả phải nhớ ơn người đó trồng cây

Nghĩa bóng: Khi được hưởng thành quả phải nhớ đến người đã có công gây dựng, giúp đỡ mình.

=> Câu TN là lời khuyên sâu sắc hơn về lòng biết ơn.

**Câu 9** *Một cây làm chẳng lên non…*

* NT: Ẩn dụ
* Nghĩa đen: Một cây không làm nên núi, rừng, nhiều cây có thể tạo nên rừng, núi

Nghĩa bóng: Một người lẻ loi không thể làm nên việc lớn, việc khó; nhiều người hợp sức sẽ tạo ra sức mạnh to lớn, làm đc nhiều việc khó khăn, lớn lao.

=> Khẳng định chân lí đoàn kết là sức mạnh vô địch

# III. Tổng kết

* Về hình thức: chúng đều có cấu tạo ngắn, có vần, nhịp, thường sử dụng phép so sánh, ẩn dụ

# Hoạt động luyện tập

? Đọc diễn cảm các câu tục ngữ về con người và xã hội?

# Hoạt động vận dụng:

?Viết đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng câu tục ngữ?

# Hoạt động tìm tòi mở rộng

* Sưu tầm thêm các câu tục ngữ về con người và xã hội, lưu sổ tay văn học
* Học thuộc lòng các câu tục ngữ. Làm bài tập phần luyện tập SGK/ 13
* Chuẩn bị bài mới: Rút gọn câu

+ Trả lời các câu hỏi trong sgk.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu cần đạt:

* + 1. **Kiến thức:**

**Tuần 21, Tiết 78: RÚT GỌN CÂU**

* Nhận biết được cách rút gọn câu. Hiểu được tác dụng của rút gọn câu

# Kĩ năng:

* Chuyển đổi từ câu đầy đủ sang câu rút gọn và ngược lại

# Thái độ:

* Biết sử dụng câu rút gọn trong từng trường hợp

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất:sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Dạy học nhóm, nêu /phát hiện và giải quyêt vấn đề...
* KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra: ( kiểm tra vở soạn của học sinh)
* Tổ chức khởi động:

Các dòng sau có phải là câu k?

* Học giỏi lắm.
* Nói to lên.
* Hát hay quá.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1. Thế nào là rút gọn câu**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực. * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...   **Hoạt động nhóm 5p**  **?Đọc 2 VD trong sgk và trả lời các câu hỏi**  **?Từ đó rút ra nhận xét thế nào là câu rút gọn.**  **?Lấy VD về việc rút gọn câu trong thực tế?**  **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức**  HS đọc ghi nhớ  **HĐ2. Cách dùng câu rút gọn**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực. * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ... | **I. Thế nào là rút gọn câu**  1. Xét ví dụ  ***a. VD 1***   * Câu (a) lược bỏ t.phần CN (chúng tôi)   -> Ngụ ý hoạt động nói đến trong câu là của tất cả mọi người.   * Những CN trong câu a: Chúng ta, người VN, chúng em, ..... * Lược bỏ CN vì đây là 1 câu tục ngữ đưa ra lời khuyên cho mọi người hoặc nêu nxét chung về đặc điểm của người VN ta   ***b. VD 2***   * (a) lược bỏ vị ngữ ( đuổi theo nó)   -> tránh lặp từ đó xuất hiện ở câu trước   * Lược bỏ cả chủ ngữ lẫn vị ngữ   => Làm cho câu ngắn gọn hơn nhưng vẫn đảm bảo được lượng thông tin cần truyền đạt.  2. Ghi nhớ: SGK/15  **II. Cách dùng câu rút gọn**  1. Xét ví dụ |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động nhóm 5p**  ?Đọc 2 VD trong sgk và trả lời các câu hỏi  ?Lấy VD về việc rút gọn câu trong thực tế?  ? Qua 2 VD trên, em hãy cho biết khi rút gọn câu cần lưu ý điều gì?  **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức**  **Hs đọc ghi nhớ** | VD1:   1. Thiếu thành phần chủ ngữ 2. Không nên rút gọn như vậy. Vì rút gọn như vậy sẽ làm cho câu trở nên khó hiểu. Văn cảnh không cho phép không phục chủ ngữ một cách dễ dàng   VD2:   1. Câu trả lời không được lễ phép 2. Thêm ạ: (Mẹ ơi, hôm nay con được 1 điểm 10 **ạ**!)   2. Ghi nhớ: SGK/ 16 |
| ***3. Hoạt động luyện tập*** | |
| **HĐ3. Luyện tập** PP: Dạy học theo nhóm **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác**   **...**  **Hoạt động nhóm 5p**  **Đọc thông tin bài 1 trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sgk**  **Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức**  **Hoạt động cặp đôi 2p**  **Đọc văn bản trong sgk hãy trả lời các câu hỏi .**  **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức** | **III. Luyện tập**  **Bài 1:** - Câu b rút gọn chủ ngữ  ( Chúng ta) ăn quả nhớ kẻ trồng cây)  - Câu c rút gọn chủ ngữ  ( Người, ai) nuôi lợn ăn cơm nằm, (người, ai) nuôi tằm ăn cơm đứng  - Câu d rút gọn nòng cốt câu ( C- V)  ( Chúng ta nên nhớ rằng) tấc đất, tấc vàng  => Làm cho câu trở nên gọn hơn, ngụ ý những hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người.  **Bài 2:**   1. ( Tôi) bước tới........   ( Thấy) cỏ cây chen đá....... ( thấy) lom khom  ( thấy) lác đác  ( Tôi như) con quốc quốc ( Tôi như) cái gia gia....  ( Tôi) dừng chân  ( Tôi cảm thấy chỉ có) một mảnh tình ...   1. ( người ta) đồn rằng ( Vua) ban khen....... |

# Hoạt động vận dụng:

-Kĩ thuật viết tích cực

Viết đoạn văn ngắn trong đó có câu rút gọn?

# Hoạt động tìm tòi mở rộng

* Tìm hiểu thêm về rút gọn câu
* Học bài. Hoàn thành các bài tập còn lại
* Chuẩn bị bài mới: Đặc điểm của văn bản nghị luận Trả lời các câu hỏi trong sgk.

**Tuần: 21** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 79: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

* 1. **Mục tiêu: HS cần :**
     1. **Kiến thức:**
* HS nhận biết rõ các yếu tố cơ bản của bài văn nghị luận và mối quan hệ của chúng với nhau

# Kĩ năng:

* Biết xác định luận điểm, luận cứ và lập luận trong một bài văn mẫu
* Biết xây dựng luận điểm, luận cứ và triển khai lập luận cho một đề bài.

# Thái độ:

* Yêu thích tìm hiểu các yếu tố luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Dạy học nhóm, nêu /phát hiện và giả quyêt vấn đề...
* KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra: Thế nào là câu rút gọn? Rút gọn câu nhằm mục đích gì? cần chú ý điều gì ?
* Tổ chức khởi động:

# Kĩ thuật nói tích cực

Làm cách nào để mọi người tin bạn Lan học giỏi và chăm ngoan. HS nói càng nhiều ý kiến càng tốt.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1. Luận điểm, luận cứ và lập luận**   * **PP: Dạy học theo nhóm**   **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...**   **Hoạt động nhóm 5p**  **Đọc vd trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sgk**  ? Em hiểu thế nào là luận điểm?  ? Luận điểm chính của văn bản "Chống nạn thất học" là gì?  ? Luận điểm đó được nêu ra dưới dạng nào và cụ thể hóa thành những câu văn như thế nào?  ? Luận điểm đóng vai trò gì trong bài văn nghị luận?  ? Muốn có sức thuyết phụ thì luận điểm phải đảm bảo những yêu cầu gì?  ? Vậy thế nào là luận điểm? Luận điểm giữ vai trò gì trong văn nghị luận? Luận điểm phải như thế nào để có sức thuyết phục?  **Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức**  - GV: Luận điểm được thể hiện trong nhan đề, dưới dạng các câu khẳng định nhiệm vụ chung (luận điểm | 1. **Luận điểm, luận cứ và lập luận**    1. **Luận điểm**   ***a. Xét VD***  Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận   * Luận điểm: Chống nạn thất học * Nêu dưới dạng nhan đề văn bản (một khẩu hiệu) * Câu : "Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình ..... chữ quốc ngữ"   Cụ thể hóa bằng việc làm:  + Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ ....  + Người chưa biết chữ thỡ gắng sức mà học cho biết  + Phụ nữ lại càng cần phải học  => Như thế tức là chống nạn thất là một công việc cần phải làm ngay   * Là ý chính thể hiện tư tưởng của bài văn nghị luận * Yêu cầu: luận điểm cần đúng đắn, rừ ràng, sâu sắc, có tính phổ biến ( vấn đề được nhiều người quan tâm)   ***b. Ghi nhớ*** |

chính), nhiệm vụ cụ thể (luận điểm phụ) trong bài văn.

# Hoạt động cặp 2p

**Đọc vd trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sau**

? Em hiểu thế nào là luận cứ?

? Luận cứ thường trả lời các câu hỏi như thế nào?

? Hãy chỉ ra những luận cứ trong văn bản "Chống nạn thất học"?

? Những luận cứ đó đóng vai trò gì?

? Muốn có sức thuyết phục thì luận cứ phải đảm bảo những yêu cầu gì?

# Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức

**Hoạt động cặp 2p**

**Đọc vd trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sau**

? Lập luận là gì?

? Em hãy chỉ ra trình tự lập luận của

\* Ghi nhớ (SGK/ 19)

# Luận cứ

## Xét VD

(SGK/ 19)

Luận cứ trong VB "Chống nạn thất học"

* + Tình trạng thất học, lạc hậu trước cách mạng tháng 8

+ Chính sách ngu dân

+ 95% số dân thất học

* + Những điều kiện cần phải có để người dân xây dựng nước nhà

+ Nâng cao dân trí

+ Mọi người dân VN phải hiểu biết quyền lợi, bổn phận của mỡnh, phải cú kiến thức...

* + Những khả năng thực tế trong việc chống nạn thất học

+ Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ ....

+ Người chưa biết chữ thỡ gắng sức mà học cho biết .....

+ Phụ nữ lại càng cần phải học

* Luận cứ làm cơ sở cho luận điểm giúp luận điểm đạt tới sự sáng rõ, đúng đắn (chân lí) và có sức thuyết phục.
* Yêu cầu:

+ Lí lẽ: là những đạo lí, lẽ phải đó được thừa nhận, nêu ra là được đồng tình

+ Dẫn chứng: là sự việc, số liệu, bằng chứng để xác nhận cho luận điểm. Dẫn chứng phải xác thực, đáng tin cậy không thể bác bỏ.

=> Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu

## Ghi nhớ

\* Ghi nhớ (SGK/ 19)

# Lập luận

## a. Xét VD

* Trình tự lập luận của văn bản "Chống nạn

|  |  |
| --- | --- |
| văn bản “Chống nạn thất học" và cho biết lập luận như vậy tuân theo thứ tự nào và có ưu điểm gì?  ? Lập luận cần phải đảm bảo yêu cầu gì?  ? Lập luận là gì? Yêu cầu của lập luận?  **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức**  - GV: Lập luận bao gồm các suy lí, quy nạp, diễn dịch, phân tích, so sánh, tổng hợp sao cho luận điểm đưa ra là hợp lí, không thể bác bỏ. Mở bài cũng có lập luận, thân bài và KB cũng có lập luận. Có thể nói lập luận có ở khắp bài văn nghị luận. Có lập luận mới đưa ra được luận điểm như là kết luận của nó | thất học"  + Nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học, chống nạn thất học để làm gì  + Nêu tư tưởng chống nạn thất học (LĐ)  + Các cách chống nạn thất học  => Lập luận theo quan hệ nhân quả (lí lẽ 1, 2) và quan hệ điều kiện (lí lẽ 3).  ưu điểm: bài viết chặt chẽ  Yêu cầu: lập luận phải chặt chẽ, hợp lí  ***b. Ghi nhớ***  \* Ghi nhớ (SGK/ 19 |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ2. Luyện tập** PP: Dạy học theo nhóm **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...**   **Hoạt động nhóm 5p**  Trả lời các câu hỏi trong phần luyện tập  **Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức** | **III.Luyện tập**   * Luận điểm: Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội * Luận cứ:   + LC1: Có thói quen tốt và thói quen xấu  + LC2: Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng đó thành thói quen nờn rất khó bỏ, khó sửa  + LC3: Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu rất dễ  - Lập luận:  + Luôn dậy sớm ... là thói quen tốt  + Hút thuốc lá ... là thói quen xấu |

# Hoạt động vận dụng:

* Viết luận điểm, luận cứ, để chứng minh bạn Lan là người học giỏi ,chăm ngoan.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các tài liệu về đặc điểm của văn bản nghị luận
* Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thành bài tập phần luyện tập (SGK/ 20)
* Chuẩn bị bài mới: Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận

**Tuần 21** Ngày soạn: Ngày dạy:

# *Tiết 80* : ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VÀ VIỆC LẬP Ý

**CHO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

* + - * 1. **Mục tiêu cần đạt:**

**Kiến thức:** HS làm quen với các đề văn nghị luận, biết tìm hiểu đề và cách lập ý cho bài văn nghị luận.

**Kĩ năng:** Nhận biết luận điểm, tìm hiểu đề bài văn nghi luận và tìm ý, lập ý

**Thái độ:** Yêu thích bài văn nghị luận

# Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

# Chuẩn bị:

Thầy:- Bài soạn, tài liệu liên quan.

Trò:- Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học

* + - * 1. **Tổ chức các hoạt động học tập**

**Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* + Kiểm tra: - Thế nào là luận điểm, vai trò, yêu cầu của luận điểm? Thế nào là luận cứ, vai trò, yêu cầu của luận cứ? Thế nào là lập luận, yêu cầu của lập luận ?
  + Tổ chức khởi động:

Hãy tìm bằng chứng cho nỗi oan của bạn , khi bị nghi lấy tiền quỹ của lớp? Hs đưa ra nhiều dẫn chứng khác nhau.....càng nhiều càng tốt.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1. Tìm hiểu đề văn nghị luận**   * **PP: Dạy học theo nhóm**   **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...** | **I-Tìm hiểu đề văn nghị luận**  **1- Nội dung và tính chất của đề** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động nhóm 5p**  **Đọc các đề trong sgk và hãy trả lời các câu hỏi**  ? Các vấn đề của các đề văn trên xuất phát từ đâu?  ? Mục đích của việc nêu ra những vấn đề đó là gì?  ? Có thể xem chúng là những đề bài nghiij luận được không?  +Căn cứ vào đâu để nhận ra các đề trên là văn NL?  + Làm thế nào để giải quyết những vấn đề trên?  ? Khi đề nêu ra quan điểm , người viết phải có thái độ ntn?  ? Vậy đề văn có tính chất ra sao đối với bài văn?  ? Qua việc tìm hiểu em cho biết đề văn NL có nội dung, t/c ntn?  **Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức**.  HS đọc ghi nhớ.  **Hoạt động cặp 2p**  **Đọc đề trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sau**   1. Đề nêu lên vấn đề gì? Cho biết đối tượng và phạm vi nghị luận của đề? 2. Đề khẳng định hay phủ định tư tưởng tự phụ? 3. Em hiểu tự phụ là gì? 4. Vậy để làm đề văn này người viết phải làm gì?   Đại diện các nhóm trình bày, hs khác bổ sung, nx, gv hoàn chỉnh kiến thức.  ? Từ việc tìm hiểu trên, theo em muốn làm bài văn nghị luận tốt ta phải làm gì?Và cần lưu ý những gì?  **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức** Hs đọc ghi nhớ/ sgk | * Xuất phát từ c/s, xã hội, con người * Mục đích: Làm sáng rõ, bàn luận * Là những đề bài văn nghị luận * Mỗi đề nêu ra 1 số khái niệm, 1 số vấn đề có tính lí luận. * Giải quyết: Phân tích, chứng minh * Thái độ: Đồng tình hoặc phản đối * Tính chất: Định hướng.   **\* Ghi nhớ: sgk**  **2- Tìm hiểu đề văn nghị luận**  **\* Tìm hiểu ví dụ/sgk**   * Đề: “ Chớ nên tự phụ”-> Luận điểm( vấn đề tự phụ) * Đối tượng và phạm vi nghị luận: Phân tích, khuyên không nên tự phụ * Khuynh hướng: Phủ định tính tự phụ * Tự phụ là kiêu căng, không khiêm tốn * Người viết phải có thái độ tự phê phán thói kiêu căng, khẳng định sự khiêm tốn học hỏi, bíêt mình, biết người   **\* Ghi nhớ 1,2/sgk/23** |
| **HĐ2. Lập ý cho bài văn nghị luận** | **II- Lập ý cho bài văn nghị luận** |

|  |  |
| --- | --- |
| PP: Dạy học theo nhóm **-KT:Thảo luận nhóm, tự học, hợp tác...**   * **Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức, hợp tác ...**   **Hoạt động cặp 2p**  **Đọc đề trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sau**  ? “ Chớ nên tự phụ” là ý kiến thể hiện tư tưởng thái độ đối với thói tự phụ.Em có tán đồng với ý kiến đó không?  ? Vậy cho biết luận điểm chính của đề?  ? Hãy lập luận cho luận điểm đó( Bằng cách đưa lí lẽ dẫn chứng)?  **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức** (GV hướng dẫn: mở rộng, liên hệ với tục ngữ, ca dao, thành ngữ: “đi một ngày đàng học một sàng khôn, ếch ngồi đáy giếng, khiêm tốn bao nhiêu cũng không đủ, 1 lần tự kiêu cũng là thừa”…  **Hoạt động cặp 2p**  **Đọc đề trong sgk và hiểu biết của em hãy trả lời các câu hỏi sau**   1. Thế nào là tự phụ? 2. Vì sao người ta khuyên không nên tự phụ? Nêu dẫn chứng cụ thể xung quanh môi trường sinh sống của em( trường lớp, bạn bè, hàng xóm…) hs nêu   **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức**  **Hoạt động cặp 2p**  **Hãy trả lời các câu hỏi sau**  ?Em sẽ dẫn dắt vấn đề này ntn?Việc làm như vậy có tác dụng gì?  ? Từ việc tìm hiểu đề văn trên, muốn lập ý cho bài văn NL ta cần xác lập những gì?  **Đại diện 1 cặp trình bày, các cặp khác bổ sung, gv nhận xét và chốt kiến thức** Y/c hs đọc ghi nhớ | **1- Xác định luận điểm**   * Tán đồng * Chớ nên tự phụ. * Lập luận (lí lẽ, dẫn chứng)   + Tự phụ là thói xấu  + Khiêm tốn tạo cái đẹp cho nhân cách thì tự phụ làm cho con người trở nên tầm thường( 2 mặt của 1 vấn đề)  + Bản thân cá nhân không biết mình là ai, đem lại hậu quả khôn lường (ếch ngồi đáy giếng), bị mọi người khinh bỉ, coi thường người khác thiếu thận trọng trong mọi việc.  **2- Tìm luận cứ**   * Tự phụ là kiêu căng, đánh giá quá cao khả năng của bản thân, coi thường mọi người, không khiêm tốn. * Vì mình không biết mình -> bị người khác ghét có hại cho mình, bị cô lập với mọi người.   **3- Xây dựng lập luận**   * Bắt đầu định nghĩa tự phụ là gì? * Tiếp theo làm nổi bật một sốnét tính cách cơ bản của kẻ tự phụ   -> Cho thấy tác hại của nó  => Đi theo trình tự hợp logic, thống nhất cho bài viết  **Ghi nhớ/ sgk/tr 23** |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |

# Hoạt động vận dụng:

? Viết đoạn văn chứng minh xã em là xã nông thôn mới ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

**-** Làm hoàn chỉnh đề sách là người bạn lớn Nắm vững cách tìm hiểu đề và tìm ý

- Đọc tham khảo thêm trong sgk/23,24

Chuẩn bị “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” (Đọc bài, tìm hiểu chú thích, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

# TUẦN 22

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 81: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

**(Hồ Chí Minh)**

**I/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

1. **Kiến thức:** Hiểu được tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta.

-Đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận qua văn bản

1. **Kĩ năng:** Đọc, tìm hiểu, phân tích bố cục, cách nêu luận điểm, cách đưa luận chứng , lý lẽ , lập luận trong bài văn nghị luận xã hội.
2. **Thái độ:** Biết ơn, trân trọng,tự hào, giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.
3. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp....

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm,nêu và giải quyết vấn đề ...
* KTDH: chia sẻ nhóm đôi, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ,tranh luận ủng hộ phản đối,đọc tích cực, viết tích cực, hỏi và trả lời, chia nhóm,phân tích vi deo, nói tích cực,...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**

\*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* + Kiểm tra: ( vở soạn của hs)
  + Tổ chức khởi động
* GV cho xem 1 đoạn clip về các thời kì dựng nước và giữ nước tiêu biểu trong l/s dân tộc trên youtube

+ Cảm nghĩ của em về những hình ảnh trong đoạn clip ? Gọi nhiều hs nói .....

-Hoặc chiếu 4 bức tranh hình ảnh ( Thánh gióng, chiến thắng Bạch Đằng, ....) Giới thiệu ngắn gọn về những hình ảnh đó.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1.Đọc và tìm hiểu chung.**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực... * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động cả lớp**  ?Chúng ta nên đọc vb với giọng ntn?   * giọng mạch lạc, rõ ràng, dứt khoát nhưng vẫn thể hiện tình cảm, lưu ý các động từ: *lướt, nhấn, có;* các QHT: *từ .... đến*; các hình ảnh so sánh ... * Gọi HS đọc. * Gv : nhận xét ...   ? Những chú thích nào cần chú ý trong văn bản? | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  1. Đọc, tìm hiểu chú thích  \* Đọc  \*Chú thích ( sgk) |

|  |  |
| --- | --- |
| **GV sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời để tìm hiểu tg-tp**  **Hoặc thuyết trình về tác giả tác phẩm?**  **Gv nhận xét và chốt vấn đề** | 1. Tác giả (sgk) 2. Tác phẩm: 3. Xuất xứ: Vb là 1 đoạn trích trong “Báo cáo chính trị” được HCM trình bày tại ĐH lần thứ II (02/1951) của Đảng Lao động Việt Nam (nay là ĐCSVN). 4. Kiểu văn bản: nghị luận chứng minh c- Ptbđ chính: Nghị luận   - Vấn đề nghị luận: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta  d- Bố cục: 3 phần  + **Nêu vấn đề NL**: Nhận định chung về lòng yêu nước.  **Giải quyết vấn đề:** Biểu hiện của lòng yêu nước.  + **Kết thúc vấn đề:** Nhiệm vụ của chúng ta |
| **HĐ2. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  +PP: dạy học nhóm, nêu và giải quyết vấn đề....  +KT: chia sẻ nhóm đôi, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ,đọc tích cực, viết tích cực, hỏi và trả lời, chia nhóm,nói tích cực,...  + Năng lực làm việc nhóm, tự học, ngôn ngữ, giao tiếp,....  **Hoạt động nhóm 7p**  Đọc đoạn 1 trong văn bản thực hiện 2 nhiệm vụ sau  **-Nhiệm vụ 1: 2p**  ?Tìm câu chủ đề của đoạn văn?  ? Chỉ ra kiểu câu ? giọng điệu, từ ngữ ? cách nêu vấn đề ?  Câu chủ đề có nhiệm vụ gì?  **-Nhiệm vụ 2: 5p**  ? Tìm chi tiết nói lên lòng yêu nước  ?  ?Nhận xét về cách diễn đạt , sử dụng hình ảnh, cách sd từ ngữ? | **II.Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1. Nêu vấn đề: Nhận định chung về lòng yêu nước:**   * *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước"*   + NT: sd kiểu câu khẳng định, nêu vấn đề trực tiếp, giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát, từ ngữ gợi cảm, giàu h/ả (nồng nàn, quý báu,...)  -> Khẳng định mạnh mẽ tinh thần yêu nước quý báu của dân tộc ta.   * *"Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành 1 làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi* |

? Cảm nhận của em về lòng yêu nước của nhân dân ta?

# Đại diện 1 nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung

**Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức**

**Hoạt động cặp đôi 2p**

? Đặt trong bố cục bài văn NL, phần mở đầu của bài văn này có ý nghĩa ntn?

? Có ý kiến cho rằng, trong kết cấu của phần MB, câu văn t3 đã giới hạn phạm vi vấn đề sẽ triển khai. ý kiến của em thế nào?

# Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác bổ sung

**Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức**

**-Kĩ thuật nói tích cực**

? Đoạn văn đã gợi lên trong em và tác giả tình cảm nào?

*sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"*

+ NT: Kiểu câu dài, nhiều vế, trùng điệp; H/a ẩn dụ: làn sóng – sức mạnh của tinh thần yêu nước; Động từ "kết thành, lướt, nhấn chìm"

-> Gợi tả sức mạnh to lớn, vô tận của lòng yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm

* Tạo luận điểm chính cho bài NL, bày tỏ nhận định chung về lòng yêu nước của dtộc ta.
* Giới hạn vấn đề NL: lòng yêu nước thể hiện trong h/cảnh tổ quốc bị xâm lăng.
  + Tình cảm tự hào…

# Tiết 82

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động nhóm 5p**  Đọc đoạn văn 2,3 trong văn bản thực hiện nhiệm vụ sau   1. Tìm câu văn mang luận điểm về lòng yêu nước trong quá khứ và hiện tại của dân tộc ta? 2. Lòng yêu nước trong quá khứ, hiện tại được tác giả đưa ra những dẫn chứng , lý lẽ lịch sử nào? 3. Em có nhận xét gì về cách đưa dẫn chứng, lý lẽ của tác giả? 4. Những dẫn chứng cùng với lí | **2. Giải quyết vấn đề: Biểu hiện của tinh thần yêu nước:**  ***Lòng yêu nước Lòng yêu nước trong quá khứ trong hiện tại.***  Câu *"Lịch sử ta đã..... - "Đồng bào ta* luận *chứng tỏ tinh thần ngày nay cũng* điểm *yêu nước của nhân rất xứng đáng*  *dân ta" với tổ tiên ta ngày trước"* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| lẽ đã làm sáng tỏ điều gì? Đánh |  |  |  |  |  |
| giá của em về điều đó?  **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.**  **+ Gv: nhận xét , chốt** |  | Dẫn chứng | *Thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...* | *. Từ các cụ già*  *... trẻ thơ*  *. Từ những kiều bào ... vùng tạm bị chiếm*  *. Từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi*  *. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận... đến công chức ở hậu phương*  *. Từ những phụ nữ ... đến các bà mẹ*  *. Từ những nam nữ công nhân ... cho đến những đồng bào điền chủ ...* |  |
|  |  | Nhận xét | => Dẫn chứng tiêu biểu, liệt kê theo trình tự thời gian. | -Cách nêu dẫn chứng theo:Lứa tuổi, không gian, nhiệm vụ, công việc, cụ thể, sinh động, , toàn diện, giàu sức thuyết  phục. .  -NT: Lặp cấu trúc ngữ pháp với cặp qht "Từ  ... đến";liệt kê. |  |
|  |  | Lý lẽ | *- Chúng ta có*  *quyền tự hào* |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kĩ thuật trình bày 1p  Cảm nhận của em về lòng yêu nước của nhân dân ta? |  | *- Chúng ta phải ghi nhớ công lao*  *.... anh hùng.*  Nhận + Lí lẽ ngắn gọn, xét sâu sắc, thuyết  phục, giọng văn phấn khởi, hào hùng.  **Làm sáng tỏ lòng yêu nước của dtộc ta trong qua khứ, hiện tại dũng cảm ,sôi nổi biểu hiện sinh động ở mọi thời đại, tầng lớp, giai cấp, mọi đối tượng nhân dân.** |  |
| **Hoạt động nhóm 5p**  Đọc đoạn văn cuối trong văn bản thực hiện nhiệm vụ sau   1. Em hiểu thế nào về lòng yêu nước "trưng bày" và lòng yêu nước "giấu kín" trong câu văn trên? 2. H/ả so sánh ấy có tác dụng ntn trong việc thể hiện trạng thái của tình yêu nước? 3. Từ đó tác giả đó nói về bổn phận, nhiệm vụ của chúng ta như thế nào? Nhận xét ?   **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.**  **+ Gv: nhận xét , chốt** |  | **3. Kết thúc vấn đề: Nhiệm vụ của chúng ta**:  *- "Tinh thần yêu nước ....trong hòm"*  + NT: So sánh giàu h/ảnh (lòng yêu nước như của quý -> đc trưng bày hay giấu kín)   * Lòng yêu nước có 2 dạng tồn tại:   + Có thể nhín thấy được (trưng bày)  + Có thể không nhìn thấy (giấu kín)   * Cả 2 đều đáng quý   -> Giúp người đọc có thể hình dung rất rõ ràng hai trạng thái của tinh thần yêu nước: tiềm tàng, kín đáo và biểu lộ rõ ràng, đầy đủ  *- "Bổn phận của chúng ta là .... kháng chiến"*  *-> Bằng hành động cụ thể* |  |
| **HĐ3. Tổng kết**  +KT: Hỏỉ và trả lời , đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy..  Hỏi để hoàn thành sơ đồ tư duy. |  | **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật:   * Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc, sáng sủa * Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng * Dẫn chứng phong phú, hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu |  |

# Hoạt động luyện tập

**-Kĩ thuật nói tích cực**

* + Giọng văn tha thiết, giàu xúc cảm

2. Nội dung:

* + Lòng yêu nước là một giá trị tinh thần cao quý
  + Dân ta ai cũng có lòng yêu nước
  + Cần phải thể hiện lòng yêu nước của mình bằng những việc làm cụ thể.

Kêu gọi, động viên, khích lệ tinh thần yêu nước của mỗi người dân, tập hợp nó thành sức mạnh dân tộc để làm nên những chiến thắng lịch sử.

# \* Ghi nhớ SGK/ 27

Nếu được nói một từ về lòng yêu nước của nhân dân ta em sẽ nói từ nào? Gọi nhiều hs nói càng nhiều càng tốt .

# Hoạt động vận dụng:

? Viết đoạn văn 3 câu thể hiện lòng yêu nước của mình trong hoàn cảnh đất nước hiện nay ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Tìm trên mạng các bài thơ văn, video clip nói về lòng yêu nước của nhân dân ta?
  + Là thế hệ trẻ Việt Nam em có suy nghĩ gì trước hành động của TQ tại quần đảo Hoàng Sa và Hoàng Sa của VN ?
  + Đọc diễn cảm vb và học thuộc lòng đoạn 1,2
  + Làm bài tập 2 phần luyện tập SGK/ 27
  + Soạn bài: Câu đặc biệt (Đọc các ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

Ngày soạn: Ngày dạy: **TUẦN 22**

# MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

* + 1. **Kiến thức:**

**Tiết 83 : CÂU ĐẶC BIỆT**

* + Hiểu được khái niệm, tác dụng câu đặc biệt. Phân tích được câu đặc biệt trong văn bản.

# Kĩ năng:

* + Nhận biết, phân tich, sử dụng được câu đặc biệt trong nói và viếtcho phù hợp.

# Thái độ:

* + Yêu, thích khám phá cái hay của Tiếng Việt.
    1. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* + PPDH: dạy học nhóm, nêu và giải quyết vấn đề....
  + KTDH: chia sẻ nhóm đôi, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ,tranh luận ủng hộ phản đối,đọc tích cực, viết tích cực, hỏi và trả lời, chia nhóm,...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**
  + Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
  + Kiểm tra:
  + Làm BT 2 sgk.
  + Tổ chức khởi động Chơi trò chơi hái hoa
  + Gv: chuẩn bị những bông hoa đủ màu sắc trong đó có các câu hỏi ( kiểm tra bài cũ và những câu hỏi liên quan đến bài mới)
  + Luật chơi : Gồm 2 đội ( khoảng 5 hs) lên hái hoa và trả lời các câu hỏi trong bông hoa.

+ Đội nào có nhiều câu trả lời đúng là đội thắng cuộc.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. Thế nào là câu đặc biệt**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực... * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động cặp đôi 2p**   * Đọc VD ( SGK/27) trả lời các câu hỏi sgk.   ? Vậy thế nào là câu đặc biệt? Lấy VD một câu đặc biệt ?  **Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác bổ sung**  **Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức**  **Hoạt động cặp đôi 2p** | Thế nào là câu đặc biệt  * 1. Xét ví dụ   -Phương án: C  Ôi, em Thủy. -> là câu đặc biệt   * 1. Ghi nhớ   \* Ghi nhớ SGK/ 15  -VD: + ***Mưa***  + ***Một hồi trống***. Học trò kéo nhau vào lớp  + ***Ơ, con mèo! + Nhiều sao quá!*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu rút gọn** | **Câu đặc biệt** |
| Có thể căn cứ vào tình huống nói hoặc viết cụ thể để khôi phục lại các thành phần bị rút gọn, làm cho câu có cấu tạo C –V bình thường | Không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ và vị ngữ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu ĐB | Bộc lộ cảm xúc | Liệt kê, thông báo... | Xác định thời gian.. | Gọi đáp |
| 1 |  |  | X |  |
| 2 |  | X |  |  |
| 3 | X |  |  |  |
| 4 |  |  |  | X |

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ ra điểm khác nhau của câu rút gọn và câu đặc biệt?  **Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác bổ sung**  **Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức**  **HĐ2. Tác dụng của câu đặc biệt**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề... * Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực... * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động nhóm 5p**   * Đọc VD SGK/ 28   Trả lời các câu hỏi trong sgk ghi vào phiếu học tập?  Câu đặc biêt có tác dụng gì?  **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.**  **+ Gv: nhận xét , chốt** | Phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn  **II. Tác dụng của câu đặc biệt**   1. Xét ví dụ 2. Ghi nhớ   \* Ghi nhớ SGK/ 29 |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ3. Luyện tập**   * Phương pháp dạy học nêu/ phát hiện và giải quyết vấn đề , hoạt động nhóm... * Kĩ thuật : viết tích cực, đọc tích cực... * Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức**.**   **Hoạt động nhóm 5**  làm gộp 2 bài 1,2 theo yêu cầu sgk **Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.**  **+ Gv: nhận xét , chốt** | **III. Luyện tập Bài 1+2**:  a. Không có câu đặc biệt  - Câu rút gọn: "Có khi được trưng bày .... trong hòm"  "Nghĩa là phải ra sức .... việc kháng chiến"  => Làm cho câu gọn hơn, tránh lặp lại những từ ngữ đó xuất hiện trong câu đứng trước  b. – Câu đặc biệt: "Ba giây ... Bốn giây.... Năm giây... Lâu quá! |

# Hoạt động vận dụng:

? Viết đoạn văn 5 câu có sử dụng câu đặc biệt?( chủ đề tự chọn)

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Tìm đọc thêm những tài liệu liên quan và văn bản “ Tinh thần yêu nước...” chỉ ra câu đặc biệt**.** Làm bài tập 3 (SGK/ 29)
  + Chuẩn bị: Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận (đọc các mẫu vb, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 84 : BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

**I/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

1. **Kiến thức:**
   * Biết cách lập bố cục và lập luận trong bài văn nghị luận
   * Thấy được mối quan hệ giữa bố cục và phương pháp lập luận của bài văn nghị luận
2. **Kĩ năng:** Lập bố cục, từ luận điểm đến hệ thống luận cứ trong bài nghị luận để tìm hiểu và lập dàn ý cho một đề cụ thể..
3. **Thái độ:** Có ý thức xác định bố cục và phương pháp lập luận trước khi làm một bài văn nghị luận
4. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp

tác, giao tiếp.

# Chuẩn bị:

* 1. Thầy:- Bài soạn, tài liệu liên quan.
  2. Trò:- Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* + PPDH: dạy học nhóm,vấn đáp- gợi mở, phân tích.
  + KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời, KWL....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
  + Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
  + Kiểm tra:
  + Tổ chức khởi động :

-Sử dụng kĩ thuật KWL Phát cho mỗi hs 1 phiếu

+ Chủ đề : Văn nghị luận

+ Tên hs:

Học sinh điền vào cột thông tin vào cột K và W trước bài học.

+ Thời gian 1p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K ( Điều đã biêt )** | **W( Điều muốn biết)** | **L( Điều đã học được)** |
|  |  |  |

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. Bố cục của bài văn nghị luận**  -PP: Hợp tác, nêu và giải quyết vấn đề...  - KT: chia nhóm, giao nhiệm vụ , đặt câu hỏi, viết tích cực, động não...  -Năng lực: Tự học , giải quyết vấn đề,làm việc nhóm, giao tiếp , ngôn ngữ...  **Hoạt động nhóm 5p**  Thực hiện nhiệm vụ sau  - Đọc lại văn bản: tinh thần yêu nước của nhân dân ta, xem sơ đồ trong SGK/30 .  ? Bài văn gồm mấy phần?Mỗi phần có mấy đoạn? Mỗi đoạn có những luận điểm nào?  ? Qua VD, em hãy nêu bố cục của bài văn nghị luận ? | 1. **Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận**    1. Bố cục của bài văn nghị luận:   a) Xét VD:"Tinh thần yêu nước... ta"   * Bố cục: 3 phần   + MB: 1 đoạn - Nêu vấn đề (dân ta có một lồng nồng nàn yêu nước)  + TB: 2 đoạn - Trình bày nội dung chủ yếu của bài   * Lịch sử đó chứng tỏ điều đó (bằng tên tuổi các vị anh hùng dân tộc) * Hiện tại cũng chứng tỏ điều đó (qua mọi tầng lớp nhân dân)   + KB: 1 đoạn - Nêu nhiệm vụ (phải phát huy lòng yêu nước vào công việc kháng |

# Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác NX, bổ sung

**GV NX -> Chốt**

Qua bố cục ta thấy đc LĐ chính và các LĐ phụ của bài; nói cách khác, LĐ hiện lên qua bố cục, gắn bó với bố cục,

tạo thành bcục của bài. Đó chính là mối quan hệ giữa bố cục và lập luận trong bài văn NL.

# HĐ2. Phương pháp lập luận trong

**bài văn NL**

+PP: dạy học nhóm.

+KT: đặt câu hỏi, thảo luận, chia nhóm..

+ Năng lực: tự học , làm việc nhóm...

# Thảo luận nhóm 5p

Trả lời các câu hỏi sau

? Nhìn vào sơ đồ SGK (theo các mũi tên), nxét về các phương pháp lập luận ( Theo hàng ngang ?Theo hàng dọc ?)

?Nhận xét bài văn nghị luận có các phương pháp lập luận nào? Chúng có quan hệ thế nào với bố cục của bài văn NL?

# Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác NX, bổ sung

**GV NX -> Chốt**

chiến)

b) Ghi nhớ 1: SGK/31

2. Phương pháp lập luận trong bài văn NL

a) Xét VD:

* Theo hàng ngang:
  + MB: Quan hệ nhân – quả

Có lòng nồng nàn yêu nước (câu 1)-> trở thành truyền thống (câu 2) -> có sức mạnh nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước (câu 3)

* + TB:
* Đoạn 1: Quan hệ nhân – quả

Lịch sử có nhiểu cuộc kháng chiến (câu 1,

2) -> chúng ta phải ghi nhớ (câu 3)

* Đoạn 2: Tổng – phân – hợp

Đưa ra nhận định chung (câu 1) -> dẫn chứng bằng các trường hợp cụ thể (câu 2, 3, 4) -> kết luận (câu 5)

* + KB: Suy luận tương đồng

Khẳng định dân ta có lòng yêu nước (câu 1, 2, 3) -> bổn phận của chúng ta (câu 4)

* Theo hàng dọc (1) : Suy luận tương đồng theo dòng tgian

+ Mở đầu bài văn tác giả đưa ra LĐC xuất

|  |  |
| --- | --- |
|  | phát "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước" Để nêu bật được tầm quan trọng của nó tác giả giải thích đó là một truyền thống quý báu, có vai trò giữ nước  + Tiếp theo là LĐP "Lòng yêu nước trong quá khứ". Dẫn ra các Vd trong LS  + LĐP nói về lòng yêu nước hiện tại. Đưa ra dẫn chứng (liệt kê đủ các tầng lớp nhân dân)  + KL về "bổn phận của chúng ta"  b) Ghi nhớ: SGK/31 |
| **3.Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ3**. **Luyện tập**  +PP: dạy học nhóm....  +KT: Hỏi và trả lời, đặt câu hỏi, thảo luận, chia nhóm , KWL...  + Năng lực: tự học, tự giải quyết vấn đề...  -**Hoạt động cả lớp 2p**   * Điền thông tin vào côt L * Yêu cầu học sinh đọc * GV nhận xét và chốt . **Hoạt động theo cặp 3p Bài 1 sgk/32** * Đọc văn bản "Học cơ bản mới có thể trở thành tài lớn" * GV gọi HS đại diện 1 cặp lên trình bày. Các cặp khác nhận xét, bổ sung * GV NX -> Chốt | **II. Luyện tập**  **Bài 1**  \* Bố cục: 3 phần   * MB: Câu 1 * TB: Đoạn 2 * KB: Đoạn 3   \* LĐ chính: "Học cơ bản mới có thể trở thành tài lớn"  - Luận điểm nhỏ:  + Ở đời có nhiều người đi học, nhưng ít ai biết học cho thành tài  + Nếu không cố công luyện tập thì ko vẽ được đúng  + Chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi  \* Cách lập luận:  MB: Lập luận theo quan hệ đối lập TB: Lập luận chứng minh (bằng câu |

# Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn 7 câu bình luận đội bóng đá U23 ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm trên mạng thêm các phương pháp thường được sử dụng trong bài văn nghị luận và các bài bình luận trên VTV1.( Trong chương trình bình luận thế giới cuối năm 2017).

* Học bài bằng cách vẽ sơ đồ tư duy . Hoàn thành phần luyện tập (SGK/ 31)
* Chuẩn bị bài mới: luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận( Đọc, tìm hiểu các ví dụ, trả lời các câu hỏi trong sgk)

**Tuần 23** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 85 :LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

* 1. **Mục tiêu: HS cần về**

**1 Kiến thức:** Qua luyện tập mà hiểu sâu hơn về khái niệm lập luận

1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng lập luận điểm, luận cứ, lập luận trong văn nghị luận
2. **Thái độ:** Tình yêu thích, viết , nghiên cứu, tìm tòi văn nghị luận.
3. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

# Chuẩn bị:

* + 1. Thầy:- Bài soạn, tài liệu liên quan.
    2. Trò:- Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm,nêu và giải quyết vấn đề....
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời, chia sẻ nhóm đôi....

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

+ Đội nào có nhiều câu trả lời đúng là đội thắng cuộc.

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Lập luận trong đời sống**  +PP: dạy học nhóm....  +KT: động não, hoàn tất nhiệm vụ, giao nhiệm vụ , chia sẻ nhóm đôi...  + Năng lực: Tự học , giải quyết vấn đề...  **Hoạt động nhóm 5p**  - Đọc các ví dụ bài 1 (phần I) Trả lời các câu hỏi trong sgk  **Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nx, bổ sung,.**  **Gv nx, chốt kiến thức.**  **Hoạt động cá nhân 2p**  -Làm bài tập 2, 3  -HS lên bảng làm  - Hs khác nx, đánh giá, trao đổi Gv NX, hoàn chỉnh kiến thức. | 1. **Lập luận trong đời sống**   Bài tập 1 (nhận diện)   * 1. Hôm nay trời mưa, chúng ta.........nữa Luận cứ Kết luận   2. Em rất ... sách, vì qua sách ...nhiều điều Kết luận Luận cứ   3. Trời nóng quá, đi ăn kem đi LC Kết luận * Quan hệ nguyên nhân kết quả * Có thể thay đổi vị trí của luận cứ và kết luận.   Bài tập 2: (cho kết luận, tìm luận cứ)   * 1. Vì:   + trường em rất đẹp  + nơi đây từng gắn bó với em từ tuổi ấu thơ  + ở đấy có người mẹ hiền thứ 2 của em  + ở đấy có người bạn rất thân thiết với em   * 1. vì + sẽ chẳng còn ai tin mình nữa   + sẽ chẳng còn ai chơi với mình nữa  + sẽ làm mất lòng tin của mọi người   * 1. Đau đầu quá. Học căng thẳng quá rồi. Mệt quá rồi   Bài tập 3: (cho luận cứ, nêu kết luận)   1. đi đá bóng thôi, đi xem phim thôi… 2. phải tranh thủ ôn ngay mới kịp   => - Lập luận trong đời sống là *đưa ra* |

# Hoạt động cặp đôi 2p Hoàn thiện thông tin bài 1

Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác bổ sung, Gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.

# Hoạt động nhóm 4p

**Hoàn thiện thông tin bài 2**

Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung,

Gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.

*luận cứ nhằm dẫn dắt người nghe...... người viết*

* LL trong đời sống thường mang tính *cảm tính* (tính chất cá nhân), tính *hàm ẩn*, *không tường minh.*

# II. Lập luận trong văn nghị luận

1. Bài tập 1

* LĐ trong văn nghị luận là những kết luận có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với xã hội. Đây cũng chính là điều mà các kết luận của lập luận trong đời thường không có được

1. Bài tập 2

* Tác dụng của luận điểm:

+ Luận điểm là cơ sở để triển khai luận cứ

+ Là kết luận của lập luận

* Lập luận đòi hỏi phải khoa học, chặt chẽ
* Trả lời các câu hỏi:

+ Vì sao mà nêu ra LĐ đó?

+ LĐ đó có những nội dung gì?

+ LĐ đó có cơ sở thực tế không?

+ LĐ đó sẽ có tác dụng gì?

* Phải lựa chon luận cứ thích hợp, sắp xếp chặt chẽ
* LĐ: Chống nạn thất học
* Lập luận: trả lời các câu hỏi xoay quanh LĐ đó:

+ Vì sao phải chống nạn thất học? (Vì 95% người dân mù chữ. Vì chúng ta đã giành được quyền độc lập..)

+ LĐ “Chống nạn thất học" có những nội dung gì? (Nâng cao dân trí, mọi người dân phải biết đọc, biết chữ Quốc ngữ)

+ Luận điểm đó có cơ sở thực tế không? (Hầu hết người dân Việt Nam mù chữ là do chính sách ngu dân của thực dân Pháp...)

+ LĐ đó sẽ có tác dụng gì? (Mọi người cùng giúp đỡ nhau chống nạn thất học, góp

# Hoạt động cặp đôi 3p Làm bài 3 sgk

- GV hướng dẫn làm: theo 2 bước

# Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác bổ sung, Gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.

1. **Hoạt động vận dụng:**

phần xây dựng nước nhà) Bài tập 3

VD: Truyện " Thầy bói xem voi"

+ Bước 1: Rút ra kết luận ở từng truyện và chuyển kết luận đó thành LĐ của mình (Có sự khái quát hơn)

KL: Chỉ sờ từng bộ phận nên 5 thầy bói đều đoán sai hình dạng con voi

LĐ: Phải nhìn sự vật, con người toàn diện thì mới hiểu đúng, nhận thức đúng về sự vật con người được

+ Bước 2: Xây dựng lập luận cho luận điểm đó : nêu vấn đề về cách nhìn của con người phải toàn diện khoa học (nêu LĐ); giải thích vì sao phải nhìn nhận như vậy, lấy dẫn chứng trong đời sống để chứng minh; kết luận: khẳng định cách nhìn ấy, nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của của cách nhìn ấy trong cuộc sống con người

* Viết 2 đoạn văn ( mỗi đoạn 5 câu ) về lập luận trong đời sống và lập luận trong văn nghị luận?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc bài nghị luận, bình luận trong báo nhân dân và các báo khác.
* Làm bài tập: Em hãy lập luận cho luận điểm "Sách là người bạn lớn của con người" (SGK/ 23)
* Chuẩn bị bài mới: Sự giàu đẹp của tiếng Việt (đọc kĩ vb, tìm hiểu chú thích, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Tiết 86** *Đọc thêm*: **SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT**

# Mục tiêu: HS cần về

* + 1. **Kiến thức:** Hiểu được những nét chung sự giàu đẹp của tiếng Việt qua sự phân tích, chứng minh của tác giả
* Nắm được những điểm nổi bật trong nghệ thuật nghị luận của bài văn: lập luận chặt chẽ, chứng cứ toàn diện, văn phong có tính khoa học.
  + 1. **Kĩ năng:** phân tích một văn bản nghị luận, chứng minh, bố cục, hệ thống lập luận, lí lẽ, dẫn chứng.
    2. **Thái độ:** Có thái độ trân trọng, tình yêu Tiếng Việt và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
    3. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm,nêu và giải quyết vấn đề, ...
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, trình bày một phút, hỏi và trả lời, KWL...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* + 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra:
* Tổ chức khởi động

-Sử dụng kĩ thuật KWL Phát cho mỗi hs 1 phiếu

+ Chủ đề : Tiếng Việt

+ Tên hs:

Học sinh điền vào cột thông tin vào cột K và W trước bài học.

+ Thời gian 2p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K ( Điều đã biêt )** | **W( Điều muốn biết)** | **L( Điều đã học được)** |
|  |  |  |

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Đọc và tìm hiểu chung**  +PP: dạy học nhóm, nêu và giải quyết vân đề..  +KT: Hỏi và trả lời ...  + Năng lực : tự học , làm việc nhóm , hợp tác , giao tiếp , thẩm mĩ ...  Giọng đọc? Hs đọc .... Chú thích?  Kĩ thuật hỏi và trả lời để hoàn thiện sơ đồ tư duy thông tin tác giả , tác phẩm  GV bổ sung, mở rộng: từng là Bộ trưởng bộ GD, hiệu trưởng đầu tiên của trường | I. Đọc và tìm hiểu chung : 1. Đọc, chú thích   * Đọc * Chú thích   2.Tác giả   * Đặng Thai Mai (1902-1984)- Quê Nghệ An, là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, nhà hoạt động xã hội có uy tín. * Năm 1996, ông được nhà nước phong tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật. |

ĐHSPHN, nhà văn, nhà giáo...

# HĐ2. Phân tích

+PP: dạy học nhóm,nêu và giải quyết vấn đề...

+KT: Thảo luận, đặt câu hỏi, ...

+ Năng lực: Tự học , giao tiếp , hợp tác , giải quyết vấn đề...

# Hoạt động nhóm 5p

* Theo dõi phần 1

Trả lời các câu hỏi sau

? Câu văn nào khái quát phẩm chất của tiếng Việt?Phẩm chất nào của TV được nói đến?

? Những câu văn nào giải thích rõ nhận xét khái quát của tác giả?

?Vẻ đẹp, cái hay của tiếng Việt được giải thích dựa vào những yếu tố nào?

? Em có nhận xét gì về lập luận của tác giả trong đoạn văn này? Tác dụng?

# Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.

**Gv nhận xét, chốt.**

3.Tác phẩm :

1. Xuất xứ: Đây là đoạn trích trong bài nghiên cứu lớn : "Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc".
2. Kiểu vb: Nghị luận chứng minh

* Vấn đề NL: Sự giàu đẹp của tiếng Việt
* Câu chứa vấn đề nghị luận (Luận đề): "Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay"

1. Cấu trúc: 2 phần

+ P1: Từ đầu .... "qua các thời kì lịch sử": Nhận định chung về sự giàu đẹp của tiếng Việt.

+ P2: Còn lại: Chứng minh cái giàu đẹp của tiếng Việt về các mặt: ngữ âm, từ vựng, cú pháp.

# Phân tích

**1. Nhận định về cái hay, cái đẹp của tiếng Việt**

*" Tiếng Việt có những phẩm chất của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay".*

-Tiếng việt - Đẹp

- Hay.

* Nói thế có nghĩa là nói rằng…
* Đẹp:

- Nhịp điệu (hài hoà về âm hưởng, nhịp điệu

* Cú pháp (tế nhị, uyển chuyển trong đặt câu).
* Hay:
* Đủ khả năng diễn đạt tư tưởng, tình cảm của người Việt.
* Thoả mãn nhu cầu đời sống văn hoá qua các thời kì lịch sử.

+ Lập luận ngắn gọn, rành mạch; trình bày ý đi từ khái quát đến cụ thể

Người đọc dễ theo dõi, dễ hiểu.

# Hoạt động nhóm 3p

Đọc thông tin phần 2,

1. Tác giả khẳng định TV đẹp ở điểm nào ?Vẻ đẹp của tiếng Việt được hiện lên qua những dẫn chứng nào?
2. Em có biết tiếng Việt có bao nhiêu nguyên âm và phụ âm ? bao nhiêu thanh điệu ?
3. Nx cách đưa dẫn chứng của tác giả?
4. Qua tìm hiểu, em có nhận xét gì về cách nghị luận của tác giả?

# Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét bổ sung.

Gv nhận xét, chốt**.**giảng bình về cái đẹp, cái hay của TV kết hợp vi deo.

(- 11 nguyên âm: a,ă, â, o, ô, ơ, u, ư, i (y), e, ê và 3 cặp nguyên âm đôi: iê, uô, ươ

* Phụ âm: b, c (k, q), l, n, m, r, s, x, t, v, p,

h, th, ph, tr, ch, ng (ngh).....

- 6 thanh điệu ( huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng, không thanh)

* So với tiếng Hán chỉ có 4 thanh, tiếng Anh, Nga, Pháp có 2 thanh thì tiếng Việt quả thực giàu thanh điệu bậc nhất.

Tiếng Việt giàu chất nhạc

VD: 1. Chú bé loắt choắt. Cái xắc xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt. Cái đầu nghênh nghênh

2. Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng… Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng…

# Hoạt động cặp đôi 2p

* Theo dõi đoạn tiếp. Trả lời câu hỏi

? Tác giả quan niệm như thế nào về một thứ tiếng Việt hay?

? Chỉ ra cái hay của tiếng Việt về cấu tạo từ ngữ, từ vựng, ngữ pháp,sự phát triển của từ mới? Lấy 1vd minh họa

# 2. Chứng minh cái hay, cái đẹp của tiếng Việt

* Tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp :
* Giàu chất nhạc
* Uyển chuyển

+ Dẫn chứng thực tế: NX của người ngoại quốc, lời nói của một giáo sư nước ngoài

+ Dẫn chứng khoa học: cấu tạo đặc biệt của TV (hệ thống nguyên âm, phụ âm khá phong phú, giàu thanh điệu, giàu hình tượng)

-> Dẫn chứng khách quan và tiêu biểu.

Nghị luận bằng cách kết hợp chứng cứ khoa học với dẫn chứng đời sống làm cho lí lẽ trở nên sâu sắc.

\* Tiếng Việt là một thứ tiếng hay:

* Thoả mãn nhu cầu thay đổi tình cảm ý nghĩ giữa con người với con người.
* Thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá ngày một phức tạp.

? Nhận xét về cách lập luận của tác giả ở phần này ?

# Đại diện các cặp trình bày, các cặpkhác nx, bổ sung,

**Gv nhận xét, hoàn chỉnh, mở rộng kiến thức...**

Phẩm chất đẹp của một ngôn ngữ là khả năng gợi cảm xúc, chủ yếu được tạo nên bởi hệ thống ngữ âm, sự hài hòa về thanh điệu. nhịp điệu. Cái hay chủ yếu là ở khả năng diễn tả tình cảm, tư tưởng, phản ánh đời sống tinh tế sâu sắc. Giữa 2 phẩm chất ấy có mối quan hệ gắn bó. Cái đẹp của một thứ tiếng thường cũng phản ánh cái hay của thứ tiếng ấy, vì nó thể hiện sự phong phú, tinh tế trong cách diễn đạt, cũng tức là thể hiện sự chính xác và sâu sắc trong tình cảm, tư tưởng của con người. Ngược lại, cái hay cũng tạo ra vẻ đẹp của 1 ngôn ngữ. Chẳng hạn trong TV, sự tinh tế, uyển chuyển trong cách đặt câu, dùng từ, không chỉ là cái hay, mà còn tạo ra vẻ đẹp trong hình thức diễn đạt hài hòa, linh hoạt, uyển chuyển.

# Hoạt động cá nhân 2p

- Đọc phần cuối của văn bản

? Đoạn cuối của văn bản giúp em hiểu thêm điều gì về tiếng Việt

# Kĩ thuật trình bày 1p

? Hiện nay giới trẻ có xu hướng dùng từ phiên âm nước ngoài, từ “lạ và độc”, theo em có nên như thế không?

# - Nhiều hs bày tỏ ý kiến

- GV: Tiếng Việt đang đứng trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ để phù hợp với sự phát triển của đời sống dân tộc và quốc tế, nhưng cũng rất cần phải giữ được bản sắc và sự trong sáng vốn có.

# HĐ3. Tổng kết

- Kĩ thuật : Hói và trả lời

-

? Nghệ thuật, nội dung văn bản?

d/c Tiếng Việt:

* Dồi dào về cấu tạo từ ngữ…về hình thức diễn đạt.

-Từ vựng… tăng lên mỗi ngày một nhiều

* Ngữ pháp …uyển chuyển, chính xác
* Không ngừng đặt ra những từ mới … VD: +Các sắc thái của cụm từ "ta với ta" trong 2 tác phẩm.

+Những từ mới hiện nay:( tinh vi, tính tướng, xù,vãi, bựa, lít, chai…)

-> Lí lẽ và các chứng cứ khoa học, thuyết phục người đọc ở sự chính xác khoa học và tin vào cái hay của tiếng Việt.

Sự giàu đẹp của tiếng Việt là chứng cứ về sức sống của tiếng Việt

# Tổng kết:

1. NT: - Nghị luận bằng cách kết hợp giải thích, chứng minh với bình luận.

* Các lí lẽ, dẫn chứng nêu ra có sức

# Hoạt động luyện tập

* Làm 1 số câu trắc nghiệm
* Hoặc kĩ thuật hỏi và trả lời

# Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn 5 câu bình luận về Tiếng Việt?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* **Tìm hiểu thêm các kiến thức liên quan đến bài học( vẻ giàu, đẹp của TV), chia sẻ cùng các bạn.**

Học thuộc các câu văn mang luận điểm.

* Chuẩn bị bài mới: Thêm trạng ngữ cho câu( tìm hiểu ví dụ, trả lời các câu hỏi)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 87: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

* 1. **Mục tiêu: HS cần về**
     1. **Kiến thức:** Nhận biết được khái niệm trạng ngữ trong câu Ôn lại các loại trạng ngữ đó học ở bậc tiểu học
     2. **Kĩ năng:** Vận dụng trạng ngữ trong nói và viết .
     3. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng trạng ngữ trong nói và viết cho phù hợp.
     4. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm,nêu và giải quyêt vấn đề..
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, hoi và trả lời, viết tích cực ...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: Kiểm tra 15p - TV Hình thức: tự luận

## Đề bài

Câu 1(2điểm): Thế nào là câu đặc biệt?

Câu 2(2điểm): Gạch chân dưới câu đặc biệt trong các trường hợp dưới đây:

* + 1. “Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.” (Nguyễn Công Hoan)
    2. Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang. (Hàn Mặc Tử)

Câu 3(6điểm): Viết một đoạn văn ngắn (chủ đề tự chọn) có sử dụng câu đặc biệt. Gạch chân dưới câu đặc biệt.

## Đáp án

Câu 1(2điểm): Câu đặc biệt là câu k cấu tạo theo mô hình chủ ngữ-vị ngữ Câu 2(2điểm): Gạch chân dưới câu đặc biệt trong các trường hợp dưới đây:

1. “Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.” (Nguyễn Công Hoan)
2. Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang. (Hàn Mặc Tử)

Câu 3: (6điểm):

* Hình thức: biết cách trình bày một đoạn văn ngắn . Không mắc các lỗi về câu, chính tả, ngữ pháp. Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, các câu văn có sự liên kết
* Nội dung: diễn đạt tương đối trọn vẹn một chủ đề tự chọn. có sử dụng câu đặc biệt. Gạch chân dưới câu đặc biệt.
* Tổ chức khởi động:

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Đặc điểm của trạng ngữ**  +PP: dạy học nhóm, giải quyết vấn đề.  +KT: đặt câu hỏi, thảo luận, động não...  + Năng lực: tự học , hợp tác , ngôn ngữ, ..  **Hoạt động cặp đôi 2p**  Trả lời câu hỏi  ? Dựa vào những điều đó được học ở tiểu học, em hãy cho biết trạng ngữ là gì?  ? Để xác định trạng ngữ trong câu ta có thể đặt những câu hỏi nào?  **Đại diện trình bày và cặp khác nhận** | **I. Đặc điểm của trạng ngữ**   * Trạng ngữ là thành phần phụ của câu bổ sung ý nghĩa cho câu * Dùng trả lời các câu hỏi: ở đâu, khi nào, vì sao, để làm gì, bằng gì, như thế nào, với điều kiện gì........ |

# xét bổ sung.

* + VD ( SGK/ 39)

? Dựa vào kiến thức đó học ở bậc tiểu học, hãy xác định trạng ngữ ở mỗi câu trên?

? Các trạng ngữ vừa tìm được bổ sung cho câu những nội dung gì?

# GV chia nhóm cho hs thảo luận(5 p)

? Xác định trạng ngữ trong các VD sau, chỉ rõ trạng ngữ đó bổ sung cho câu những nội dung gì? (bảng phụ)

* + 1. *Buổi sáng, trên cây gạo ở đầu làng, những con chim họa mi, bằng chất giọng thiên phú, đó cất lên những tiếng hót thật du dương*
    2. *Vì ốm, bạn Nam phải nghỉ học 4 ngày*
    3. *Để tránh xảy ra tai nạn đáng tiếc, mọi người phải tuân thủ luật lệ giao thông.*
    4. *Bằng các phương tiện kĩ thuật hiện đại, họ đó sxuất đc hàng hóa chất lượng cao*

*đ. Như một luồng gió lốc, bốn chiếc máy bay nối đuôi nhau ào tới.*

# Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.

? Vậy trạng ngữ được thêm vào câu để bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

? Có thể chuyển các trạng ngữ trong VD (SGK/39) sang ~ vị trí nào trong câu?

HS đưa ra các cách chuyển

? Vậy trạng ngữ có thể đứng ở những vị trí nào trong câu?

? Khi đọc câu có trạng ngữ cần chú ý đọc như thế nào?

? Khi viết câu có thành phần trạng ngữ phải trình bày như thế nào?

? Qua tìm hiểu ví dụ, cho biết trạng ngữ

1. Xét ví dụ
   * Dưới bóng tre xanh đó từ lâu đời: Bổ sung thông tin về địa điểm, thời gian
   * đời đời, kiếp kiếp: Bổ sung thông tin về thời gian
   * Từ nghìn đời nay: Bổ sung thêm thông tin về thời gian
   1. Buổi sáng -> TN chỉ thời gian
   * Trên cây gạo đầu làng -> TN chỉ nơi chốn
   * Bằng chất giọng thiên phú -> TN chỉ phương tiện
   1. Vì ốm -> TN chỉ nguyên nhân
   2. Để tránh xảy ra tai nạn đáng tiếc -> TN mục đích
   3. Bằng các phương tiện kĩ thuật hiện đại

-> TN phương tiện

đ. Như một luồng gió lốc -> TN chỉ cách thức.

=> Bổ sung thêm thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu

=> Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hay cuối câu.

* Khi đọc: giữa trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ thường có một quãng nghỉ
* Khi viết: Giữa trạng ngữ với CN, VN thường có một dấu phẩy.

1. Ghi nhớ

\* Ghi nhớ SGK/ 39

|  |  |
| --- | --- |
| có những đặc điểm nào về ý nghĩa và hình thức? |  |
| ***3. Hoạt động luyện tập*** | |
| **HĐ2**. **Luyện tập**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, phân tích mẫu, dạy học nhóm  +KT: đặt câu hỏi, thảo luận, trình bày 1 phút  + Năng lực : Tự học...   * GV chia 4nhóm thảo luận: ( 3 phút) * Đại diện từng nhóm trình bày; HS nhóm khác NX, bổ sung * GV NX -> Chốt * GV cho hs thỏa luận theo cặp : ( 2 phút) * Đại diện từng nhóm trình bày; HS nhóm khác NX, bổ sung * GV NX -> Chốt | **II. Luyện tập**  Bài 1.   1. Mùa xuân ( 1, 2, 3): Chủ ngữ Mùa xuân ( 4): Vị ngữ 2. Mùa xuân: trạng ngữ 3. Mùa xuân: Phụ ngữ trong cụm động từ 4. Mùa xuân: Câu đặc biệt Bài 2: Trạng ngữ:   a. Như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết   * Khi đi qua những cánh đồng xanh mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi * Trong cái vỏ xanh kia * Dưới ánh nắng   b. Với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây |

# Hoạt động vận dụng:

GV sử dụng kĩ thuật hỏi-đáp

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

-Tìm đọc thêm những tài liệu liên quan đến bài học

* Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thành phần luyện tập
* Chuẩn bị bài mới: Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh ( đọc tìm hiểu trước các ví dụ và trả lời các câu hỏi)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 88 TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

* 1. **Mục tiêu: HS cần về**
     1. **Kiến thức:** Nhận biết được mục đích, tính chất và các yếu tố của phép lập luận chứng minh
     2. **Kĩ năng:** Nhận diện và phân tích một đề, một văn bản nghị luận chứng minh
     3. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng văn bản nghị luận chứng minh trong cuộc sống
     4. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

# Chuẩn bị:

* + 1. Thầy:- Bài soạn, tài liệu liên quan.
    2. Trò:- Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi,...

# Tổ chức các hoạt động học tập

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 90

1. **MỤC TIÊU KIỂM TRA:**
   1. **Kiến thức:**

**KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

* Đánh giá những kiến thức của HS về rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu (Bài 19, 20, 21 học trong HKII)
  1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đặt câu và viết đoạn văn
  2. **Thái độ:** Có ý thức tự giác, cẩn thận khi làm bài. Yêu tiếng Việt.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# HÌNH THỨC ĐỀ KT: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổn** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **độ**  **Tên Chủ đề** |  |  | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** | **g** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **Chủ đề 1**  Rút gọn câu | Nhận biết được câu rút gọn. | - Hiểu tác dụng của câu rút gọn cụ thể. |  |  |  |
| Số điểm: Tỷ lệ: | 0,5 đ  5% | 2đ 20% |  |  | 2,5đ  25% |
| **Chủ đề 2**  Câu đặc biệt | Nhận biết được câu đặc biệt. | - Hiểu tác dụng của câu đặc biệt cụ thể. |  |  |  |
| 0,5 đ | 0,5 đ  5% | 2 đ  20% |  |  | 2,5đ  25% |
| **Chủ đề 3**  Thêm trạng ngữ cho  câu | Nhận biết được thêm trạng ngữ cho câu |  | Mở rộng câu bằng cách thêm trạng ngữ vào các câu cho sẵn |  |  |
| Số điểm Tỷ lệ | 0,5 đ  5% |  | 2đ 20% |  | 2,5đ  25% |
| **Chủ đề tổng hợp** | Nhận biết được điểm khác nhau giữa câu đặc biệt  và câu rút gọn. |  |  | Viết đoạn văn trong đó có sử câu chứa thành phần trạng ngữ, câu đặc biệt, câu rút gọn. |  |
|  | 0,5 đ  5% |  |  | 2đ 20% | 2,5đ  25% |
| Tổng điểm | 2đ = 20%  tổng số điểm | 4đ = 40% tổng số điểm | 2đ = 20% tổng số điểm | 2đ = 20% tổng số điểm | 10đ 100 |

**IV .ĐỀ KIỂM TRA:**

**Phần trắc nghiệm:( 2điểm)**

C©u 1: C©u nµo trong c¸c c©u sau lµ c©u rót gän?

1. Ai còng ph¶i häc ®i ®«i víi hµnh.
2. Anh trai t«i häc lu«n ®i ®«i víi hµnh.
3. Häc ®i ®«i víi hµnh.
4. RÊt nhiÒu ngêi häc ®i ®«i víi hµnh.

C©u 2: Trong c¸c c©u sau, c©u nµo lµ c©u ®Æc biÖt?

1. Trªn cao, bÇu trêi trong xanh kh«ng mét gîn m©y.
2. Lan ®îc ®i tham quan rÊt nhiÒu n¬i.
3. Hoa sim!
4. Mưa rÊt to.

Câu 3: Câu nào không có trạng ngữ .

A.Trên trời, đám mây đen kịt.

B.Mùa xuân, cấy cối đâm trồi nảy lộc. C.Chị là người ở đây lâu nhất.

D.Đã lâu rồi, tôi không về quê.

Câu 4: Câu đặc biệt khác câu rút gọn như thế nào?

1. Không có gì khác .
2. Câu đặc biệt không cấu tạo trên mô hình chủ ngữ và vị ngữ.
3. Câu rút gọn cấu tạo có thể căn cứ vào tình huống nói hoặc viết cụ thể để khôi phục lại các thành phần bị rút gọn, làm cho câu có cấu tạo C –V bình thường.
4. Đáp án B và C.

# Phần tự luận : (8 điểm)

Câu 1: (2đ): Các câu đặc biệt được gạch chân dưới đây có tác dụng gì?

1. Trời ơi! Thật kinh khủng.
2. Hoài ơi! Hoài ơi! Đợi tớ với.
3. Một hồi trống. Lũ học trò túi tít ùa ra sân.
4. Xã Phú Cường, TP Hưng Yên. Giáo viên chúng tôi đã công tác suốt thời tuổi trẻ. Câu 2: ( 2đ)Hãy rút gọn hai câu sau, và cho biết thành phần được rút gọn là gì?

# Anh trai tôi học đi đôi với hành.

## b) Hôm nào cậu đi Nha Trang ?

***Ngày mai, tôi đi du lịch Nha Trang*.**

Câu 3 (2đ): Mở rộng cho những câu dưới đây bằng cách thêm trạng ngữ vào phần có dấu chấm :

a ………………………….., lắc lư những chùm quả chín vàng. b . ………………………….., mặt hồ lóng lánh như gương.

c .Chúng tôi đến trường ………………………..……….. d. ..................................,mẹ gội đầu bằng nước bồ kết.

Câu 4 (2đ): Viết một đoạn văn trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu đặc biệt, một câu rút gọn và 2 câu chứa thành phần trạng ngữ. ( Chỉ rõ bằng cách gạch chân).

# Hướng dẫn chấm- biểu điểm

**Phần trắc nghiệm:( 2điểm)**

Mỗi câu đúng 0,5điểm

Câu 1: C Câu 2: C Câu 3: C Câu 4: D

# . Phần tự luận : (8 điểm)

Câu 1: (2đ): Tác dụng của các câu đặc biệt:

1. Trời ơi!-> bộc lộ cảm xúc ( 0,5đ)
2. Hoài ơi! Hoài ơi! -> gọi (0,5đ)
3. Một hồi trống. -> thông báo về sự tồn tại của sự việc.( 0,5đ) d.Xã Hùng Cường, TP Hưng Yên. -> Xác định nơi chốn ( o,5đ) Câu 2 : (2đ)

a, Anh trai tôi -> Chủ ngữ

b, *Tôi đi du lịch Nha Trang* -> Chủ ngữ và vị ngữ

Câu 3 : 2đ Điền đúng trạng ngữ mỗi câu được 0,5 điểm. Câu 4 : 2đ

Trình bày được một đoạn văn. Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Có sự sáng tạo, mới mẻ

Sử dụng ít nhất 1 câu đặc biệt, một câu rút gọn và 2 câu chứa thành phần trạng ngữ. Gạch dưới câu văn chứa trạng ngữ, câu rút gọn và câu đặc biệt.Chuyển tải tương đối đầy đủ nội dung (theo chủ đề lựa chọn).

# Củng cố :

GV thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

# Dặn dò :

* Về nhà ôn tập lại kiến thức TV về câu rút gọn, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu.
* Làm lại bài kiểm tra vào vở.
* Soạn : Cách làm bài văn lập luận chứng minh : đọc bài, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.
* Tìm đọc các bài văn nghị luận mẫu.
* Chuẩn bị : Cách làm bài văn lập luận chứng minh( Tìm hiểu kĩ các ví dụ và trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 91 :CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

1. **Mục tiêu cần đạt : HS cần về**
   1. **Kiến thức:** Ôn lại những kiến thức cần thiết ( về tạo lập văn bản, về văn bản lập luận chứng minh.

Bước đầu nắm được cách thức cụ thể trong việc làm một bài văn lập luận chứng minh, những điều cần lưu ý và những lỗi cần trỏnh khi làm bài.

* 1. **Kĩ năng:** Tìm hiểu phân tích đề chứng minh, tìm ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh
  2. **Thái độ:** Có ý thức khi làm một văn bản nghị luận chứng minh

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não,đặt câu hỏi,...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ? Lập luận trong đời sống có gì khác lập luận trong văn nghị luận?
* Tổ chức khởi động: Hát

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm, phân tích mẫu.  +KT: đặt câu hỏi, thảo luận, động não..  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...  Gv y/c hs nhắc lại các bước làm bài văn HS đọc đề bài.  **Thảo luận theo cặp(2 phút)**  ?Tìm hiểu đề? Đề nêu lên vấn đề gì?  ? Đối tượng và phạm vi nghị luận ở đây là gì ? Đề có tính chất gì?  ? Đề này đòi hỏi người viết phải làm gì? **Đại diện các cặp trình bày, cặp khác bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.**  Hãy giải thích câu tục ngữ bằng cách trả lời các câu hỏi:  ? “Chí” có nghĩa là gì?  ? “Nên” được hiểu như thế nào?  ? Câu tục ngữ khẳng định điều gì?  GV: Một người muốn đạt tới thành công, tới kết quả tốt đẹp cần theo đuổi một mục đích, một lí tưởng tốt đẹp.  ? Việc đơn giản nhưng không có "chí" thì có thể thành công không? Lấy VD?  ? Những việc khó khăn gian khổ mà không có "chí" thì có thành công không? lấy VD | **I. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh**  1.Xét ví dụ  Đề bài***:*** Nhân dân ta thường nói:" Có chí thì nên". Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó  ***a. Tìm hiểu đề và tìm ý***  \* Tìm hiểu đề   * Vấn đề: "Có chí thì nên" – cú ý chí quyết tâm thì sẽ thành công * Đối tượng: con người * Phạm vi: Mọi lĩnh vực trong cuộc sống * Tính chất khẳng định * Người viết phải dùng lí lẽ và dẫn chứng chứng minh nội dung của câu tục ngữ là đúng đắn   \* Tìm ý   * Chí: là hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì * Nên: là kết quả, là thành công   => Một người có hoài bão, lí tưởng tốt đẹp, ý chí, nghị lực, sự kiên trì sẽ thành công   * Việc đơn giản cũng cần có " Chí"   VD: Chơi thể thao, học ngoại ngữ.... mà không có ý chí quyết tâm thì sẽ không làm được hoặc làm được nhưng với kết quả không tốt   * Việc khó khăn gian khổ lại càng cần phải có " Chí"   VD: Tập bơi bị sặc nước, uống nước rồi |

? Chỉ ra trong thực tế những tấm gương nhờ có chí mà thành công ? Lấy VD?

VD: Nicholas James "Nick" Vujicic là người Úc gốc Serbia, sinh sống tại Mỹ. khi được sinh ra đã không có tứ chi, tốt nghiệp đại học một người truyền bá Phúc Âm và nhà diễn thuyết truyền động lực cho những người khuyết tật; Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả 2 tay, phải tập viết bằng chân mà tốt nghiệp đại học

# Thảo luận nhóm (5 phút)

-> lập dàn ý 3 phần đề văn

# Đại diện các cặp trình bày, cặp khác bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.

?Vậy dàn bài của một bài văn lập luận chứng minh có mấy phần? Nêu nội dung cụ thể của từng phần?

* HS đọc các cách mở bài ( SGK/ 49)

? Chỉ ra cách cách lập luận của mỗi mở bài ?

? Các cách mở bài ấy có phù hợp với yêu cầu của bài không?

? Nêu các cách mở bài khác của em?

HS nêu các cách mở bài khác

# Thảo luận nhóm (4 phút)

* + 1. Làm thế nào để các phần trong bài liên kết với nhau?
    2. Nên viết đoạn văn phân tích lí lẽ như thế nào?
    3. Nên viết đoạn văn nêu dẫn chứng như

bỏ dở thì sẽ không bao giờ biết bơi

Đi học nửa chừng gia đình gặp khó khăn mà không quyết tâm -> nghỉ học -> không thành người có bằng cấp

* Những tấm gương nhờ có chí mà thành công :

VD:+ "Nick" Vujicic, Nguyễn Ngọc Kí

+Các vận động viên đặc biệt là các vận động viên khuyết tật tham dự các cuộc thi thể thao khu vực và thế giới mang về huy chương cho đất nước

+ Các bạn HS nhà nghèo, mồ côi vượt khó học giỏi........

## Lập dàn bài

* Mở bài: Dẫn dắt -> nêu câu tục ngữ -> khái quát nội dung của câu
* TB:

+ Giải thích câu tục ngữ

+ Mọi việc từ dễ -> khó muốn thành công đều cần phải có chí ( lấy VD chứng minh)

+ Thực tế đó có biết bao tấm gương nhờ có chí mà thành công

* Kết bài: Sức mạnh tinh thần của con người có lí tưởng.
* Ghi nhớ sgk/49

## Viết bài

* Mở bài
* Cách 1: Đi thẳng vào vấn đề

Cách 2: Suy từ cái chung đến cái riêng Cách 3: Suy từ tânm lí con người

=> Các cách mở bài phù hợp với yêu cầu của bài.

* Thân bài:
* Có từ ngữ chuyển đoạn, tiếp nối phần mở bài: Thật vậy, đúng như vậy
* Có những từ ngữ liên kết hoặc những câu chuyển: Một là, hai là.... trước hết, mặt khác, bên cạnh đó, ngoài ra, trái lại,

|  |  |
| --- | --- |
| thế nào?  4. Nên sắp xếp các dẫn chứng trong đoạn như thế nào? Yêu cầu về dẫn chứng nêu ra trong bài?  **Đại diện các cặp trình bày, cặp khác bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.**  ? Làm thế nào để phần kết bài liên kết với phần mở bài và thân bài?   * Đọc các kết bài trong SGK/ 50   ? Các kết bài ấy đó hô ứng với phần mở bài chưa?  ? Kết bài đó cho thấy luận điểm cần chứng minh chưa?   * GV cho hs viết đoạn văn phần mở bài Hoặc đoạn văn phần kết bài * GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn mình vừa viết -> Sửa chữa ( nếu cần)   ? Nêu các bước làm một bài văn nghị luận chứng minh?  ? Nêu bố cục của một bài văn nghị luận chứng minh?  ? Lưu ý khi viết bài?  - GV NX -> Ghi nhớ SGK/ 50 | ngược lại, mặc dù vậy   * Nêu lí lẽ trước rồi phân tích sau hoặc ngược lại * Nêu câu khái quát -> các dẫn chứng (hoặc ngược lại)   Dẫn chứng nêu theo trình tự thời gian, (trước <-> sau, quá khứ <-> hiện tại, các mốc thời gian cụ thể) không gian (Nam  <-> bắc, miền núi <–> miền xuôi, trong nước <–> trên thế giới); theo trình tự đối tượng hoàn cảnh, lĩnh vực (thanh niên – phụ nữ - thiếu nhi; sản xuất – chiến đấu...)   * Các dẫn chứng tiêu biểu là những người nổi tiếng, vì ai cũng biết họ nên dễ có sức thuyết phục   \* Kết bài   * Có thể sử dụng những từ ngữ chuyển đoạn: tóm lại, nói tóm lại hoặc nhắc lại ý trong phần mở bài * Kết bài hô ứng với mở bài * Kết bài nhắc lại được luận điểm cần chứng minh.   ***d. Đọc lại và sửa chữa***  **2. Ghi nhớ** |
| **3.Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ2**. **Luyện tập.**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm  +KT: đặt câu hỏi, thảo luận, động não  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ... | **II. Luyện tập**  - 4 bước: Tìm hiểu đề và tìm ý |

# Hoạt động vận dụng:

?Hãy viết 3 câu mở bài chứng minh bạn Lan là hs giỏi ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng :

* Đọc thêm các bài văn tham khảo, tìm đọc thêm tư liệu có liên quan đến cách làm bài văn nghị luận trên mạng .
* Viết hoàn chỉnh đề văn phần luyện tập
* Chuẩn bị bài mới: Luyện tập lập luận chứng minh( Xem lại cách làm và trả lời các câu hỏi trong sgk, viết đoạn, viết bài theo yêu cầu)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 92 : LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
     1. **Kiến thức:** Củng cố lại những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.

Vận dụng được những hiểu biết đó vào việc làm một bài văn chứng minh cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề xã hội gần gũi quen thuộc.

* + 1. **Kĩ năng:** Tiếp tục rèn luyện kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý và bước đầu triển khai thành bài viết
    2. **Thái độ:** Có ý thức khi làm một văn bản nghị luận chứng minh

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não,đặt câu hỏi,mảnh ghép...

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: - Nêu các bước làm một bài văn nghị luận chứng minh?
  + Bố cục của một bài văn nghị luận chứng minh?
* Tổ chức khởi động :

Cho hs thi đưa ra những dẫn chứng chứng minh em là hs ngoan?

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Chuẩn bị.**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận, mảnh ghép...  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...  Hs đọc đề  Gv tổ chức cho.  **Thảo luận nhóm (5phút)**  ? Đề nêu lên vấn đề gì?  ? Đối tượng và phạm vi nghị luận ở đây là gì?  ? Đề có tính chất gì?  ? Đề này đòi hỏi người viết phải làm gì? **Đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác nx, gv chốt kiến thức.**  **Cho hs trao đổi theo bàn (2p)**  ? Em hãy giải thích 2 câu tục ngữ "ăn quả nhớ kẻ trồng cây" và " uống nước nhớ nguồn" ?  ? Nhận xét 2 câu tục ngữ này có điểm gì chung?  **Đại diện nhóm trình bày, hs khác nx, bổ sung, gv chốt.**  **Gv sử dụng kĩ thuật mảnh ghép**  *Vòng 1*: GV chia 3nhóm thảo luận ( 3 phút)  ? Tìm những biểu hiện chứng tỏ từ xưa | 1. **Chuẩn bị**   Đề: Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay đều sống theo đạo lí " ăn quả nhớ kẻ trống cây"; "Uống nước nhớ nguồn"   * 1. Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý   ***a. Tìm hiểu đề***   * Vấn đề: Lòng biết ơn những người đó tạo ra thành quả để mình được hưởng * Đối tượng nghị luận lòng biết ơn của con người * Phạm vi: Từ xưa tới nay * Tính chất: khẳng định * Yêu cầu: Người viết phải giải thích được 2 câu tục ngữ-> Chứng minh nhân dân ta luôn sống theo đọa lí biết ơn   ***b. Tìm ý***   * Ăn quả * Uống ước   => Hưởng thành quả của người đi trước   * Nhớ kẻ trông cây * Nhớ nguồn   => Nhớ ơn người đó tạo ra thành quả đó   * Dùng hình tượng gợi liên tưởng * Đều có quan hệ nhân quả   **Dc:**   * Ngoài xã hội: Hội đền hùng, chùa Hương.... * Trong nhà trường: |

đến nay nhân dân ta đều sống theo đạo lí " ăn quả nhớ kẻ trồng cây" và "uống nước nhớ nguồn"?

Nhóm 1: Ngoài xã hội Nhóm 2: Trong nhà trường

Nhóm 3: Trong gia đình

*Vòng 2*:

? Đạo lí " ăn quả nhớ kẻ trồng cây" và " uống nước nhớ nguồn" gợi cho em suy nghĩ gì?

Hs các nhóm báo cáo,hs khác nx, bổ sung gv bổ sung thêm hoàn chỉnh

# Thảo luận cặp (2p)

? Nêu nội dung triển khai 3 phần MB, TB, KB?

? Viết đoạn mở bài, kết bài và lựa chọn 1 ý trong phần thân bài rồi triển khai thành một đoạn văn?

# HĐ2. Thực hành trên lớp.

+PP: Vấn đáp-gợi mở, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm

+KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận

+ Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...

* HS đọc đoạn văn mình viết trước tổ
* GV yêu cầu HS trong tổ nhận xét góp ý đoạn văn cho từng bạn -> Chọn 1 đoạn văn hay nhất tổ để trình bày trước lớp.

Xưa: " Nhất tự vi sư, bán tự vi sư"; " Không thầy đố mày làm nên"....

Nay: các hành động cụ thể của em thể hiện lòng biết ơn thầy cô giáo trong và ngoài giờ học, trong các ngày lễ 20/11, 8/3, 22/12......

* Trong gia đình: Biết ơn tổ tiên ( cúng, lễ); ông bà, bố mẹ ( vâng lời, kính trọng....)

Suy nghĩ của em:

* Về lòng biết ơn; truyền thống đạo lí cao đẹp của nhân dân Việt Nam
* Là tấm gương soi chiếu vào những hành vi hằng ngày của em -> làm em biết xấu hổ khi mắc lỗi lầm, biết hạnh phúc hân hoan khi làm được việc tốt
* Nghĩa vụ của em là phải tham gia vào các phong trào đền ơn đáp nghĩa ( thông qua những biểu hiện cụ thể hằng ngày)

2. Lập dàn bài

* MB: Dẫn 2 câu tục ngữ và nêu vấn đề lòng biết ơn

\*TB:

* Giải thích 2 câu tục ngữ, chỉ ra điểm chung của 2 câu
* Dùng dẫn chứng trong thực tế để chứng minh tính đúng đắn của đạo lí thể hiện trong 2 câu tục ngữ
* Suy nghĩ -> bài học của bản thân em
* KB: Nêu ý nghĩa của lòng biết ơn 3. Viết đoạn văn

# II. Thực hành trên lớp

1. Nói trước tổ 2. Nói trước lớp

# Hoạt động vận dụng:

? Hãy viết 1 ý phần kết bài cho đề văn phần luyện tập?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng :

* Hoàn thành bài văn
* Chuẩn bị bài mới: Luyện tập

**Tuần 25** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu:

**Tiết 93 : LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH**

1. **Kiến thức:** Củng cố chắc chắn hơn những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.

Biết vận dụng những hiểu biết đó vào việc viết một đoạn văn chứng minh

1. **Kĩ năng:** Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết từng đoạn, trình bày miệng từng đoạn, liên kết đoạn
2. **Thái độ:** Có ý thức chuẩn bị bài, nhanh nhẹn khi trình bày đoạn văn

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não,đặt câu hỏi, khăn trải bàn.

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: kết hợp trong giờ
* Tổ chức khởi động : Hát

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1**. **Chuẩn bị.**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận,  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết | **I. Chuẩn bị** |

vấn đề ...

Thảo luận cặp (2p)

? Nêu yêu cầu đối với một đoạn văn chứng minh?

# HĐ2. Thực hành trên lớp.

+PP: Vấn đáp-gợi mở, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm.

+KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận,

+ Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...

**-**HS đọc kỹ đề và gạch chân những từ ngữ quan trọng để tìm ra thể loại và nội dung nghị luận

# - Thảo luận nhóm (5 p)

1. Bài văn thuộc kiểu văn nghị luận chứng minh hay giải thích?Em hãy diễn giải ý nghĩa của hai câu TN
2. Em sẽ đưa những biểu hiện nào trong cuộc sống để chứng minh cho đạo lý ấy? (Quan sát thêm mục c trong SGK)
3. Bài văn sẽ được trình bày theo bố cục mấy phần?

# Đại diện trình bày, hs nhóm khác bổ sung, nx, gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.

* Gv kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh
* GV chia lớp thành 3 nhóm ( theo tổ)
* GV yêu cầu HS viết -> đọc đoạn văn
* Đoạn văn là một bộ phận của bài văn. Vì vậy, cần hình dung đoạn đó nằm ở vị trí nào trong bài văn, để viết phần chuyển đoạn.
* Cần có câu chủ đề nêu ra luận điểm của đoạn văn. Các câu, các ý khác trong đoạn phải tập trung là sáng tỏ cho luận điểm
* Các lí lẽ, dẫn chứng cần sắp xếp hợp lí rõ ràng, mạch lạc.

# II. Thực hành trên lớp

**\* Đề bài** : Chứng minh rằng nhân dân VN từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây ”, “ Uống nước nhớ nguồn ”

# I. Tìm hiểu đề và tìm ý

* Thể loại : Nghị luận CM
* ND : Lòng biết ơn những người đã tạo ra thành quả để mình hưởng

+ Diễn giải nghĩa của 2 câu TN :

* Nghĩa đen
* Nghĩa bóng : Lòng biết ơn

+ Những biểu hiện trong cuộc sống: Biết ơn ông bà, cha mẹ, tổ tiên; Biết ơn những người đã giúp đỡ mình; Biết ơn anh hùng dân tộc, những chiến sĩ, người có công với đất nước…

# Dàn ý

1. MB 2.TB

* Từ xưa, DTVN đã luôn nhớ tới cội nguồn, luôn luôn biết ơn
* Đến nay đạo lý ấy vẫn được những con người thời đại tiếp tục phát huy.

3. KB

# Viết đoạn văn

1. Viết, nói trước tổ

# Hoạt động vận dụng:

Viết đoạn văn 3 câu chủ đề tự chọn, chứng minh một vấn đề nào đó.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sửa chữa và hoàn thành các đoạn văn, viết thành bài hoàn chỉnh
* Chuẩn bị : Đức tính giản dị của Bác Hồ: đọc kĩ vb nhiều lần, đọc chú thích, chuẩn bị phần tác giả tác phẩm trình bày trước lớp, tìm hệ thống luận điểm, luận cứ và cách lập luận của bài văn. Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# I.Mục tiêu:

**Tiết 94: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

## (Phạm Văn Đồng)

1. **Kiến thức:** Cảm nhận được, qua bài văn, một trong những phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ là đức tính giản dị: giản dị trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và lời nói, bài viết.

Nhận ra và hiểu được nghệ thuật nghị luận của tác giả trong bài, đặc biệt là cách nêu dẫn chứng cụ thể, toàn diện, rõ ràng, kết hợp với giải thích, bình luận ngắn gọn mà sâu sắc.

Nhớ và thuộc được một số câu văn hay tiêu biểu trong bài.

1. **Kĩ năng:** Đọc và phân tích văn bản nghị luận chứng minh.
2. **Thái độ:** Có thái độ yêu quý kính trọng Bác Hồ – vị cha già của dân tộc

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, giảng bình, phân tích, đặt và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, hỏi-trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: GV kiểm tra bài soạn của hs và sự cb bài
* Tổ chức khởi động ***:*** Gv cho hs nghe bài hát “Bác Hồ một tình yêu bao la”

? Em cảm nhận được điều gì về BH khi nghe bài hát?

-Sử dụng kĩ thuật KWL Phát cho mỗi hs 1 phiếu

+ Chủ đề : Đức tính giản dị của Bác Hồ

+ Tên hs:

Học sinh điền vào cột thông tin vào cột K và W trước bài học.

+ Thời gian 2p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K ( Điều đã biêt )** | **W( Điều muốn biết)** | **L( Điều đã học được)** |
|  |  |  |

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1**. **Đọc và tìm hiểu chung.**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, thuyết trình  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận,trình bày 1 phút, hỏi- trả lời.  + Năng lực: tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề ...  ? Em sẽ đọc vb với giọng đọc ntn?  - Đọc to, rõ ràng, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng, các câu văn bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.  Hs đọc, HS nhận xét, gv nhận xét  Gv hướng dẫn tìm hiểu các chú thích từ ngữ trong bài.  Gv cho hs làm việc theo kĩ thuật hỏi - trả lời  Về tác giả và tác phẩm? | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  1. Đọc và tìm hiểu chú thích   * Đọc * Chú thích: (sgk)  Tác giả (sgk)   1. **Tác phẩm** 2. Hoàn cảnh (xuất xứ)-(sgk) 3. Nghị luận chứng mình: Đức tính giản |

|  |  |
| --- | --- |
|  | dị của Bác Hồ  - Trình tự lập luận: Khái quát => cụ thể. Chứng minh xen kẽ bình luận, giải thích.  c) Bố cục: 2 phần, không có đủ 3 phần: chỉ có mở bài, thân bài.   * Phần 1 – Mở bài: Từ đầu => “tuyệt đẹp” (câu 1,2)   Nhận định chung về đức tính giản dị của Bác Hồ.  (Sự nhất quán giữa cuộc đời cách mạng long trời lở đất và cuộc sống thanh bạch của Bác)   * Phần 2 – Thân bài: còn lại: những biểu hiện trong đức tính giản dị của Bác |
| **HĐ2**. **II- Phân tích**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, giảng bình  +KT: đặt câu hỏi, hỏi- trả lời.  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...  ? Hãy chỉ ra câu văn mang luận điểm của bài văn trong phần mở bài?  - Hãy nhận xét về cách mở bài của t/g? Điều đó chứng tỏ điều gì?  ? Đức tính giản dị của Bác Hồ được nhấn mạnh và mở rộng như thế nào trước khi chứng minh?  ? Để làm rõ đức tính giản dị của Bác Hồ, tác giả đã chứng minh ở những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác? | ***II. Phân tích:***  **1. Nhận xét chung về tính giản dị của Bác**   * Luận điểm: Đức tính giản dị của Bác Hồ.   Câu văn: “sự nhất quán giữa cuốc đời cách mạng long trời chuyển đất và đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chí Minh   * Cách nêu vấn đề trực tiếp, dùng câu văn có 2 về đối lập, bổ sung cho nhau, các từ gợi cảm: Trong sáng thanh bạch, tuyệt đẹp khẳng định Bác là một vĩ nhân lỗi lạc, vừa là một người bình thường, gần gữi với nhân dân, xua tân quan điểm Bác là một siêu nhân huyền thoại. * Giải thích, mở rộng phẩm chất giản dị ấy: Trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp. |

? Theo em tình cảm của người viết thể hiện trong đoạn viết là gì? Qua lời nhận định

đó, em thấy tác giả có thái độ như thế nào?

? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?

1. T/g bày tỏ thái độ nào về những đức tính của Bác?
2. Qua đây em hiểu gì về con người Hồ Chí Minh?

(gv giảng liên hệ mở rộng với bài hát “Bác Hồ một tình yêu bao la”

? Trong phân GQVĐ tác giả đã đề cập đến những phương diện nào trong lối sống giản dị của Bác?

? Quan sát đoạn văn 1, cho biết tác giả trình bày về vấn đề gì? Nhận xét cách lập luận của tấc giả?

? Chứng minh cho lối sống giản dị của Bác, tác giả dựa trên những chứng cứ nào? Các chứng cứ này được nêu cụ thể bằng những chi tiết nào?

? Để chứng minh cho lối sống giản dị trong bữa cơm và đồ dùng của Bác tác giả đã đưa ra nhưng dẫn chứng nào?

* Tác giả đã đưa dẫn chúng ở các phương diện con người, đời sống của Bác, báo gồm: đời sống cách mạng to lớn và đời sống hằng ngày.
* Biểu lộ sự hiểu biết sâu sắc và tình cảm quý trọng, chân thành với Bác Hồ. Tác giả tin ở nhận định của mình tỏ rõ sự ngợi ca đối với Hồ Chủ Tịch.

=> Lập luận ngắn gọn mà sâu sắc, giọng văn sôi nổi, lôi cuốn, trang trọng lí lẽ đanh thép, ngôn từ chuẩn mực, biểu cảm.

## Những hình ảnh trong bức tranh giản dị của Bác

+3 luận điểm nhỏ:

* Bác giản dị trong lối sống
* Bác giản dị trong quan hệ với mọi người.
* Bác giản dị trong cách nói và viết.
  1. Bác giản dị trong đời sống Câu 1: Nêu 3 luận cứ
* Bữa cơm và đồ dùng
* Cái nhà
* Lối sống

***\*Bữa cơm, đồ dùng:*** đạm bạc, tiết kiệm, chỉ có vài ba món đơn giản dân dã,...

Cách ăn: Chậm rãi, cẩn trọng không để rơi vãi một hạt cơm..

=> Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trong người phục vụ.

?Ở việc làm nhỏ đó chúng ta cảm nhận thêm được điều gì về Bác?

Liên hệ “sáng ra bờ suối... sẵn sáng” “sống quen thanh bạch nhẹ người

Việc làm tháng rộng ngày dài ung dung” “ Tôi chỉ có một ham muốn...”

? Cách lập luận của tác giả trong đoạn văn chứng minh lối sống giản dị trong căn nhà Bác ở có gì độc đáo? Tác dụng?

Liên hệ: nơi Bác ở sàn mây, vách gió. *Sớm nghe chim rừng hót quanh nhà Đêm trăng, một ngọn đèn khêu nhỉ Tiếng suối trong như tiếng hát xa.*

? Tìm những chi tiết thể hiện sự giản dị trong lối sống của Bác?

? Em có nhận xét gì về cách đưa dẫn chứng?

? Trong văn nghị luận, thường chỉ biểu ý, ít biểu cảm, nhưng cách thức nghị luận của tác giả có điểm gì đặc biệt?

? Em hay chỉ ra các câu văn bình luận, biểu cảm trong đoạn văn.

Nêu tác dụng của các câu văn ấy?

? Qua những dẫn chứng và lí lẽ trên, em hiểu gì về tình cảm của tác giả với Bác?

\* Để chứng mình đức tính giản dị của Bác tác giả đã liệt kê những dẫn chứng tiêu biểu kết hợp với bình luận, biểu cảm. Tác giả bày tỏ tình cảm quý trọng của mình với Bác => tác động tới tình cảm, cảm xúc người đọc người nghe.

? Trong đoạn văn tiếp theo, tác giả giải thích và bình luận như thế nào về lí do và ý

* Cái nhà sàn gỗ thoáng mát, chỉ có vài ba phòng,...
* Lập luận tương phản giữa tâm hồn và cách ở của Bác: Tâm hồn “lộng gió” nhà ở chỉ có vẻn vẹn 3 gian. Tác giả ngợi ca cách ở của Bác thanh bạch tao nhã

## \* Lối sống:

* Cách làm việc: suốt cả ngày, suốt cả đời. Việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, người giúp việc cho Bác rất ít

=> Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu giản dị đời thường, gần gũi với mọi người nên dễ hiểu thuyết phục bạn đọc.

Bình luận và biểu cảm’

=> Khẳng định lối sống giản dị, tinh thần xả thân, bền bỉ, cẩn mẫn chu đáo của Bác.

- Tác giả bày tỏ tình cảm quý trọng của mình với Bác =>tác động tới tình cảm, cảm xúc người đọc, người nghe

“ Bác Hồ sống đời sống giản dị. Thanh bạch như vậy, bởi vì người sống sôi nổi, phong phú đ.ời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân”

=>Lối sống giản dị, phẩm chất cao quý

=>Tấm gương trong thế giới ngày nay

nghĩa đức tính giản dị của Bác Hồ?

? Em hiểu gì về lí do của lối sống giản dị từ lời giải thích sau của tác giả?

? Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của lối sống giản dị của Bác Hò từ lời bình luận sau: “ Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay”

? Em có nhận xét gì về những lời giải thích bình luận của tác giả?

* Lối sống giản dị.

=> Khẳng định tính đúng đắn, thuyết phục của luận điểm.

# Thảo luận nhóm (5p)

? Tác giả nêu lý lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ sự giản dị của Bác trong quan hệ với mọi người như thế nào?

? Tại sao tác giả dùng những câu nói này để chứng minh cho luận điểm trên? Cách nói giản dị như vậy có tác dụng như thế nào?

Đại diện một nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

# Gv nhận xét, chốt kiến thức

? Sự giản dị trong cách nói và viết Bác được tác giả thể hiện trong văn bản ntn?

? Tại sao tác giả lại dùng những câu nói này để chứng minh cho sự giản dị trong cách nói và viết của Bác?

# B. Bác giản dị trong quan hệ với mọi người.

* Việt thư cho một đồng chí.
* Nói chuyện với các cháu miền Nam.
* Đi thăm nhà tập thể của công nhân.
* Đặt tên cho người phục vụ.

=> Đưa danh sách liệt kê tiêu biểu

=> Nổi rõ con người Bác: trân trọng, tỉ mỉ, yêu quý tất cả mọi người.

# c. Bác giản dị trong cách nói và viết:

Những câu nói nổi tiếng của Bác:

* “ Không có gì quý hơn độc lập tự do”
* “ Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi”...

=> Là những câu có nội dung ngắn gọn, đễ nhớ, mọi người biết => Vì Bác muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được => Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó thâm nhập vào trái tim khối óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người.

* Đề cao sức mạnh phi thường của lối nói

? Tác giả đã thể hiện quan điểm gì khi nêu những dẫn chứng về sự giản dị trong cách nói và viết của Bác.

Liên hệ: quan điểm viết văn của Bác: “ Văn học nghệ thuật là một mặt trận...” Giọng của Người không phải trên cao

Êm từng tiếng thêm vào lòng non nước Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau?

**Hoạt động 3: *Tổng kết***

* Phương pháp: Nêu vấn đề, trực quan,
* Kĩ thuật: Động não, tia chớp, thông tin phản hồi
* Năng lực: Trình bày

? Em học tập được gì từ cách nghị luận của tác giả?

? Văn bản đã mang lại cho em những hiểu biết mới mẻ, sâu sắc nào về Bác Hồ?

giản dị và sâu sắc của Bác, đó là sức mạnh khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân, khẳng định tài năng có thể viết thật giản dị về những điều thật lớn lao của Bác Hồ.

## III. Tổng kết

1. ***Nghệ thuật:***

* Kết hợp chứng minh với giải thích, bình luận ngắn gọn mà sâu sắc.
* Chọn lọc dẫn chứng cụ thể, toàn diện, tiêu biểu, gần gũi.
* Lập luận ngắn gọn mà sâu sắc, lí lẽ đanh thép.
* Giọng văn sôi nổi, lôi cuốn, trang trọng, ngôn từ chuẩn mực, biểu cảm thêm đượm tình chân thành.

## Nội dung:

* Đức tính giản dị mà sâu sắc trong đời sống, trong quan hệ với mọi người và lối nói viết là một vẻ đẹp cao quý trong con người Bác.

=> Bác là người giản dị trong tác phong sinh hoat, trong quan hệ với mọi người và trong cả cách nói viết.

=>Yêu quý,kính trọng và học tập làm việc theo tấm gương đạo đức của Bác.

# Hoạt động luyện tập:

* GV cho HS xem hình trước khi luyện tập.

BT1: Đọc những câu thơ nói về đức tính giản dị của Bác mà em sưu tầm được?

* Sáng ra bờ suối…
* Nơi Bác ở sàn mây vách gió

Sớm nghe chim rừng hót quanh nhà Đêm trăng một ngọn đèn khêu nhỏ

* Bác để tình thương cho chúng con Một đời thanh bạch chẳng vàng son Mong manh áo vải hồn muôn trượng Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.
* Điền nốt vào phiếu cột L

+ Yêu cầu 1 số hs đọc .

# Hoạt động vận dụng

? Em làm gì để thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy TNNĐ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm những câu thơ bài văn văn, những câu chuyện nói về đức tính giản dị của Bác.
* Đọc kĩ vb, nắm chắc nội dung bài, phân tích các luận điểm của bài.
* Chuẩn bị: Ôn tập văn nghị luận, xem lại văn nghị luận, cách làm bài văn chứng minh, tham khảo một số đề văn trong sgk để làm bài kiểm tra số 5 (tại lớp).

**Tuần 25** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 95 + 96 :VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH *( làm tại lớp)*

* 1. **Mục tiêu đề kiểm tra**
     1. **Kiến thức**:
* Đánh giá kiến thức cơ bản của HS về cách làm bài văn lập luận chứng minh, cũng như về các kiến thức Văn và Tiếng Việt có liên quan đến bài làm, để có thể vận dụng kiến thức đó vào việc tập làm một bài văn lập luận chứng minh cụ thể
* Thông qua KT, HS tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân để có phương hướng phấn đấu phát huy ưu điểm và sửa chữa khuyết điểm.
  + 1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng tìm hiểu đề, tÌm ý, lập dàn ý và viết bài
    2. **Thái độ:** Có ý thức tự giác, trung thực, cẩn thận khi làm bài.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

* 1. **Hình thức đề kiểm tra:** tự luận

# Ma trận :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức  độ  Chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | | Tổng |
| Bậc thấp | Bậc cao |  |
| **Kiểu bài** | Biết được | Nhận diện | Viết được câu | *chứng minh* |  |
| **văn lập** | khái niệm | được đoạn | văn nghị luận | *rằng bảo vệ* |
| **luận chứng** | thế nào là | văn chứng | theo phương | *rừng là bảo vệ* |
| **minh** | văn nghị | minh | pháp nhân- quả | *cuộc sống của* |
| luận chứng | trong đời sống | *chính chúng ta.* |
| minh |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số câu | 1 | 1 |  | 1 | 4 |
| Số điểm | 1 | 2 | 5 | 10 |
| Tỉ lệ % | 10 | 20 | 50% | 100% |

* 1. **Đề bài:**

**Câu 1:** Thế nào là văn nghị luận chứng minh?

**Câu 2:** Cho biết đoạn văn sau đây có phải văn nghị luận chứng minh không ? Vì sao? Khiếm tốn là gì? Đó là tính nhã nhặn, biết nhún nhường, luôn hướng đến sự tiến bộ, không ngừng học hỏi, không khoe khoang, không tự đề cao bản thân mình trước người khác.

**Câu 3**: Viết một câu văn nghị luận về đời sống lập luận theo phương pháp nhân- quả

**Câu 4:** Hãy chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.

# Hứơng dẫn chấm và biểu điểm

**Câu 1( 1 điểm)** Chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới( cần được chứng minh) là đáng tin cậy.

**Câu 2( 2 điểm)** không phải văn nghị luận chứng minh vì không dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề mà chủ yếu dùng lí lẽ , khái niệm để trình bày, thuyết phục người nghe. **Câu 3(2 điểm) :** HS cần viết được đúng câu văn nghị luận chứng theo phương pháp nhân-quả

VD: -Vì ốm mệt nên em xin cô giáo nghỉ học.

-Do chăm chỉ học hành nên bạn An đạt thành tích cao trong học tập.

# Câu 4: ( 5 điểm) Yêu cầu

1. **Về hình thức**

* Kiểu bài: nghị luận chứng minh.
* Bài có bố cục 3 phần rõ ràng, đúng yêu cầu từng phần.
* Diễn đạt lưu loát, lập luận chặt chẽ, đúng yêu cầu bài lập luận chứng minh, dẫn chứng thực tế, tiêu biểu có sức thuyết phục
* Chữ viết rõ ràng, không sai chính tả.

# Về nội dung

**- Luận điểm chính: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.**

Tùy từng cách xây dựng lập luận của mỗi em, song bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

* *Rừng gắn bó với đời sống con người.*

- Rừng như người mẹ hiền che chở cho cuộc sống con người

+ Cân bằng môi trường sinh thái

+ Ngăn lũ

+ Trong kháng chiến, rừng là căn cứ quân sự lợi hại, cùng với nhân dân đánh đuổi quân thù

- Rừng là nguồn tài nguyên dồi dào

+ Rừng cho gỗ quí

+ Rừng cung cấp dược liệu quí

+ Rừng là nơi trú ngụ của chim muông, động vật quí hiếm

* Rừng là người bạn hiền của con người: điểm du lịch lí tưởng
* *Rừng đang bị tàn phá nặng nề, điều đó có ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống con người*
* Cháy rừng
* Khai thác tùy tiện

-> Cảnh quan thiên nhiên xấu đi, không khí bị ô nhiễm, lũ lụt cướp đi biết bao sinh mạng con người.

* *Bảo vệ rừng là việc làm không của riêng ai, không vì lợi ích của ai khác mà là vì chính cuộc sống của chúng ta.*

# Thang điểm

Điểm 5: Bài đạt xuất sắc những yêu cầu trên, bài sâu sắc, có nhiều sáng tạo, văn phong sáng sủa.

Điểm 4: Đạt những yêu cầu trên, tuy nhiên còn mắc một vài lỗi diễn đạt

Điểm 3,2: Đảm bảo những yêu cầu cơ bản về nội dung, diễn đạt còn lủng củng, còn mắc lỗi chính tả.

Điểm dưới 2: Nội dung sơ sài, bố cục chưa hoàn chỉnh, bài cẩu thả, bài quá yếu...

# Củng cố:

* GV thu bài, nhận xét tinh thần, thái độ trong giờ kiểm tra.

# Dặn dò:

* Chuẩn bị bài "Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động".

+ Đọc , trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu trước bài học.

**Tuần 26** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 97 :CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG

1. **Mục tiêu:**
   1. **Kiến thức:** Hiểu được khái niệm câu chủ động, câu bị động

Hiểu được mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động

* 1. **Kĩ năng:** Sử dụng câu chủ động và câu bị động linh hoạt trong nói và viết
  2. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng câu chủ động và bị động phù hợp trong khi nói và viết.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và soạn kĩ bài( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, phân tích mẫu, đặt và giải quyết vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, động não, đặt câu hỏi, hỏi-trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra:
  + Việc sử dụng trạng ngữ trong câu có những cụng dụng gì? Đặt một câu có sử dụng trạng ngữ? Nêu công dụng của trạng ngữ trong câu đó?
  + Khi nào có thể tách trạng ngữ thành 1 câu riêng?
* Tổ chức khởi động***:*** Hát

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1**. **Câu chủ động và câu bị động**:  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu, luyện tập-thực hành.  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận.  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...  - HS đọc vd  **- Cho hs trao đổi theo cặp(2p)**  ? Hai câu sau đây có gì giống và khác nhau?   * Về nội dung? * Về hình thức?   **Đại diện hs trình bày, hs khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.**  ? Vậy em hiểu thế nào là câu chủ động? câu bị động?   * HS khái quát rút ra ghi nhớ/ SGK.   -GV:Từ một câu chủ động có thể chuyển thành 1,2 câu bị động tương ứng.  ?Tham gia vào thành phần của câu bị | CÂU CHỦ ĐỘNG VÀ CÂU BỊ ĐỘNG:  * 1. **Ví dụ :** *(SGK)*  Nhận xét :  * + 1. Mọi người yêu mến em CN VN   Chủ thể Đối tượng của hành động của hành động   * + 1. Em // được mọi người yêu mến. CN VN   Đối tượng của hành động   * Nội dung 2 câu hoàn toàn giống nhau. * Chủ ngữ câu a: chủ thể của hoạt động. * Chủ ngữ câu b: đối tượng của hoạt động   Câu a là câu chủ động Câu b là câu bị động.  **3. Ghi nhớ:** SGK. |

động thường có từ nào?

? Câu sau đây có phải là câu bị động không?

VD:

* + 1. Cơm bị cháy
    2. Nó được đi bơi

Mặc dù có sử dụng "bị", "được" nhưng hai câu trên không phải là câu bị động Câu a: không rõ chủ thể của hành động.

Câu b: "đi bơi" là hoạt động chính của chủ thể chứ không phải động từ ngoại động (hoạt động của người, vật khác tđ vào)

-> Câu bình thường

-gv lưu ý hs.

# HĐ2.Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động

+PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm,

giảng bình

+KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận, hỏi- trả lời.

+ Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...

- Học sinh đọc ví dụ sgk

# Thảo luận nhóm (5 p)

## Em hãy chọn câu nào để điền vào chỗ trống ? giải thích lý do?

* + - 1. ***Tác dụng của câu bị động trên?***
      2. ***So sánh hai cách viết sau trong 2 câu sau:***

***C1: Chị dắt con chó đi dạo ven rừng, chốc chốc dừng lại ngửi chỗ này một tí, ngửi chỗ kia một tí.***

***C2: Con chó được chị dắt đi dạo ven rừng, chốc chốc dừng lại ngửi chỗ này một tí, ngửi chỗ kia một tí.***

**Các nhóm cử đại diện trình bày, nxét, gv đánh giá, hoàn chỉnh kiến thức.**

? Qua 2 ví dụ, em thấy việc chuyển đổi từ

VD:

* Thầy giáo phê bình An (CĐ)
* An bị thầy giáo phê bình (BĐ)

\* Cậu tôi cho chị tôi cây bút máy.

Chị tôi được cậu tôi cho cây bút máy. Cây bút máy được cậu tôi cho chị tôi.

* Tham gia vào câu bị động thường có từ “bị; được”.

# MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG:

1. **Ví dụ:**
2. **Nhận xét:**

Em được mọi người yêu mến

-> Câu này giúp cho việc liên kết câu được chắc chắn hơn. Các câu trước đã nói về Thuỷ (qua CN "em tôi"), vì vậy sẽ là lôgic và dễ hiểu hơn nếu câu sau tiếp tục nói về Thuỷ qua CN "em".

Câu 1 (câu chủ động) mạch văn sẽ khiến người đọc hiểu sai ý tưởng.

Câu 2(câu bị động) là hợp lí, sáng rõ nghĩa

|  |  |
| --- | --- |
| câu chủ động sang câu bị động có tác dụng gì?  - HS khái quát rút ra ghi nhớ. | **3.** *Ghi nhớ: SGK* |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 3: Luyện tập**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, giảng bình  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận, hỏi- trả lời.  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...   * Học sinh đọc bài tập 1 (sgk)   ? Tìm câu bị động trong đoạn văn? Giải thích vì sao?  ? Chuyển những câu chủ động sau thành câu bị động. Có câu nào không chuyển được không? Vì sao?   * GV tổ chức cho HS hoạt động theo bàn. * HS làm ra phiếu học tập. * GV thu phiếu học tập nhận xét, đánh giá, cho điểm. | **III.LUYỆN TẬP**  **1. Bài tập 1**   * Có khi (các thứ của quý) được trưng bày… * Tác giả "mấy vần thơ" liền được tôn làm…   ****Dùng kiểu câu bị động để tránh lặp lại kiểu câu đã dùng, tạo liên kết trong đoạn.  **2. Bài tập 2:**   1. Thầy giáo phê bình em 2. Người lái đò đẩy thuyền ra xa 3. Bọn xấu ném đá lên tàu hoả 4. Nó rời sân ga.   đ. Chàng kị sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đào.  (Trường hợp: "Nó rời sân ga" không thể chuyển thành câu bị động vì không thể nói: sân ga được nó rời. |

# Hoạt động vận dụng:

* GV cho HS làm bài tập trên bảng phụ.

Tìm câu chủ động trong những câu sau đây:

* 1. Cha mẹ tôi sinh được hai người con.
  2. Gia đình tôi chuyển về HN được 10 năm rồi.
  3. Bạn ấy được điểm 10.
  4. Mỗi lần được điểm cao, tôi lại được bố mẹ mua tặng một thứ đồ dùng học tập.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Đọc thêm các tài liệu liên quan đến các kiến thức. Làm các bài tập vào vở
  + Soạn: ý nghĩa văn chương (Đọc vb, chú thích, tìm hiểu bố cục vb, xác định luận điểm của bài và cách lập luận)Làm việc theo hợp đồng phần tác giả(tiểu sử, sự nghiệp...)

**Tuần 26** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 98: Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

1. **Mục tiêu cần đạt:** HS cần

( Hoài Thanh)

1. **Kiến thức:** Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc cốt yếu của văn chương.

Hiểu được phần nào phong cách nghị luận văn chương của HT.

1. **Kĩ năng:** Đọc và phân tích được bố cục, dẫn chứng, lí lẽ và cách lập luận và cách hành văn có cxúc, hình ảnh.
2. **Thái độ:** Yêu thích văn chương, thấy được ý nghĩa của nó trong đ/s của con người.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu liên quan.
2. Trò: Đọc diễn cảm và soạn kĩ bài học ( trả lời các câu hỏi trong sgk )

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* + PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật, giảng bình
  + KTDH: Thảo luận, động não,đặt câu hỏi, hỏi-trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra:
* Tổ chức khởi động :

-Sử dụng kĩ thuật KWL Phát cho mỗi hs 1 phiếu

+ Chủ đề : Ý nghĩa văn chương

+ Tên hs:

Học sinh điền vào cột thông tin vào cột K và W trước bài học.

+ Thời gian 2p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K ( Điều đã biêt )** | **W( Điều muốn biết)** | **L( Điều đã học được)** |
|  |  |  |

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chung**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, thuyết trình  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận,trình bày 1 phút, hỏi- trả lời.  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề  ...  ? Em sẽ đọc vb với giọng đọc ntn? YC hs đọc ->hs khác nx.  - Y/c HS chú ý các chú thích trong bài: văn chương  Gv sử dụng kĩ thuật hỏi-trả về tác giả và tác phẩm.  ? | **I- Tìm hiểu chung**  1.Đọc, hiểu chú thích:   * Đọc * Chú thích 2)Tác giả:   -HT (1909 – 1982) tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, quê Nghệ An. Là nhà giáo, nhà phê bình văn nghệ xuất sắc của nước ta TK XX.  - Tp nổi tiếng: Thi nhân VN.  2) Tác phẩm: a.Xuất xứ:  - Có lần vb được in với nhan đề: “ Ý nghĩa và công dụng của vc”  + Văn chương : nghĩa rộng: bao gồm cả triết học, văn học, sử học.  Trong vb này, văn chương đc hiểu theo nghĩa hẹp.  b) Kiểu vb: NL văn chương  - Vấn đề NL: Ý nghĩa của v/c đối với đ/s   1. Ptbđ: NL (CM + GT + bình luận), TS, MT 2. Cấu trúc: 2 phần:   + P1: Từ đầu-> muôn loài: Nguồn gốc của văn chương  + P2: Còn lại: Vai trò và công dụng to lớn của văn chương. |
| **HĐ 2: Phân tích**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, dạy học nhóm, bình giảng,  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm ,thảo luận, hỏi- trả lời. dùng lời có nghệ thuật  + Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề  ... | **II- Phân tích** |

# Thảo luận nhóm 5p

? Tìm trong đoạn văn câu chứa luận điểm về nguồn gốc cốt yếu của văn chương?

? Em hiểu cốt yếu là gì? Thương người, thương cả muôn vật, muôn loài là ntn?

? Để đi đến kết luận về nguồn gốc cốt yếu của vc, nhà văn Hoài Thanh đã đưa ra dẫn chứng gì?

? Cách lập luận này của tgiả có độc đáo?

? Nhận xét về cách nêu vấn đề của tgiả? **Đại diện 1 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét**

# Gv nhận xét và chốt kiến thức.

+ Cốt yếu: cái chính, cái qtrọng nhất

+ Thương người, thương muôn vật, muôn loài: tình thương, lòng nhân ái

Cách vào bài rất nhẹ nhàng, độc đáo của HT trong văn NL đã gây ấn tượng mạnh cho ng đọc, k/định nguồn gốc cốt yếu của vc chính là tình thương, lòng nhân ái, tình yêu thương của con người.

? Em có nx gì về quan niệm trên của t/g?

* **GV bình**: Macxim Gorki từng nói Văn học

là nhân học – VH là con người. Học văn là học làm người. Lê Quý Đôn cũng từng nói “*Văn chương khởi phát từ trong lòng người là chính* ”. Những chân lí, quan điểm ấy rất giống với quan niệm của Hoài Thanh. Ví như: Đoàn Thị Điểm dịch nôm “Chinh phụ ngâm khúc” là bởi có lòng đồng cảm với Đặng Trần Côn, với người chinh phụ buồn nhớ chồng mình. Bà Huyện Thanh Quan, vì nỗi cô đơn trong lòng mà viết lên những lời thơ tuyệt bút: “Nhớ

nước đau lòng con cuốc cuốc...ta với ta”. Hay Nguyễn Du viết kiệt tác Truyện Kiều bởi “những điều trông thấy...”, ông cảm thương với những cuộc đời phụ nữ khổ đau, bất hạnh. Đó đều là những tp văn chương có nguồn gốc xuất phát từ lòng yêu thương, lòng nhân ái.

* + Thảo luận cặp đôi (2p)

?Có ý kiến cho rằng: nguồn gốc của vc bắt

## 1- Nguồn gốc cốt yếu của văn chương

* + LĐ: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra là thương cả muôn vật, muôn loài.
  + Luận cứ: dẫn ra câu chuyện cảm động về thi sĩ Ấn Độ.

+ Lập luận theo lối quy nạp: đưa ra luận cứ rồi mới dẫn đến luận điểm.

-> Nêu vấn đề tự nhiên, bất ngờ, hấp dẫn, xúc động.

=> Quan niệm đúng đắn, sâu sắc.

nguồn từ c/sống lao động? Theo em 2 quan điểm đó có loại trừ nhau không? Hãy lấy ví dụ minh họa?

# - Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác nhận xét, bổ sung

**GV nhận xét , chốt .**

Quan niệm trên của tác giả là đúng và sâu sắc nhưng chưa phải là tất cả. Vẫn có những quan niệm khác như văn chương bắt nguồn từ lao động, giải trí,từ lòng yêu nước... Các quan điểm tuy khác nhau nhưng không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau về ý nghĩa.

VD: VC nảy sinh trong lao động sản xuất: “ *Rủ nhau đi cấy đi cày*

*Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu” “Ai ơi bưng bát cơm đầy*

*Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”* VC bắt nguồn từ trò chơi giải trí (các bài hát đồng dao trong các trò chơi dân gian của trẻ con) ..vv..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiết 99*** |  |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| ?t/g đã đưa ra những lđ nào về vai tro của v/c?  **Thảo luận nhóm 5 p**   1. Để chứng minh 2 luận điểm ấy tác giả đã đưa ra những lí lẽ nào để giải thích, dẫn chứng nào để chứng mình? 2. Hãy tìm các ví dụ cụ thể từ những vb em biết để cho thấy quan niệm về nhiệm vụ, vai trò của v/c ? Vậy văn chương bắt nguồn từ đâu ?   **Đại diện trình bày, nhóm khác nx, bổ sung,**  **GV nhận xét, bổ sung** | Ý nghĩa:  * 1. ***Vai trò (nhiệm vụ) của v/c***   -2 luận điểm:  + “V/c là hình dung của sự sống”  + “ V/c sáng tạo ra sự sống”   * Lí lẽ, d/c:   + **Vc là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng:** Cuộc sống vốn là thiên hình vạn trạng, v/c phản ánh cuộc sống đó qua tâm hồn con người.  + **Văn chương sáng tạo ra sự sống:**V/c dựng lên những hình ảnh, ý tưởng mà cuộc sống hiện tại chưa có, chưa đủ để mọi người phân đều để có 1 hiện thực và tương lai tốt đẹp.   * VD: cây tre VN, Dễ mèn phiêu lưu kí, những câu hát về t/c gia đình, tình yêu quê hương đất nước,...   => V/c bắt nguồn từ cảm xúc yêu thương của nhà văn. |

? Luận điểm ấy khái quát ntn về vai trò của v/c?

(gv giảng bình và mở rộng về những tác phẩm của Nguyễn, Nam Cao và 1 số vb khác: *Người đọc có thể thấy rõ cuộc sống vất vả, chân lấm tay bùn của người lao động xưa qua ca dao, tục ngữ, thấy được h/a quê hương VN tươi đẹp qua “Cây tre VN” “Sông nước Cà Mau”, thấy được cuộc sống lao động chiến đấu quả cảm của cả dân tộc qua hàng loạt các tác phẩm vc*

*-> Vc phản ánh cuộc sống muôn màu.*

*- Qua ngòi bút sáng tạo của tác giả, thế giới loài vật trong “Dế Mèn…”; thế giới loài chim trong "Lao xao" hiện ra vô cùng sống động mang màu sắc mới lạ… Trong DMPLKí, Tô Hoài tưởng tượng về một TG đại đồng, ở đó mọi ng được hưởng cs bình đẳng và hp.*

? Theo em trong bài viết này, tác giả đưa ra mấy công dụng của văn chương?

# Thảo luận cặp đôi 5p

? Hãy chỉ ra những câu văn nói về công dụng của văn chương đ/v con người.

? E, có nhận xét gì về nghệ thuật nghị luận của HT trong đoạn văn trên?

# Đại diện các nhóm lên trình bày, nhóm khác nx, bổ sung.

**Gv nhận xét vàchốt kiến thức,** giảng, bình.

(Rõ ràng, cái hay trong cách nghị luận của Hoài Thanh là không làm cho 1 bài nghị luận trở nên khô cứng mà mềm mai, ấn tượng tạo nên phong cách của HT)

? Từ đó khái quát công dụng của văn chương?

# Thảo luận cặp đôi 2p

1. – HT đã dành để nói về công dụng xh của v/c qua câu nào?

## => văn chương là phản ánh sự sống và thúc đẩy sự sống phát triển

***b. Công dụng của văn chương***

1. công dụng:

* Đối với con người
* Đối với xã hội

# Đối với con người

* Một người hằng... mãnh lực lạ lùng của v/c hay sao

-V/c gây cho ta ... trăm nghìn lần

+Cách nghị luận giàu cảm xúc, lôi cuốn người đọc, không khô khan.

# =>Khơi dậy những trang thái cx cao thượng của con người, rèn luyện, mở rộng thế giới tình cảm của con người, làm tình cảm con người trở nên phong phú, sâu sắc, tốt đẹp hơn.

**\*Đối với xã hội**

* “ có thể nói ...mới hay”
* “Nếu pho l/s... bậc nào”

2 – T/g muốn tin vào những sức mạnh nào của v/c?

3- HT đã giúp ta hiểu thêm những ý nghĩa sâu sắc nào của v/c?

# Đại diện 1 cặp trình bày, cặp khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.

? Em có nhận xét gì về cách nghị luận của t/g trong bài văn (lí lẽ và cách lập luận)?

? Qua đây em hiểu gì về t/g

-GV : giảng – bình – chốt

# HĐ 3: Tổng kết

+PP: Vấn đáp-gợi mở

+KT: đặt câu hỏi, hỏi-trả lời

+ Năng lực : tự học, hợp tác , giải quyết vấn đề ...

? Đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật của bài văn là gì?

? Văn bản đã làm rõ những vấn đề gì?

* V/c làm đẹp, làm hay những thứ bình thường. Các thi nhân, văn nhân làm giàu sang cho lối sống nhân loại

=>V/c làm giàu tình cảm con người và làm đẹp cho cuộc sống, là món ăn tinh thần không thể thiếu.

+ Lập luận chặt chẽ, có lí lẽ, dẫn chứng, giàu hình ảnh.

# Tổng kết

1. Nghệ thuật: ( Ghi nhí sgk)
2. Nội dung: ( Ghi nhí sgk)

# Hoạt động luyện tập

* GV cho hs đọc diễn cảm.
* Điền nốt thông tin vào cột L gọi 1 số hs đọc .

# Hoạt động vận dụng

* Qua văn bản em rút ra được điều gì về việc học văn?

# Hoạt động tìm tòi mở rộng:

* Đọc diễn cảm vb
* Đọc thêm những bài văn hay để hiểu thêm về cách nhận định của HT trong vb
* Cb:+ Đọc phần hai của văn bản

+ Tìm hiểu ý nghĩa và công dụng của văn chương

+ Trả lời câu hỏi SGK

Nêu được luận điểm: trong nói và viết Hồ Chí Minh cũng hết sức giản dị. (1đ) Luận chứng : trong các trường hợp, văn cảnh khác nhau :

+ Trong một sự kiện lịch sử trọng đại, khi đọc bài tuyên ngôn độc lập, giữa bài phát biểu, Bác đã dừng lại và hỏi “Tôi nói đồng bào nghe rõ không”

+ Nhiều chân lí lớn của thời đại được Bác diễn đạt vô cùng dễ hiểu “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Nước VN là một, dân tộc VN là một…”

+ Để khuyên thanh niên kiên trì, bền bỉ Bác k dựng đến cả một bài văn nghị luận dài mà chỉ dùng đến 4 câu thơ 5 chữ, vẻn vẹn 20 từ mà từ nào cũng dễ hiểu, dễ thuộc nhưng cũng hết sức thấm thía “Không có việc gì khó …Quyết chí ắt làm nên”

+ Trong bài thơ gửi thiếu nhi Bác viết “Trung thu trăng sáng như gương/ Bác Hồ Ngắm cảnh …”

HS có thể lấy các dẫn chứng khác nhau sao cho phù hợp

**Yêu cầu về hình thức**: Biết trinh bày những nội dung đề yêu cầu thành một đoạn NL. Văn viết mạch lạc, lập lập chắc chắn, có sức thuyết phục, có một vài dẫn chứng là 2 đoạn đề bài đó cho. Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. (1đ)

* GV giới thiệu bài: Trong một số trường hợp cụ thể, việc sử dụng câu bị động có rất nhiều ưu việt, vậy cách thức chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động như thế nào, chúng ta sang bài học tiếp theo.

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1 : Hệ thống kiến thức**   * PPDH: dạy học nhóm, nêu và giải quyết vấn đề. * KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, hỏi-trả lời.   GVtổ chức cho hs hoạt động nhóm 3p | **I- Hệ thống kiến thức** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Nhóm 1: Câu 1** | |  |  |  |  |
| **STT** | **Tên bài** | **Tác giả** | **Đề tài nghị luận** | **Luận điểm chính** | **Phương pháp lập luận** |
| 1 | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. | Chứng minh |
| 2 | Sự giàu đẹp của tiếng Việt | Đặng Thai Mai | Sự giàu đẹp của tiếng Việt | TV có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay | Chứng minh  ( kết hợp với giải thích) |
| 3 | Đức tính giản dị của Bác Hồ | Phạm Văn Đồng | Đức tính giản dị của Bác Hồ | Bác giản dị trong mọi phương diện: bữa cơm (ăn), cái nhà (ở), lối sống, (cách) nói và viết. Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú, rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác | Chứng minh  ( kết hợp với giải thích và bình luận) |
| 4 | ý nghĩa văn chương | Hoài Thanh | Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người | Nguồn gốc của VC là ở tình thương người, thương muôn loài, muôn vật. VC hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm của con người | Giải thích  ( kết hợp bình luận) |

# Nhóm 2: Câu 2 (SGK/ 67)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Những nét đặc sắc nghệ thuật** |
| Tinh thần yêu nước  của nhân dân ta | Bố cục chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, toàn diện, sắp xếp hợp lí,  hình ảnh so sánh đặc sắc |
| Sự giàu đẹp của  tiếng Việt | Bố cục mạch lạc, kết hợp giải thích và chứng minh; luận cứ  xác đáng, toàn diện, chặt chẽ |
| Đức tính giản dị của  Bác Hồ | Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện. Kết hợp chứng minh  với giải thích và bình luận, lời văn giản dị mà giàu cảm xúc. |
| ý nghĩa văn chương | Trình bày những vấn đề phức tạp một cách ngắn gọn, giản dị,  sáng sủa, kết hợp với cảm xúc, văn giàu hình ảnh. |

Nhóm 3: **Câu 3, phần a (SGK 67)**

Lưu ý : Với mỗi thể loại lấy VD những tác phẩm thuộc thể loại đó mà em biết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Yếu tố chủ yếu** | **Tác phẩm** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Truyện | * Cốt truyện * Nhân vật * Nhân vật kể chuyện | | * Con rồng cháu tiên * Cuộc chia tay của những con búp bê |
| Kí | * Nhân vật * Nhân vật kể chuyện | | - Cô Tô |
| Thơ tự sự | * Vần, nhịp * Nhân vật * Nhân vật kể chuyện | | - Truyện Kiều Lục Văn Tiên |
| Thơ trữ tình | * Vần, nhịp * Nhân vật ( nhân vật trữ tình, thường là tác giả) | | * Đêm nay Bác không ngủ * Cảnh khuya * Qua đèo Ngang |
| Tùy bút | * Nhân vật * Nhân vật kể chuyện | | * Một thứ quà của lúa non: Cốm * Sài Gòn tôi yêu * Mùa xuân của tôi |
| Nghị luận | * Luận điểm * Luận cứ | | * Tinh thần yêu nước của nhân dân ta * Đức tính giản dị của Bác Hồ * Sự giàu đẹp của Tiếng Việt * ý nghĩa văn chương |
| **Nhóm 4:**  GV: Trong thực tế, mỗi vb có thể ko chứa đựng đầy đủ các đặc trưng của thể loại; các thể loại cũng có sự xâm nhập lẫn nhau. Sự phân biệt ở đây ko phải là tuyệt đối | | **Câu 3, phần b** (SGK/ 67)   * Các thể loại tự sự như truyện, kí, chủ yếu dùng phương thức miêu tả và kể, nhằm tái hiện sự vật, hiện tượng, con người, câu chuyện * Các thể loại trữ tình như thơ trữ tình, tùy bút, chủ yếu dùng phương thức biểu cảm để biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua các hình ảnh, nhịp điệu, vần điệu   => Các thể loại tự sự và trữ tình đều tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật với nhiều dạng thức khác nhau, như nhân vật, hình tượng thiên nhiên, đồ vật.....   * Khác với các thể loại tự sự và trữ tình, văn nghị luận chủ yếu dùng phương thức lập luận, bằng lí lẽ, dẫn chứng để trình bày ý kiến tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có hình ảnh, cảm xúc, nhưng điều cốt yếu là lập luận với hệ thống các luận điểm, luận cứ chặt chẽ, xác đáng. | |

# \* Nhóm 5

* + GV hỏi thêm sau khi nhóm 5 trình bày:
  + Chỉ ra các yếu tố của văn nghị luận trong câu tục ngữ sau:

" ăn quả nhớ kẻ trồng cây"

GV sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời để hs làm việc.

* + Nghị luận là gì?
  + Phân biệt văn nghị luận với vẳn bản trữ tình
  + Các phương pháp nghị luận chính thường gặp là gì?
  + GV NX -> Ghi nhớ. GV KL toàn bài

# Hoạt động vận dụng:

**Câu 3, phần c (SGK/ 67)**

Những câu tục ngữ trong bài 18, 19 có thể coi là loại văn bản nghị luận đặc biệt. Vì các câu tục ngữ có đủ các yếu tố của văn nghị luận ( luận điểm, luận cứ, lập luận) nhưng tục ngữ lại ngắn gọn, có hình ảnh, có vần điệu, sử dụng lối so sánh, tương phản bằng các vế đối ... nên nó là loại văn bản nghị luận đặc biệt ngắn gọn

* Ăn quả / nhớ kẻ trồng cây" LC LĐ

Hưởng thành quả thì phải nhớ người làm ra

Lập luận

2. Ghi nhớ \* Ghi nhớ SGK/ 67

? Em hãy chọn 1 đề tài mà em thích nhất và thuyết trình về đề tài đó dưới kiểu văn nghị luận chứng minh.

* Hát một bài hát về Bác Hồ mà em thích nhất?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Ôn tập về văn nghị luận
* Tìm đọc thêm các tư liệu liên quan để tham khảo về văn nghị luận trên mạng .
* Chuẩn bị bài mới: Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu ( tìm hiểu ví dụ, trả lời các câu hỏi trong sgk và xem trước các bài tập)

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 103 DÙNG CỤM CHỦ VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
     1. **Kiến thức:** Hiểu được thế nào là dùng cụm chủ vị ( C – V) để mở rộng câu (tức dùng cụm C – V để làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ).

Nhận biết được các trường hợp dùng cụm C – V để mở rộng câu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phụ trước | Trung tâm | Phụ sau |
| Những | tình cảm | ta không có |
| Những | tình cảm | ta sẵn có |

* + 1. **Kĩ năng:** Mở rộng câu bằng cách dùng cụm C – V làm thành phần của câu trong nói và viết.
    2. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng câu mở rộng thành phần cho chính xác.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu tham khảo liên quan
2. Trò: Xem lại toàn bộ những kiến thức liên quan, chuẩn bị bài mới( trả lời các câu hỏi trong sgk, đọc tài liệu tham khảo...)

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* + PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở.
  + KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động học tập

**1. Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ?Nêu các cách chuyển câu chủ động thành câu bị động? Lấy VD?
* Giới thiệu bài: Một trong những cách biến đổi câu tiếp theo mà các em được học là dùng cụm C-V để mở rộng câu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1 : Thế nào là dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu**   * PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, phân tích mẫu. * KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi * Năng lực : Tự học , học nhóm , hợp tác...   **Hoạt động nhóm 3p**  Trả lời các câu hỏi   1. Hãy xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu. 2. Tìm các cụm danh từ có trong VD? 3. Phân tích cấu tạo của cụm danh từ vừa tìm được?   **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.**  ? Thành phần phụ sau của 2 cụm danh từ có gì đặc biệt?  ? Việc dùng một cụm c-v để làm thành | **I. Thế nào là dùng cụm chủ – vị để mở rộng câu**  1. Xét ví dụ  *Văn chương/ gây cho ta những tình cảm CN VN*  *ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.*   * Cụm danh từ:   *+ Những tình cảm ta không có*  *+ Những tình cảm ta sẵn có*   * Cấu tạo của cụm danh từ: * Cấu tạo của thành phần phụ sau là một cụm c-v   Ta / không có CN VN |

phần phụ sau có tác dụng gì?

GV: Trong VD này t/giả đó dùng cụm C– V làm t/phần phụ sau của cụm DT để mở rộng câu

? Phân tích cấu tạo của câu sau:

*Chiếc xe này lốp đã hỏng.*

?Cấu tạo của câu này có gì đặc biệt?

?Qua các VD trên, em hiểu thế nào là dùng cụm C – V để mở rộng câu?

?Lấy VD một câu có dùng cụm C – V để mở rộng?( hs lấy vd)

- HS khác nx,GV đánh giá -> Chốt ghi nhớ

# HĐ 2 : Các trường hợp dùng cụm chủ

**- vị để mở rộng câu**

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở, phân tích mẫu.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi.
* Năng lực : Tự học , học nhóm , hợp tác...

# Thảo luận ( 5 phút)

1.Tìm cụm chủ vị làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu. Cho biết trong mỗi câu, cụm C – V làm thành phần gì?

# đại diện nhóm nhóm trình bày, HS nhóm khác NX, bổ sung, GV NX -> Chốt

Ta / sẵn có CN VN

->Mở rộng câu

Chiếc xe này / lốp đã hỏng

C1 V1

CN VN

=> Vị ngữ cấu tạo là một cụm C - V 2. Ghi nhớ

(SGK/ 68)

# Các trường hợp dùng cụm chủ – vị để mở rộng câu

1. Xét ví dụ

a.

Chị Ba đến/ (khiến) tôi/ rất vui và vững tâm C1 V1 C2 V2

CN

VN

=> Cụm C1 – V1 làm chủ ngữ

Cụm C 2 – V 2 làm thành phần phụ sau của cụm động từ

*b. Nhân dân ta/ tinh thần rất hăng hái*

CN C1 V1 VN

=> Cùm C – V làm vị ngữ

c. *Nói rằng trời/ sinh lá sen .....cốm,*

*C1 V 1*

*cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen*

C 2 V2

=> Cum C – V làm thành phần phụ sau trong cụm động từ

|  |  |
| --- | --- |
| ? Qua các Vd trên, em hãy cho biết có các trường hợp dùng cụm C – V để mở rộng câu nào?   * HS Lấy VD? * HS khác nx, GV đánh giá -> Chốt ghi nhớ | d. *Từ ngày Cách mạng tháng 8 thành công*  C1 V1  => Cụm C – V làm thành phần phụ sau trong cụm danh từ  2. Ghi nhớ  ( SGK/ 69) |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 3: Luyện tập**   * PPDH: nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở. * KTDH: động não, đặt câu hỏi. * Năng lực : Tự học , học nhóm , hợp tác... * Đọc yêu cầu bài tập   Yêu cầu HS làm việc cá nhân, nhóm lên bảng làm   * HS nx, GV nhận xét, đánh giá, cho điểm. | **III. Luyện tập**   1. chỉ riêng những người chuyên môn mới định được   -> Cụm C – V làm phụ ngữ trong cụm danh từ   1. Khuôn mặt đầy đặn   -> Cụm C – V làm vị ngữ   1. Các cô gái Vòng đỗ gánh.   -> Cụm C –V làm phụ ngữ trong cụm danh từ (khi)  hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào  -> Cụm C –V làm phụ ngữ trong cụm động từ (thấy)   1. một bàn tay đập vào vai   -> Cụm C –V làm chủ ngữ hắn giật mình  -> Cụm C –V làm phụ ngữ trong cụm động từ( khiến) |

# Hoạt động vận dụng:

?Em đã bao giờ dùng cụm chủ – vị để mở rộng câu trong khi giao tiếp chưa? Cho ví dụ?

? Em hãy cùng bạn tạo một đối thoại ngắn có sử dụng cụm chủ – vị để mở rộng câu?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Học bài, thuộc ghi nhớ, tìm làm thêm các bài tập liên quan đến bài học
* Xem lại bài tập phần luyện tập ( SGK/ 69)
* Chuẩn bị bài mới: Trả bài TLV số 5, trả bài KT tiếng Việt, trả bài KT văn.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 104 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

**I/ Mục tiêu cần đạt:**

1. **Kiến thức:**

* Thấy được năng lực của mình trong việc làm bài văn NLCM
* Tự đánh giá được đúng ưu khuyết điểm của bài tập làm văn đầu tiên về văn NL trên các mặt kiến thức, lập ý, bố cục, lập luận.... với sự phân tích, hướng dẫn của giáo viên.

1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng phát hiện lỗi và sửa lỗi
2. **Thái độ:** Có ý thức phê và tự phê

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. Thầy:- Bài soạn, tư liệu tham khảo liên quan, bài kiểm tra đã chấm
2. Trò:- Xem lại lí thuyết văn NL và đề bài tiết kiểm tra.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: (trong quá trình học)
* GV nêu mục tiêu giứi thiệu bài học.

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở. * KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi. * Năng lực : Tự học , học nhóm   , hợp tác...  HS nhắc lại đề bài.  ? Thế nào là văn nghị luận | 1. Đề bài:   **Câu 1:** Thế nào là văn nghị luận chứng minh?  **Câu 2:** Cho biết đoạn văn sau đây có phải văn nghị luận chứng minh không ? Vì sao?  Khiếm tốn là gì? Đó là tính nhã nhặn, biết nhún nhường, luôn hướng đến sự tiến bộ, không ngừng học hỏi, không khoe khoang, không tự đề cao bản thân mình trước người khác.  **Câu 3( 2 đ)** Viết một đoạn văn nghị luận lập theo theo phương pháp nhân- quả.  **Câu 4:** Hãy chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta. Yêu cầu: **Câu 1( 1 điểm)** Chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới( cần được chứng minh) là đáng tin cậy. |

chứng minh?

? Cho biết đoạn văn có phải văn nghị luận chứng minh không ? Vì sao?

? Đoạn văn cần đb đc y/c gì?

? Theo em, bài văn này cần đảm bảo những yêu cầu nào về hình thức ?

(Kiểu bài, bố cục, diễn đạt, trình bày)

HS trả lời, GV chốt.

Thảo luận(4p)

* 1. Cho biết luận điểm chính của bài văn ?
  2. Để làm sáng tỏ LĐ, em đã chứng minh bằng những lí lẽ, dẫn chứng nào ?

# Đại diện HS trả lời, nhóm khác nx, bổ sung, GV xây dựng lại dàn ý .

**Câu 2( 2 điểm)** không vì không dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề mà chủ yếu dùng lí lẽ , khái niệm để trình bày, thuyết phục người nghe( gt)

**Câu 3( 2 đ)** Viết một đoạn văn nghị luận lập theo theo phương pháp nhân- quả.

* Nội dung: tương đối hoàn chỉnh( theo chủ đề)

-Hình thức đúng đoạn văn, diễn đạt chau chuốt, không sai chính tả…

# Câu 4(5đ)

a. Về hình thức

* Kiểu bài: nghị luận chứng minh.
* Bài có bố cục 3 phần rõ ràng, đúng yêu cầu từng phần.
* Diễn đạt lưu loát, lập luận chặt chẽ, đúng yêu cầu bài lập luận chứng minh, dẫn chứng thực tế, tiêu biểu có sức thuyết phục
* Chữ viết rõ ràng, không sai chính tả. b. Về nội dung

# - Luận điểm chính: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.

Tùy từng cách xây dựng lập luận của mỗi em, song bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

* *Rừng gắn bó với đời sống con ngời.*

- Rừng như người mẹ hiền che chở cho cuộc sống con người

+ Cân bằng môi trường sinh thái

+ Ngăn lũ

+ Trong kháng chiến, rừng là căn cứ quân sự lợi hại, cùng với nhân dân đánh đuổi quân thù

- Rừng là nguồn tài nguyên dồi dào

+ Rừng cho gỗ quí

+ Rừng cung cấp dược liệu quí

+ Rừng là nơi trú ngụ của chim muông, động vật quí hiếm

* Rừng là ngời bạn hiền của con người: điểm du lịch lí tưởng
* *Rừng đang bị tàn phá nặng nề, điều đó có ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống con người*
* Cháy rừng
* Khai thác tùy tiện

-> Cảnh quan thiên nhiên xấu đi, không khí bị ô nhiễm, lũ lụt cuớp đi biết bao

sinh mạng con ngời.

* *Bảo vệ rừng là việc làm không của riêng ai,*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| GV trả bài, gọi điểm.  HS xem lại bài kiểm tra của mình, đọc lời phê của GV, tự rút kinh nghiệm.  GV nhận xét bài làm của HS.   * Lấy ví dụ bài của Hương (diễn đạt linh hoạt, sd khá nhiều kiểu câu, đặc biệt hay dùng kiểu câu nghi vấn – câu hỏi tu từ) * Bài của Phong, Ly thiếu ý : rừng đem lại lợi ích kinh tế. | | *không vì lợi ích của ai khác mà là vì chính cuộc sống của chúng ta.* Trả bài:  1. **Nhận xét:**   **\* Ưu điểm:**   * Hầu hết HS làm bài đúng kiểu loại (văn NLCM) * Bố cục rõ ràng, hợp lí * Một số bài có lối diễn đạt sắc sảo, lập luận chắc chắn, giàu sức thuyết phục (Bài của Thảo, Lan Anh (7a) .... * Nhiều bài lấy dẫn chứng phù hợp, phong phú từ trong chính cuộc sống ở địa phương nên tính thuyết phục cao (Bài của Hiền, Thúy, Lan ...   **\* Nhược điểm:**   * Nhiều bài sắp xếp các luận điểm nhỏ trong bài chưa tốt nên các ý còn lộn xộn (Bài của Ngọc, Đoàn, Phong,Tùng(7ª) của Tú, Anh, Hưng...(7b) * Có bài thiếu ý nên sức thuyết phục chưa cao: 1 số hs 7b ( Hưng, Thắng...) * Một số bài dẫn chứng nghèo nàn: do chưa chịu khó tìm tòi * Một số bài làm còn trình bày bẩn, gạch xóa. * Bài viết sơ sài: Phúc, Khanh, Yến, Anh | | |
| **3. Hoạt động vận dụng** | | | | |
| GV sd bảng phụ chữa một số lỗi điển hình | | | **IV. Chữa lỗi điển hình:**(bảng phụ) | |
| Lỗi | Ví dụ | | | Sửa |
| Chính tả | Đời xống | | | Đời sống |
| 7b: Hoàn, Đạt, Chung, | Rồi rào | | | Dồi dào |
| Che trở | | | Che chở |
| Chú ngụ | | | Trú ngụ |
| Dùng từ, diễn đạt  7a, c: Hoàn, Đạt, Ly, Phúc, Đạt, Long ... | * Rừng là nguồn nguyên liệu quý giá * Rừng là người mẹ già ôm ấp cho cả một đàn con * Rừng làm thành thu hút con người | | | …nguồn tài nguyên quý giá  Rừng giống như người mẹ hiền vĩ đại nuôi dưỡng chúng ta  Rừng trở thành điểm du lịch hấp dẫn… |
| Ngữ pháp:7b: V Anh, Kim | - Trong cuộc sống cho ta | | | Trong cuộc sống, rừng |

# n hay:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Anh , Ly, Phương Anh.... | bao lợi ích. đem lại cho ta bao nhiêu  … lợi ích. | |
| **4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng** | | |
| GV gọi HS đọc bài **V. Đọc, bình bài vă**  Lan 7c, N. Lan Anh(7a).Hậu(7b) Các bạn khác nhận xét.  GV chỉ ra những ưu điểm nổi bật trong từng bài văn của Lê Thảo, Vi Thảo, Lan,  .... | |  |

* Xem lại bài viết của mình, bài điểm thấp viết lại

\*Chuẩn bị bài mới: Trả bài kiểm tra tiếng việt, kiểm tra văn

**Tuần 28** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 105 : TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT, BÀI KIỂM TRA VĂN

1. **Mục tiêu cần đạt:**
   1. **Kiến thức:**

* HS thấy được năng lực của mình trong việc làm bài văn kiểm tra TV và KT văn
* Tự đánh giá được đúng ưu khuyết điểm của bản thân về các kiến thức TV và Văn từ tuần 20 đến tuần 25
  1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng phát hiện lỗi và sửa lỗi
  2. **Thái độ:** Có ý thức phê và tự phê, biết rút kinh nghiệm sau mỗi bài KT

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu tham khảo liên quan, bài kiểm tra đã chấm
2. Trò: Xem lại đề bài tiết kiểm tra.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: dạy học nhóm, nêu vấn đề, vấn đáp- gợi mở.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: (trong quá trình học)
* Tổ chức khởi động

Chơi trò chơi tìm từ mắc lỗi sai thường gặp.

Các nhóm cùng tham gia , nhóm nào tìm được nhiều từ nhất trong thời gian 2p Nhóm đó chiến thắng.

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV cho hs đọc lần lượt đề bài của 2 bài kiểm tra TV – văn  GV đưa đáp án và yêu cầu | I. Yêu cầu: 1. Đề bài  2. Yêu cầu – đáp án: |
| ***BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT***  II. Phần tự luận :  **Câu 1(1đ):** câu rút gọn   1. Như bị lạc, gọi đứa bé như hò đò, phía cuối tàu. 2. Lát nữa.   **Câu 2: (2đ):** Tác dụng của các câu đặc biệt:   1. Trời ơi!-> bộc lộ cảm xúc 2. Hoài ơi! Hoài ơi! -> gọi 3. Một hồi trống. -> thông báo về sự tồn tại của sự việc. d.Xã Phú Cường, TP Hưng Yên. -> Xác định nơi chốn **Câu 3 : (2đ)**   HS thêm một hoặc nhiều trạng ngữ vào phần có dấu chấm sao cho phù hợp với nội  dung của câu. Mỗi ý đúng được 0,5 điểm.  **Câu 4 : 5đ**  Trình bày được một đoạn văn. Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Có sự sáng tạo, mới mẻ  Sử dụng ít nhất 1 câu đặc biệt, một câu rút gọn và 2 câu chứa thành phần trạng ngữ. Gạch dưới câu văn chứa trạng ngữ, câu rút gọn và câu đặc biệt.Chuyển tải tương đối đầy đủ nội dung (theo chủ đề lựa chọn).  Biểu điểm :   * Điểm 5: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, nắm vững phương pháp làm bài, văn viết mạch lạc, có chiều sâu. Có thể mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt. * Điểm 4 : Bài viết đáp ứng đủ các yêu cầu trên,văn viết mạch lạc. Còn mắc lỗi diễn, đạt chính tả, ngữ pháp. * Điểm 3: Bài viết đáp ứng cơ bản những yêu cầu trên nhưng ND chưa sâu sắc. Còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt. Hoặc không đủ ít nhất 3 trạng ngữ. * Điểm 2: Chưa nắm vững phương pháp làm bài, diễn đạt rườm rà. Mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt nhiều. Hoặc chỉ có 1 trạng ngữ. * Điểm dưới 2 : nội dung quá sơ sài hoặc lạc đề. Không có trạng ngữ.   ***BÀI KIỂM TRA VĂN***  **Câu 1:**   * Nghĩa đen: Ăn quả phải ghi nhớ công lao của người đó trồng ra cây. * Nghĩa bóng: Hưởng thụ thành quả phải biết ơn người đó tạo ra thành quả đó. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 2:**  HS hiểu được đức tính giản dị của Bác thể hiện trong đời sống như:   * Bữa cơm đạm bạc, tiết kiệm * Trang phục giản dị, gọn gàng * Nơi ở, nơi làm việc đơn giản, không cầu kì * Làm việc hết mình, ít muốn phiền hà tới mọi người * Thường xuyên quan tâm đến mọi người   (Lưu ý: HS trả lời đủ các ý trên mà thiếu dẫn chứng cụ thể thì chỉ chấm một nửa số điểm)  **Câu 3:**  a/ HS chép thuộc chính xác 1 đoạn văn hoàn chỉnh trong văn bản “Tinh thần… ta” b/ Đoạn văn của HS phải đảm bảo được những yêu cầu sau:  **\* Về hình thức**: Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn (mở - thân – kết đoạn). Đoạn văn có tính liên kết, mạch lạc. Trình bày sạch sẽ.  \* **Về nội dung**: Đoạn văn cần đảm bảo các ý:  + Giới thiệu văn bản TTYNCNDT và thông điệp của bài văn: Tinh thần yêu nước có khi được cất giấu kín đáo ở trong tim mỗi người, nhưng hãy biết biến TTYN thành hành động cụ thể, có ý nghĩa.  + Biểu hiện của tinh thần yêu nước của thiếu niên ngày nay: ngoan ngoãn vâng lời thày cô, cha mẹ; chăm chỉ học tập tu dưỡng đạo đức, nhân cách để trở thành công dân có ích; tích cực tham gia giúp đỡ gia đình và xã hội phù hợp với khả năng của mình,... (*Lưu ý: HS có thể sáng tạo nhiều hành động, nhiều việc làm khác nhau thể hiện TTYN của thiếu niên. GV linh hoạt cho điểm, khuyến khích khả năng tư duy sáng tạo của HS*) | |
| GV trả bài cho HS.  GV lấy điểm vào sổ điểm cá nhân  GV nhận xét ưu nhược điểm của bài kiểm tra tiếng việt, chỉ ra các lỗi chung các em hay mắc phải. | II Trả bài:  III. Nhận xét:  1. Bài kiểm tra tiếng việt:  \* Ưu điểm:   * Nhìn chung đa số hs đều nắm được yêu cầu của đề kiểm TV và có ý thức làm bài nghiêm túc. * Đa phần các em biết vận dụng kiến thức lí thuyết về rút gọn câu, câu đặc biệt vào làm các dạng bài tập. * Một số HS vận dụng viết đoạn văn rất tốt. Đoạn văn viết có sử dụng nhiều loại từ như đã yêu cầu, bài viết có cảm xúc, có chủ đề rõ ràng. (Bài của V.Anh, Hiếu, Thúy)   + Chữ viết đẹp (Thúy, Nhung, V. Anh,...)   * Một số bài làm tốt, đạt điểm số cao: Bài của L.Anh, Hiền , Hậu, Thúy,...   \* Tồn tại:  - Còn có những bài viết cẩu thả, trình bày |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| GV nhận xét ưu nhược điểm của bài kiểm tra văn, chỉ ra các lỗi chung các em hay mắc phải trong bài, một số bạn đó có tiến bộ so với bài kiểm tra trước. | | lộn xộn, khó nhìn  - Chữ viết còn xấu, sai nhiều chính tả, còn mắc lỗi dùng từ, đặt câu  VD : Đoàn , Ngọc(7ª)…. 7b: Hưng, Văn Đạt,....  1. Bài kiểm tra văn:  \* Ưu điểm:  - Đa phần các em xác định đúng yêu cầu của đề, cố gắng hoàn thiện bài.  + Nhiều hs viết bài cảm nhận, phân tích về tp đã hiểu tương đối sâu.  + Đoạn văn NL viết khá thuyết phục, có chủ đề rõ ràng.  + Có tiến bộ trong trình bày, nhiều em chữ viết đẹp hơn: Hoàn, Anh(7b )  + Văn viết có sáng tạo, linh hoạt ( Nhung, L.Anh, Thúy,..)   * Một số bài làm khá tốt, đạt điểm số cao: Nhung, L.Anh, Thúy,...   \* Tồn tại:   * Còn có những bài viết chưa nắm rõ được yêu cầu, làm thiếu y/cầu của câu 2: Trang, Anh, nhiều hs 7b * Còn có những bài viết cẩu thả: Long, Phong, Thắng , Quân a, ... * Chữ viết còn xấu, sai nhiều chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu (Long, Phong, Thắng , Quân a, ... * Khả năng viết văn còn yếu: Hoàn, Tiến Đạt, Ngọc…cần cố gắng nhiều. | |
| **3. Hoạt động vận dụng** | | | |
| GV treo bảng phụ chữa lỗi cho Hs | | ***IV. Chữa lỗi điển hình***. | |
| Lỗi | Ví dụ | | Chữa lỗi |
| Thêm trạng ngữ không phù hợp | Trong cây, lắc lư những chùm quả chín vàng | | Trên cây |
| Không hiểu rõ về trạng ngữ nên trong bài thêm trạng ngữ lại thêm vị ngữ | Chúng tôi đến trường một buổi sáng hàng ngày.  Mẹ ngội đầu bằng bồ kết đen | | Chúng tôi đến trường vào mỗi buổi sáng.  Mẹ ngội đầu bằng bồ kết để cho tóc đen, mượt |
| Lỗi chính tả | Dữ mình trong sạch | | Giữ mình trong sạch |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tự chọng Thiếu liên | Tự trọng Thiếu niên |
| Lỗi ngữ pháp, diễn đạt | Đói cho sạch rách cho thơm lời khuyên mỗi người.  Tinh thần yêu nước là phải vâng lời thày cô giáo | Đói cho sạch rách cho thơm là lời khuyên dành cho mỗi chúng ta.  Thiếu niên thể hiện tinh thần yêu nước từ việc nhỏ như vâng lời thày cô giáo... |

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Em rút ra kinh nghiệm gì cho bản thân qua tiết trả bài này?
* Sửa lại những lỗi sai trong bài KT vào vở
* Tìm đọc thêm những đoạn văn hay để trau dồi thêm vốn vi từ, diến trong viết văn.
* Soạn: Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích (Đọc bài mẫu và trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.)

**Tuần 28** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 106 TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

* 1. **Mục tiêu:**
     1. **Kiến thức:** Nắm được mục đích, tính chất và các yếu tố của phép lập luận giải thích
     2. **Kĩ năng:** Nhận diện và phân tích một đề, một văn bản nghị luận giải thích, so sánh với các đề nghị luận chứng minh
     3. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng văn bản nghị luận chứng minh trong cuộc sống

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

**Tiết 108**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2: Phân tích**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, phân tích, dạy học nhóm, trực quan  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm , giao nhiệm vụ, thảo luận.  **GV chiếu tranh & 2 đoạn văn**  + “*Ấy …đi lại rộn ràng*”. (t75)  *+ “Ngoài kia …như thần như thánh” (t76)*  ?Trong khi dân chúng đang hộ đê vất vả ngoài trời mưa lũ thì quan cha mẹ đang ở đâu?  ? Chú ý cả 2 đoạn văn, Tìm chi tiết đặc tả khung cảnh ở trong đình ?  ? So với cái cảnh trăm họ đang vất vả, gội gió tắm mưa như đàn sâu lũ kiến ngoài kia thỡ ở đây là một nơi ntn?  ? Hãy so sánh cảnh ngoài đê với cảnh trong đình?  **Chiếu đoạn:“*Trên sập…hầu bài*” và bức tranh trong sgk**  -? Nổi bật trong khung cảnh đó là chân dung của nhân vật nào? | 1. Phân tích:    1. Nguy cơ đê vỡ và sự chống chọi của người dân.    2. Cảnh quan phủ, nha lại đi “hộ đê”:  * Địa điểm: trong đình cao, vững chãi, đê vỡ cũng không sao * Khung cảnh: (*đèn thắp sáng trưng, lính tráng đi lại rộn ràng, quan ngồi trên,*   *nha ngồi dưới, người nhà, lính lệ khoanh tay sắp hàng…)*  -> Khung cảnh nguy nga, tĩnh mịch, trang nghiêm, nhàn nhã.  -> Cảnh trong đình >< cảnh ngoài đê.  **\* Hình ảnh quan phụ mẫu:** |

? Em hiểu tnào là quan phụ mẫu? (Chú thích 12)

# Thảo luận (5p)

1,Tìm những chi tiết miêu tả dáng vẻ, cử chỉ của quan? Nxét dáng vẻ, cử chỉ ấy của quan?

1. Liệt kê những đồ dùng sinh hoạt của quan trong khi đi hộ đê? Đánh giá về những thứ đồ dùng ấy?
2. HS chú ý đoạn văn: “Thỉnh thoảng nghe … tổ tôm ở trong đình ấy”

?Trong khi dân chúng đội mưa đội gió đi hộ đê thì quan phụ mẫu ở trong đình làm gì?

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức. GV: chơi tổ tôm xưa kia vốn là một trò chơi ăn tiền khi nhàn rỗi. Nhưng trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng đê sắp vỡ, tính mạng muôn dân như ngàn cân treo sợi tóc vậy mà quan lại nhàn nhã ngồi chơi tổ tôm trong đình.

? Những dòng văn tập trung miêu tả quan phụ mẫu của PDT đã cho em cảm nhận ntn về tên quan này?

? Tìm chi tiết miêu tả cử chỉ của quan khi đánh tổ tôm? Lời nói của quan?

?Qua cử chỉ và lời nói này, em nhận ra đặc điểm gì của viên quan phụ mẫu?

GV giảng.

? Nhà văn miêu tả cảnh đánh tổ tôm của các quan ntn?

? Khi có ng báo “Dễ có khi đê vỡ” quan phản ứng ra sao?

* **Dáng vẻ, cử chỉ**: Ngồi uy nghi, chễm chện; có người hầu gãi chân, quạt, phục vụ điếu đóm; ngồi khểnh vuốt râu; xơi bát yến; rung đùi

## -> khoan thai, nhàn nhã

* **Đồ dùng**: có bát yến hấp đường phèn, khay khảm, trầu vàng, cau đậu, tráp đồi mồi, ống thuốc bạc, đồng hồ vàng, dao chuôi ngà, ống vôi chạm, ngoáy tai, ví thuốc, quản bút, tăm bông.

## -> đồ dùng đủ thứ, xa hoa, quý phái

* **Việc làm**: chơi bài tổ tôm

# Viên quan thích hưởng lạc, thích sống xa hoa.

**\* Cảnh quan đánh tổ tôm:**

* Cử chỉ : ngồi ung dung, xơi bát yến, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt mải trông đĩa nọc.
* Lời nói : Điếu mày !

-> Quan là kẻ hống hách, không mảy may lo lắng, quan tâm đến việc hộ đê

* Cảnh đánh tổ tôm :

+ Lúc mau, lúc khoan, ung dung, êm ái, khi cười, khi nói vui vẻ, dịu dàng.

+ Khi có người báo tin ngoài đê : Mặc kệ ! Điềm nhiên, lăm le đợi bốc bài.

? Khi dân phu báo tin đê vỡ, quan có thái độ gì?

?Khi miêu tả viên quan trong cảnh đánh tổ tôm, tgiả đã sd pháp NT gì?

?Nxét ngôn ngữ sd trong đoạn?

? Tác dụng của những nghệ thuật này?

? Đây là giá trị hiện thực hay GT nhân đạo của tác phẩm?

GV giảng, bình.

- Xen kẽ những lời kể, tả này, nhà văn đó đưa vào những lời bình luận của mình ntn?

HS đọc chi tiết.

Ôi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ… Than ôi !

Mặc ! Dân thời dân chẳng dân thời chớ…

?Nhận xét cách biểu cảm của nhà văn trong đoạn này?

?Từ đó, em cảm nhận được tình cảm gì của nhà văn( đối với người dân và đối với viên quan)?

? Đó là giá trị hiện thực hay giá trị nhân đạo của truyện?

GV giảng bình, liên hệ các tp hiện thực phê phán sau này: Chí phèo (Ncao), Tắt đèn (NTT)...

? Đê vỡ trong khi quan ntn?

? NT được sd? Tác dụng?

# Thảo luận cặp đôi(2p)

?Những câu văn nào miêu tả cảnh đê vỡ?

+ Khi dân phu báo tin đê vỡ :Quát: thời ông cách cổ, thời ông bỏ tù chúng mày

…Đuổi cổ nó ra…

+ Xòe bài, cười nói : ù !...Điếu mày ! NT : phép tăng cấp (mức độ ham mê bài của quan)

Tương phản : thái độ bình tĩnh của quan >< thái độ hoảng loạn của dân

Ngôn ngữ đối thoại đặc sắc

-> Làm hiện lên rõ nét chân dung quan phụ mẫu vô trách nhiệm, vô lương tâm, bàng quan trước nỗi khổ của dân chúng.

# GT hiện thực sâu sắc.

* Thái độ của nhà văn :

+ Biểu cảm trực tiếp xem lẫn bình luận bằng câu đặc biệt bộc lộ cxúc.

-> Nhà văn thương xót cho dân chúng và phẫn nộ trước viên quan lòng lang dạ

sói.

# GT nhân đạo sâu sắc.

**3. Cảnh đê vỡ :**

Đê vỡ > < Quan ù ván bài to nhất NT : tương phản đối lập

Làm nổi bật sự thảm cảnh của nd >< sung sướng của quan.

* Khắp mọi nơi nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu
* Nhà cửa trôi băng, kẻ sống… kẻ chết…

# Hoạt động luyện tập

* Gv cho hs sắm vai, diễn lại cảnh người vào bẩm quan đê vỡ GV giáo dục tình cảm cho HS

# Hoạt động vận dụng :

? Em nghĩ gì về trách nhiệm của những người lãnh đạo nói chung?

? Lãnh đạo địa phương em đã làm tròn trách nhiệm với nhân dân chưa ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng :

* Đọc lại truyện nhiều lần, tóm tắt truyện.
* Nắm vững những giá trị nội dung và nghệ thuật trong phần đầu truyện.
* Tiếp tục tìm hiểu cảnh thứ 2 trong truyện: Cảnh các quan đánh bài tổ tôm ở trong đình và cảnh đê vỡ( tìm chitiết, nghệ thuật, nhận xét, đánh giá về hình ảnh quan phụ mẫu, ..)
  + Làm phần LT sgk.
* Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về hình ảnh viên quan phụ mẫu trong truyện.
* Soạn : Cách làm bài văn nghị luận giải thích (Đọc vb, trả lời các câu hỏi sau vb)

**Tuần 29** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 109 CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN GẢI THÍCH

* 1. **Mục tiêu bài học: hs cần**
     1. **Kiến thức:** Học sinh nắm được các bước làm bài văn lập luận giải thích
     2. **Kĩ năng:** Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích . Tiếp tục rèn kỹ năng, tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, phát triển ý thành đoạn, bài văn.
     3. **Thái độ:** Nghiêm túc học tập

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: nêu vấn đề, vấn đáp,dạy học nhóm, phân tích mẫu.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra:

? Thế nào là phép lập luận giải thích ? Nêu những yêu cầu của một bài văn LLGT ?

\* Tổ chức khởi động

Giải thích lòng say mê học tập của em? Cho nhiều hs giải thích ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. Các bước làm bài văn lập luận giải thích**  +PP: Vấn đáp-gợi mở, phân tích mẫu , dạy học nhóm.  +KT: đặt câu hỏi, chia nhóm , giao nhiệm vụ, thảo luận.  G/v yêu cầu h/s đọc đề bài SGK.  ? Đề yêu cầu ta phải làm gì?  ? Vấn đề cần giải thích là gì ?  *Thảo luận theo cặp 4 phút*  **? Để tìm ý cho bài văn ta sẽ làm thế nào ?**  Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv nx, đánh giá, chốt. | **I. Các bước làm bài văn lập luận giải thích:**  **a/ Tìm hiểu ví dụ(sgk)**  **\* Đề bài:** - Giải thích câu tục ngữ: *"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*".  **1. Tìm hiểu đề, tìm ý:**   * Kiểu bài: Giải thích. * V/đ cần giải thích: Câu tục ngữ *"Đi ... khôn".*   ***- Cách giải thích:***  + Nêu khái niệm "sàng", "đàng".  + Tìm hiểu nghĩa đen của câu tục ngữ.  + Tìm hiểu nghĩa bóng của câu tục ngữ.  + Qua đó thể hịên khát vọng gỡ của người dân.  + Đi để học, để hiểu biết hơn đó là khát vọng nhưng học những gỡ, học như thế nào ? |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Phần MB cần đạt yêu cầu gì?  ***(MB mang định hướng giải thích, phải gợi được nhu cầu giải thích).***  Thảo luận cặp (3p)  ? Phần thân bài trong bài văn lập luận giải thích phải làm nhiệm vụ gì?  Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv nx, đánh giá, hoàn chỉnh định hướng cho hs.  ***(Phần TB cần giải thích được nghĩa đen, nghĩa bóng và nghĩa sâu xa của câu tục ngữ).***  ? Nêu nhiệm vụ của phần KB?  ( ***KB nêu ý nghĩa của vấn đề trong đời sống).***   * Yêu cầu hs đọc bài tham khảo mẫu trong SGK. * Nhóm 1- viết mở bài, nhóm 2- kết bài, nhóm 3- viết thân bài (Viết đoạn giải thích nghĩa đen của câu TN), nhóm 4.viết thân bài :Viết đoạn giải thích nghĩa bóng, nghĩa sâu xa của câu TN.   Các nhóm cử đại diện trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv nhận xét, đánh giá, sửa.  ? Qua tìm hiểu, em cho biết để làm bài văn giải thích cần trải qua các bước nào  ? | + Liên hệ với những câu ca dao, TN có n/d tương tự.  **2. Lập dàn ý:**  ***a, Mở bài:***   * Cần giới thiệu chung về tục ngữ * ý nghĩa của câu -> Đưa vấn đề.   ***b, Thân bài:***  - Giải thích: + *"Đi một ngày đàng"*  nghĩa là gì? "đàng" nghĩa là gì ?  + *"Đi một ngày"* là đi đâu *?*  *+ "Một sàng khôn*" nghĩa là gì ? "sàng" là đồ vật n/t/n ?  + Vì sao lại *"Đi một* ..." ?  + Cần phải đi n/t/n ?  + Cần phải học những gì ? Học như thế nào ?  Lời khuyên của câu TN là gì ?   * Thể hiện khát vọng của người dân xưa n/t/n ? * Liên hệ với những câu CD, TN khác.   ***c, Kết bài:***   * ý nghĩa của câu TN >< ngày nay.   **3. Viết bài:**  a. Viết phần MB:  - Nêu cách MB của mình.  b. Viết phần TB:   * Viết đoạn giải thích nghĩa đen của câu TN. * Viết đoạn giải thích nghĩa bóng, nghĩa sâu xa của câu TN.   c. Viết phần KB:  - Nhận xét về nhiệm vụ của phần KB.  **4. Đọc và sửa bài:**  **b/ Ghi nhớ:** (SGK) |
| **3.Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 2. Các bước làm bài văn lập luận giải thích**  +PP: thực hành –luyện tập , gợi mở -vấn đáp. | **II. luyện tập:**  **\* Đề bài:** |

# Hoạt động vận dụng:

Cho đề văn sau: Thế nào là hạnh phúc? Em hãy lập dàn ý cho đề văn ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* + Hoàn chỉnh thành bài viết.
  + Đọc thêm các tài liệu tham khảo, bài văn tham khảo
  + Chuẩn bị “Luyện tập lập luận giải thích”: Chuẩn bị trước dàn ý cho đề văn: Một nhà văn có nói: “Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuêl con người”. Hãy giải thích câu nói đó.

**Tuần 29** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 110: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

VIẾT BÀI TLV SỐ 6 (LÀM Ở NHÀ)

# Mục tiêu cần đạt: hs cần:

* 1. **Kiến thức:**
  + Củng cố kiến thức đã học về cách làm bài văn lập luận giải thích về một vấn đề

# Kĩ năng:

* + Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn giải thích
  1. **Thái độ:** Tích cực làm bài TLV trên cơ sở 4 bước được học

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: nêu vấn đề, vấn đáp,dạy học nhóm, phân tích mẫu.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ? Nêu các bước làm bài văn LLGT?

Kiểm tra vở soạn của hs

\* Tổ chức khởi động

Thảo luận cặp đôi 2p- bạn giải thích vì sao bạn học giỏi ?

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1. Lí thuyết**  +PP: gợi mở -vấn đáp.  +KT: đặt câu hỏi.  ? Nêu các bước làm văn lập luận giải thích  **HĐ 2. Thực hành trên lớp**  +PP: thực hành –luyện tập , gợi mở -vấn đáp, dạy học nhóm  +KT: Chia nhóm, thảo luận, đặt câu hỏi.   * Hs đọc đề   Thảo luận theo cặp(3p) để tìm hiểu đề và tìm ý   * 1. Đề y/c làm gì? Hãy xác định v/đề cần giải thích ?   ( Căn cứ vào lệnh đề, từ ngữ trong đề)   * 1. Điều cần giải thích là gì ?Những từ ngữ, ý nào cần được giải thích ?   2. Câu nói ấy nhằm ca ngợi gì?   3. Ta cần có thái độ tình cảm gì khi viết câu nói ấy ?   Đại diện trình bày, nhóm khác bổ sung, nx, gv nx, định hướng.  Thảo luận (4p)  1. MB cần làm gì? | Lí thuyết -Các bước làm bài văn lập luận giải thích   * 1. *Tìm hiểu đề, tìm ý*   2. *Dàn bài*   3. *Viết bài văn*   4. *Sửa lỗi*  Thực hành trên lớp  * 1. Kiểm tra phần chuẩn bị của học sinh Đề văn: Một nhà văn có nói: “Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”. Hãy giải thích câu nói đó  Tìm hiểu đề, tìm ýTìm hiểu đề: - Kiểu bài giải thích  -vấn đề cần giải thích:“ Sách …người”  -> vai trò của sách đối với trí tuệ con người  ***b. Tìm ý:***   * Giải thích vì sao gọi “Sách là ngọn đèn sáng bất diệt”   + Sách là gì?  + Thế nào là ngọn đèn sáng bất diệt ?   * Vì sao núi “Sách là …người” ? “Trí tuệ” là gì? * Ca ngợi sách * Thái độ, tình cảm : Yêu quý, trân trọng , nâng niu   **2. Dàn bài**: |

- MB: + Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần giải thích: vai trò của sách

+ Trích câu nói

* 1. TB sẽ lần lượt thực hiện những việc gì?

?Tìm thêm những câu nói ca ngợi sách?

* 1. Em cần có thái độ tình cảm ntn đối với sách trong phần kết bài?

Hs các nhóm báo cáo và nx, gv bổ sung, định hướng, cho điểm nhứng bài viết tốt .

? Khâu cuối cùng chúng ta cần làm gì?

? Theo em trong các bước làm bài văn giải thích, bước nào là quan trọng nhất?

# Hoạt động vận dụng:

* + TB:

## a. Giải nghĩa câu nói:

+ Sách là sản phẩm của trí tuệ, chứa đựng tinh thần con người

+ Sách là ngọn đèn sáng, ngọn đèn soi rọi đường, lối thoát cho con người khỏi chốn tối tăm

+ “ Sách …diệt” ngọn đèn không bao giờ tắt nguồn trí tuệ con người

b. Giải thích cơ sở của câu nói

+ Giá trị của sách : Ghi lại những hiểu biết quý giá của con người trong mọi lĩnh vực, vẫn còn mới

+ Liên hệ: 1quyển sách tốt là 1 người bạn tốt, sách mở ra những chân trời mới cho con người …

## c. Kết bài :

+ Chăm đọc sách -> hiểu biết nhiều hơn, sống tốt hơn

+ Chọn sách tốt, hay để đọc, không đọc sách xấu

# Viết đoạn văn

Tổ 1: Viết phần mở bài

Tổ 2: Viết luận điểm 1: Giải thích câu nói

Tổ 3: Viết luận điểm 2: Giải thích cơ sở của câu nói

Tổ 4: Viết phần kết bài

# Sửa lỗi

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

**VĂN LẬP LUẬN GIẢI THÍCH *( làm ở nhà)***

# Mục tiêu đề kiểm tra:

* + 1. **Kiến thức:** Đánh giá kiến thức cơ bản của HS về cách làm bài văn lập luận CM, cũng như về các kiến thức Văn và Tiếng Việt có liên quan đến bài làm, để có thể vận dụng kiến thức đó vào việc tập làm 1 bài văn lập luận chứng minh cụ thể

Thông qua KT, HS tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân để có phương hướng phấn đấu phát huy ưu điểm và sửa chữa khuyết điểm.

* + 1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý và viết bài
    2. **Thái độ:** Có ý thức tự giác, trung thực, cẩn thận khi làm bài.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ **.**

* 1. **Hình thức đề kiểm tra:** tự luận

# Ma trận:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức  độ  Chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | |
| Bậc thấp | Bậc cao |
| Nghị luận giải thích | Nắm được k/n văn nghị luận giải thích |  | Viết đoạn văn nghị luận giải thích một vấn đề | Giải thích câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” |
| *T/số câu* | 1 |  | 1 | 1 |
| *Số điểm* | 2 | 3 | 5 |
| *Tỉ lệ %* | 10% | 30% | 50% |

* 1. **Đề bài**

Câu 1: Thế nào là văn nghị luận giải thích?

Câu 2:Viết một đoạn văn giải thích vì sao chúng ta phải học tiếng Anh? Câu 3:Giải thích câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.

# Yêu cầu:

**Câu 1:** Nghị luận giải thích llàm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng đạo lí, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích để nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người.

# Câu 2:Đoạn văn cần đạt được y/c

1. **Về hình thức**:

* Viết đúng hình thức đoạn văn
* Có sự liên kết để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh
* Trình bày khoa học, sạch đẹp, rõ ràng

-Diễn đạt trong sáng dễ hiểu, sử dụng linh hoạt các kiểu câu, thành phần câu, dấu câu

* Viết đúng chính tả.

# Về nội dung

* Làm đúng kiểu văn nghị luận giải thích.
* Giải thích được sự cần thiết phải học TA ( theo sự cảm nhận của bản thân)
* Đưa lí lẽ, dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề học TA....

# Câu 3 (5đ)

1. **Về hình thức**:

* Làm bài có bố cục rõ ràng mạch lạc; các đoạn, phần trong vb phải có sự liên kết để tạo thành bài văn hoàn chỉnh
* Trình bày khoa học, sạch đẹp, rõ ràng

-Diễn đạt trong sáng dễ hiểu, sử dụng linh hoạt các kiểu câu, thành phần câu, dấu câu

* Viết đúng chính tả.

# Về nội dung

* Làm đúng kiểu văn nghị luận giải thích.
* Có LĐ, LC (LL + DC) phù hợp với từng luận điểm trình bày.
* Các luận cứ trình bày cần phù hợp (dẫn chứng lí lẽ xác thực, thuyết phục)
* Có sự liên hệ, mở rộng. Đặc biệt bản thân đã làm gì để tỏ lòng biết ơn( những việc làm thực tế)
* Bài làm cần đảm bảo các ý sau:

**LĐ1**: Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ.

* Nghĩa đen: Muốn có nước uống thì phải có nguồn tạo ra nước đó-> Khi uống nước phải nhớ tới nguồn
* Nghĩa bóng: + Nước uống được làm ra là cả 1 quá trình lao động, học tập.

Khi được hưởng những thành quả phải biết ơn những người làm ra thành quả đó, thế hệ sau phải biết ơn thế hệ đi trước. Vì vậy, mỗi chúng ta cần có lòng biết ơn.

**LĐ2**: Biểu hiện của lòng biết ơn trong cuộc sống.

+Trong những hành động giản đơn: không ngắt một chiếc lá, không chặt một cái cây ; cảm ơn mẹ đã mang nặng đẻ đau sinh thành ra ta,...

+ Lòng biết ơn hiển hiện cả trong những điều lớn lao: Sẵn sàng ra trận, sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc...

**LĐ3**: Lòng biết ơn đem đến những điều tốt đẹp cho cuộc sống: biết sống thủy chung, ân nghĩa (DC); kết nối với nhau bởi tình người; tạo ra thêm nhiều giá trị cho cuộc sống

# - Biểu điểm:

+ Điểm giỏi (4-5) : Những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về kĩ năng, kiến thức như đã đưa ra ở trên(phần II)

+ Điểm khá: 3: Bài viết đạt được những yêu cầu trên khá nhưng còn mắc 1 vài lỗi chính tả, dùng từ.

+ Điểm TB( 2,5): Những bài viết có bố cục rõ ràng, làm đúng kiểu văn, làm bật được những yêu cầu khái quát của đề, trình bày tương đối mạch lạc nhưng còn thiếu dẫn chứng sinh động và cách viết chưa được chặt chẽ lắm, sai 1 số lỗi chính tả, diễn dạt 1 số ý chưa mạch lạc.

+ Điểm yếu kém ( dưới 2,5): Những bài viết chưa có bố cục rõ ràng, chưa giải thích được vấn đề, không có dẫn chứng và chưa biết cách lập luận. không đạt yêu cầu

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Làm bài văn số 6
* Soạn: Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Đọc truyện, phân tích 2 nhân vật: Va-ren và Phan Bội Châu, trả lời các câu hỏi đọc – hiểu văn bản

GV kí hợp đồng với hs phần tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm)

**Tuần 29** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 111:HDĐT: NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

- Nguyễn Ái Quốc -

## Mục tiêu cần đạt: hs cần

* + 1. **Kiến thức:** Thấy được bản chất dối trá của Va-ren qua lời hứa của hắn khi sắp nhận chức
  + Bản chất xấu xa, đê hèn của Va-ren
  + Phẩm chất, khí phách của người chiến sĩ cách mạng Phan Bội Châu
  + Nghệ thuật tưởng tượng, sáng tạo tình huống truyện độc đáo, cách xây dựng hình tượng nhân vật đối lạp, cách kể, giọng kể hóm hỉnh, châm biếm.

# Kĩ năng:

* + Đọc, kể diễn cảm văn xuôi tự sự (truyện ngắn châm biếm) bằng giọng điệu phù hợp
  + Phân tích tính cách nhân vật qua lời nói cử chỉ và hành động

# Thái độ:

Nhìn nhận, đánh giá đúng đắn những nhân vật lịch sử. Khâm phục cụ Phan Bội Châu

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: nêu vấn đề, vấn đáp, dạy học nhóm, phân tích , dạy học hợp đồng, dùng lời nghệ thuật, giảng bình.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: 15 phút

# Đề bài

Câu 1 (4 điểm):

* 1. Truyện ngắn nào của nhà văn Phạm Duy Tốn được coi là ”bông hoa đầu mùa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam”?
  2. Nêu tên hai phép nghệ thuật nổi bật đã được nhà văn sử dụng rất thành công trong tác phẩm trên?

Câu 2(6 điểm): Viết đoạn văn trình bày giá trị hiện thực (hoặc giá trị nhân đạo) của truyện ngắn nêu trên?

* Đáp án, biểu điểm: Câu 1:

1. Truyện ngắn của nhà văn Phạm Duy Tốn được coi là “bông hoa đầu mùa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam” là ”Sống chết mặc bay” – 2đ
2. Hai phép nghệ thuật nổi bật đó được nhà văn sử dụng rất thành công trong tác phẩm trên là : tăng cấp và tưong phản– 2đ

Câu 2: 6đ

* Y/cầu về nội dung: HS có thể có cách diễn đạt khác nhau song cần nêu trình bày được:

-Hiện thực: Bức tranh hiện thực với hai mảng màu tương phản, đối lập hoàn toàn giữa cuộc sống lầm than cơ cực và sinh mệnh mỏng manh của nhân dân với cuộc sống của bọn quan lại mà kẻ đứng đầu là tên quan phụ mẫu “lũng lang dạ thú”

-Nhân đạo:

+ Cảm thương cho cuộc sống khốn cùng của dân dân do thiên tai và do sự bất nhân, độc ác vô trách nhiệm của quan lại cầm quyền mang đến.

+ Lên án : sự bất nhân, độc ác vô trách nhiệm của quan lại cầm quyền.

* Yêu cầu về hình thức: Biết trình bày những nội dung đề yêu cầu thành một đoạn. Văn viết mạch lạc, dùng từ chính xác. Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
* GV giới thiệu bài: Phan Bội Châu - nhà chí sĩ cách mạng, có lòng yêu nước nồng nàn; căm thù quân xâm lược. Đứng trước kẻ thù cụ luôn thể hiện được thái độ cứng cỏi của mình , khiến cho kẻ thù phải nể, phải khiếp sợ. Cụ thể ntn?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| .  **HĐ 1: I- Đọc và tìm hiểu chung:**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, dạy học hợp đồng,. * KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.   ?Em sẽ đọc vb với giọng đọc ntn?  Đọc với giọng kể chuyện vừa bình thản, vừa dí dỏm hài hước.  HS đọc-> GV đọc mẫu nếu cần  + HS tóm tắt, nx,GV nxét, tóm tắt.  +Y/cầu hs chú ý các chú thích khi tìm hiểu bài  GV yêu cầu hs thanh lí hợp đồng đã kí về tác giả và xuất xứ của tác phẩm ?   * GV: Trong thời gian ở Pháp(1922- 1925) bút danh này gắn với tờ báo “Người cùng khổ”. Đây là tờ báo được sang lập trên đất Pháp do Người làm chủ biên kiêm chủ bút nhằm tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phong kiến tay sai.   ? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm?   * GV: Tác phẩm ra đời nhằm cổ động phong trào đũi thả PBC của nhân dân trong nước, phơi bày bản chất dối trá, lố bịch của Va- ren, ngợi ca nhà yêu nước Phan Bội Châu.   GV sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời cho hs tìm | **I. Đọc và tìm hiểu chung:**  ***1. Đọc – tóm tắt, tìm hiểu chú thích:***  \* Đọc   * Tóm tắt * Chú thích (sgk)   ***2. Tác giả***  - Nguyễn Ái Quốc là bút danh của Chủ tịch HCM từ 1919- 1945.  **3. Tác phẩm:**  \*Xuất xứ: Ra đời 1925, khi PBC bị Pháp bắt cóc ở Trung Quốc đưa về giam ở HN và sắp kết án tử hình. Va- ren chuẩn bị sang nhận chức toàn quyền ở Đông Dương.  ***\****Thể loại: Truyện ngắn |

hiểu

? VB đc viết theo thể loại vh gì?

? Theo em, đây là tác phẩm ghi chép lại sự việc hay tưởng tượng hư cấu? Vì sao?

GV: Đây là truyện ngắn được sáng tạo bằng hư cấu nghĩa là tưởng tượng từ cái có thật.

?Chuyện gì có thật?Chuyện gì là tưởng tượng?

* *Chuyện có thật: nvật Va- ren toàn quyền Pháp tại Đông Dương, Phan Bội Châu - nhà yêu nước đang bị bắt giam tại HN, phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.*
* *Chuyện tưởng tượng: Cuộc tiếp kiến của Va- ren và Phan Bội Châu*

? Chỉ ra phương thức biểu đạt của vb?

? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?

# HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, giảng bình.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ,...

HS chú phần đầu văn bản.

? Nhân vật Va- ren được giới thiệu bằng một lời hứa, đó là lời hứa gì?

? Em có nhận xét gì về lời hứa của Va- ren ?

? Hắn hứa như vậy để nhằm mục đích gì?

? Vì sao hắn phải hứa như vậy?

(Là do sức ép của công luận ở Pháp và ĐD.)

? Va- ren hứa sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu đến khi nào?

?Yên vị nghĩa là gì? (ngồi yên vào chỗ).

? Qua việc hứa này ta hiểu gì về Va- ren?

GV: Qua đoạn mở đầu, Va ren hiện lên như 1 nhân vật trào phúng. Khi người kể chuyện tự đặt câu hỏi: Giả thử cứ cho rằng 1 vị toàn quyền ĐD mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi:Liệu quan toàn quyền Va ren sẽ chăm sóc vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao?

?Cách dùng từ của tác giả ở lời bình này có gì

- Là loại truyện hư cấu.

**\***PTBĐ: Tự sự

* Bố cục: 3 phần:

+ Từ đầu -> bị giam trong tù. Lời hứa của Va- ren

+Tiếp -> không hiểu Phan Bội Châu: Cuộc trò chuyện giữa Va- ren và Phan Bội Châu.

+ Còn lại : Thái độ của tg

# Tìm hiểu chi tiết văn bản :

## 1- Lời hứa của Va- ren:

* + Ông Va ren đó nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu.

=> Lời hứa mập mờ, chứa đựng sự hài hước, lố bịch.

*-> Gây uy tín.*

* + Ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đó.

=> Coi lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công việc của mình.

* + Sử dụng 1 loạt từ nghi vấn

đáng chú ý?

? Qua đó, ta thấy được thái độ và tình cảm gì của tác giả đối với Va- ren?

GV: Trong đoạn này, Va- ren đã tự mình tạo ra trò lố đầu tiên trước dư luận rộng rãi ở Pháp để kiếm thêm chút uy tín của mình trước khi sang ĐD nhận chức-> Bước đầu bộc lộ bản chất của y.

Thảo luận theo cặp đôi 2p

# ? Em hãy chỉ ra sự tương phản trong đoạn giới thiệu về 2 nhân vật?

Gv cho một số nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv chốt trên bảng phụ

# Hoạt động nhóm 5p

* + 1. Trong cuộc gặp gỡ với PBC, Va- ren đó làm những gì?Bằng chính lời lẽ của mình, Va ren đã bộc lộ bản chất nào của y?
    2. Em nx thế nào về hành động của Va ren qua vụ chăm sóc Phan Bội Châu ?Phan Bội Châu phản ứng ntn trước những lời lẽ của Va- ren ?
    3. Qua đó, bộc lộ thái độ gì của PBC?

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung

=>Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm, giễu cợt và khinh bỉ.

## 2.Cuộc trò chuyện giữa Va- ren và Phan Bội Châu :

* Sự tương phản đối lập qua 2 nhân vật.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Va- ren. | Phan Bội Châu. |  |
|  | *-Tên toàn quyền.*  *-Kẻ bất lương, phản bội.*  *- Kẻ thống trị.* | * *Người tù* * *Nhà CM vĩ đại.*   *-Người bị áp bức.* |  |

* Sự tương phản đối lập qua cuộc trò chuyện giữa Va- ren và PBC.

# Nhân vật Va- ren.

* Đối thoại đơn phương, gần như độc thoại- tự nói một mình.

+ Tuyên bố đem tự do cho Phan Bội Châu.

+ Đưa ra điều kiện phải trung thành với nước Pháp.

+ Khuyên nhủ Phan Bội Châu bằng cách đưa ra những tấm gương của những kẻ phản bội lí tưởng.

+ Đưa ra tấm gương phản bội của chính mình.

=> Là kẻ đê tiện, hèn hạ với hành động lố bịch, hài hước, dụ dỗ bịt bợm một cách trắng trợn.

-> Trò lố thứ 2.

# Phan Bội Châu:

* *Im lặng dửng dưng, phớt lờ coi như ko có Va- ren trước mặt.*
  + *... nước đổ là khoai...*
  + *mỉm cười một cách kín đáo...*

=> Bộc lộ thái độ coi thường, khinh bỉ và bản lĩnh kiên cường, kiêu hãnh trước kẻ thù.

* 1. Xd lên h/a 2 nvật, tgiả đó sd rất thành công thủ pháp NT gì?Nhờ sự tương phản ấy, chân dung PBC hiện là con người ntn?
  2. Va- ren và Phan Bội Châu là đại diện cho 2 lực lượng đối lập trên đất nước ta thời Pháp thuộc. Vậy qua truyện này, em hiểu gì về Thực dân Pháp và nhân dân ta thời bấy giờ?

Hs đọc phần 3.

? Ở đoạn cuối này có sự xuất hiện của nhân vật nào? Người ấy khẳng định điều gì?

(Nvật giấu tên, chứng kiến cảnh tượng VR và PBC)

? Những hành động đó có ý nghĩa gì?

? Nhận xét về cách kết thúc truyện của tác giả? GV*: Với kẻ thù ngòi bút Nguyễn Ái Quốc mang tính chiến đấu mạnh mẽ. Còn với người anh hùng dân tộc ngòi bút ấy mềm mại, nâng niu, trân trọng. Tuy không miêu tả chi tiết, song hình tượng Phan Bội Châu vẫn rõ nét, luôn song hành với nhân vật Va- ren như 1 đối xứng của 2 màu sắc đối chọi nhau trong một họa phẩm.*

# HĐ : Tổng kết.

- PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm.

- KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời

? Hãy nêu những nét đặc sắc về ND, NT của VB ?

+ NT tương phản đối lập.

=> Phan Bội Châu là người yêu nước vĩ đại, hiên ngang, bất khuất.

\*Td Pháp: bịp bợm, thủ đoạn, trắng trợn.

\*Nhân dân VN: yêu nước, nhận rõ sự xảo trá, bịp bợm của Pháp; kiên cường trước mọi âm mưu của chúng.

# 3. Ý nghĩa đoạn kết.

* *Đôi ngọn râu mép của người tù nhếch lên 1 chút rồi lại hạ xuống ngay và cái đó chỉ diễn ra 1 lần thôi.*
* *Mỉm cười 1 cách kín đáo và vô hỡnh.*
* *Phan Bội Châu nhổ vào mặt Va- ren.*

-> Nâng cấp thái độ khinh bỉ của PBC trước kẻ thù.

- Kết thúc bằng lời tái bút

-> Tăng thêm sự hóm hỉnh, thú vị và ý nghĩa của vấn đề.

# Tổng kết:

## 1. Nghệ thuật:

* Cách viết truyện hư cấu, tưởng tượng sáng tạo.
* NT đối lập, tương phản.

|  |  |
| --- | --- |
| -Hs đọc ghi nhớ  . | - Ngôn ngữ: sắc sảo, hóm hỉnh.  ***2. Nội dung:***   * Đả kích viên toàn quyền với thái độ lố bịch. * Ca ngợi nhân cách cao quý của PBC.   \*Ghi nhớ: (sgk).  lăng, bản chất xấu xa của Va- ren |
| **3. Hoạt động luyện tập.** | |
| GV hướng dẫn hs làm B2 phần LT | **IV.Luyện tập**:  *Bài tập2/sgk*  Dùng cụm từ “Những trò lố” trong nhan đề trực tiếp vạch trần hành động lố |

# Hoạt động vận dụng:

? Giải thích cụm từ "Những trò lố" trong nhan đề tác phẩm? GV liên hệ và giáo dục tư tưởng cho hs.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm hiểu thêm những tư liệu liên quan đến vb
* Chuẩn bị bài: Dùng cụm C- V để mở rộng câu (Đọc các mẫu câu, phân tích câu và trả lời câu hỏi tìm hiểu bài, làm 1 số bài tập phần LT)

**Tuần 29 :** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 112: DÙNG CỤM CHỦ VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU: LUYỆN TẬP (TT)

* 1. **Mục tiêu:**
     1. **Kiến thức:**
* Biết cách dùng cụm chủ vị để mở rộng câu
* Biêt tác dụng của việc dụng cụm chủ vị để mở rộng câu

# Kĩ năng:

* Mở rộng câu bằng cụm chủ vị
* Phân tích tác dụng của việc dùng cụm chủ vị để mở rộng câu
  + 1. **Thái độ:** Cảm nhận và them yêu sự giàu đẹp của TV

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

+ Phẩm chất: sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

* + 1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
    2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Phân tích, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu.
* KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ?Thế nào là dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu? ví dụ ?
* Tổ chức khởi động

Chơi trò chơi tìm cụm chủ vị để ghép vào câu . 2 đội chơi thời gian 2p Đội nào đúng, nhanh sẽ là đội chiến thắng.

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cấn đạt** |
| **HĐ 1: Luyện tập**   * PPDH: thực hành- luyện tập, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu. * KTDH: Thảo luận, động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.   HS xác định y.cầu bài tập, lên bảng làm. GV chữa bài, chấm điểm  Học sinh đọc , xác định yêu cầu  GV tổ chức cho hs thảo luận theo bàn  3 bàn 1 câu (gợi ý cho HS kẻ sơ đồ) để tìm câu trả lời (5 phút.)  Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung  GV dùng bảng phụ chốt kiến thức  HS đọc và xác định yêu cầu BT3 – làm trên bảng | **\*Luyện tập**  **Bài 1**: bảng phụ 1  **Bài 2**: bảng phụ 1  **Bài 3**: Gộp câu, vế câu in đậm thành câu có cụm C-V làm thành phần…   1. Anh em hoà thuận hai thân vui vầy 2. Đây là cảnh một rừng thông ngày ngày biết bao nhiêu người qua lại 3. Hàng loạt vở kịch như “ Tay người đàn bà”, “ Giác ngộ”, “ Bên kia sông Đuống” ra đời đó sưởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nước |

# Bảng phụ BT 1

* 1. - Khí hậu nước ta ấm áp (cụm C - V làm CN)
     + ta quanh năm trồng trọt... (cụm C - V làm phụ ngữ cho cụm ĐT "cho phép")
  2. - Các thi sĩ ca tụng... (cụm C - V làm định ngữ cho DT "khi")
     + tiếng chim kêu, tiếng suối chảy... (cụm C - V làm ĐN cho DT "khi")
     + tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay ( cụm C - V làm BN cho ĐT "nói")
  3. - những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần dần (cụm C - Vlàm BN cho ĐT "thấy")
     + những nhận thức bóng bẩy... ( Cụm C - V làm BN cho ĐT "thấy")

# Bảng phụ BT 2

a.

(nòng cốt câu)

1. Nhà văn Hoài Thanh //khẳng định rằng cái đẹp /là cái có ích

C V

V BN

(nòng cốt câu)

1. TV giàu thanh điệu khiến cho lời nói của người VN...
2. CM T8 thành công đó khiến cho TV có 1 bc phát triển mới...
3. **Hoạt động vận dụng**: viết một đoạn văn ngắn dùng cụm C-V để mở rộng câu?

# Hoạt động tìm tòi mở rộng

* + Học bài, làm bài tập trong sbt. Chuẩn bị: “ *Luyện nói văn giải thích” GV cho các tổ kí hợp động : lập dàn bài chi tiết -> viết thành bài văn theo đề 1, 2 / sgk. Tập luyện nói ở nhà cho lưu loát. (tổ 1,2 đề 1 -> tổ3, 4 đề 2)*
* luyện nói nhiều lần bài bài văn để tự tin trôi chảy
* Tìm đọc các bài văn mẫu hay thuộc dạng NLGT.
* Soạn: Quan Âm Thị Kính (Đọc vb, chú thích, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài GV cho học sinh kí bản hợp đồng với các câu hỏi sau:

1. VB viết theo thể loại nào?
2. Em hiểu gì về NT chèo?- Chèo có nguồn gốc từ đâu?
3. Sân khấu chèo thường kể lại chuyện gì?- Mục đích?
4. Nhân vật trong chèo cổ có những đặc điểm gì?
5. Đặc điểm của sân khấu chèo?
6. Vở chèo thường kết thúc ra sao?

**Tuần 30** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 113 Đọc thêm : QUAN ÂM THỊ KÍNH

**I/ Mục tiêu cầnđạt:** hs cần

# Kiến thức:

-Hiểu được sơ giản về chèo cổ

* Giá trị nội dumg và những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của vở chèo *Quan Âm Thị Kính.*
* Nội dung, ý nghĩa và một vài đặc điểm nghệ thuật của đoạn trích *Nỗi oan hại chồng*

# Kỹ năng:

* Đọc kịch văn bản chèo theo kiểu phân vai
* Tìm hiểu mâu thuẫn kịch bản chèo ,nhân vật chèo( Nữ chính, mụ ác)

# Thái độ:

* Có thái độ khác nhau với hai kiểu nhân vật này

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, bài kiểm tra đã chấm, phân loại.
2. ***Học sinh:*** Xem lại lí thuyết văn NL và đề bài tiết kiểm tra

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, giảng bình, đọc phân vai
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: việc chuẩn bị bản hợp đồng của hs
* Gv cho xem trích đoạn chèo Quan Âm Thị Kính-> giới thiệu bài học

Chèo là 1 loại hình nt dg được trình chiếu trên sân khấu . Chắc hẳn có những vở chèo đã để lại những ấn tượng sâu sắc với độc giả. Vậy “chèo “ là gì? -> tìm hiểu trích đoạn vở chèo “Nỗi oan hại chồng”...

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, đọc phân vai. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học . hợp tác ....   Y/c hs đọc phân vai theo ngữ điệu từng n/v  Gv đọc mẫu. hướng dẫn  5 hs đọc phân vai theo 5 n/v  - Hãy tóm tắt đoạn trích?  **Kĩ thuật hỏi và trả lời phần tác phẩm** | Đọc và tìm hiểu chung  * 1. **Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích:** * Đọc : * Tóm tắt : (sgk) * Chú thích : sgk   **2. Tác phẩm**   * Thể loại: chèo ( sgk) * Vở chèo chia làm 3 phần:   *+ án giết chồng*  *+ án hoang thai*  *+ oan được giải – Thị Kính lên toà sen.*  \* Đoạn trích “Nỗi oan hại chồng” nằm ở |

|  |  |
| --- | --- |
|  | nửa sau phần 1 vở chèo.   * 5 nhân vật: Thiện Sĩ, Thị Kính, Sùng Ông, Sùng Bà, Mãng Ông * Cả 5 n/v đều tham gia và quá trình mâu thuẫn xung đột (2 n/v chủ đạo: Thị Kính, Sùng Bà) * Vai: Nữ chính: Thị Kính   + Mụ ác: Sùng Bà  + Lão: Mãng Ông, Sùng Ông(t/c khác nhau)  + Thư sinh: Thiện Sĩ( nhu nhược)  \* Phân đoạn:3 đoạn  + Đ1: Cảnh Thị Kính xén râu mọc ngược cằm chồng  -> Thiện Sĩ bất ngờ hốt hoảng kêu cứu.  + Đ2: Cảnh Sùng Ông, Sùng Bà dồn dập vu oan cho con dâu và đuổi TK về nhà cha mẹ đẻ  +Đ3: TK đi tu. |
| **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích, dạy học nhóm, giảng bình. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học . hợp tác ....   ?Tìm chi tiết cho thấy khung cảnh gia đình Thị Kính?  ? Khung cảnh ấy gợi lên không khí gia đình TK ntn?  ? Trong khung cảnh ấy TK đã làm gì?  ? Thông qua những cử chỉ, lời nói trên của TK đối với Thiện Sĩ em có nx gì về nàng?  ? Thiện Sĩ đã có phản ứng ntn trước hành động ấy của vợ?  ? Từ đó em có nx gì về n/v này?  ?Chi tiết TK xén râu chồng có vai trò ntn đối với đoạn trích?  Gv giảng bình  Gv dẫn, chuyển ý | **II- Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1) Cảnh Thị Kính xén râu mọc ngược cằm chồng**   * Chàng đọc sách * Nàng ngồi khâu, dọn dẹp, quạt cho chồng   -> Khung cảnh gia đình đầm ấm   * Thấy râu mọc ngược băn khoan, lo lắng rồi cắt đi   **=> TK người vợ yêu chồng hết mực, chân thành, mộc mạc, dịu hiền**   * Thiện Sĩ bất ngờ hoảng sợ, kêu cứu.   **=> Thư sinh hèn nhát**  => Mở đầu cho mâu thuẫn xung đột đầu tiên của vở chèo  **2) Cảnh Sùng Ông, Sùng Bà vu oan và đuổi TK về nhà cha mẹ đẻ.** |

# Thảo luận cặp (2p)

* 1. Hành động xén râu mọc ngược của chồng của TK khiến Sùng Bà khép vào nàng vào tội gì?
  2. Phản ứng Sùng Ông và Sùng Bà thế nào trước hành động đó?
  3. Em có nx gì về hành động đó của mỗi người?

Đại diện trình bày, hs khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.

# Thảo luận nhóm(4p)

1. Tìm những lời nói của Sùng Bà về gia đình nhà mình và gia đình Thị Kính?
2. Nhận xét gì về thái độ của mụ qua lời nói đó?
3. NT nào được sử dụng ở đây?Tác dụng của NT đó?
4. Tìm những ngôn từ Sùng Bà dùng để nói về TK? Từ đó cho chúng ta thấy đây là bà mẹ chồng ntn?

( Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức)

? Theo em, hành động xén râu của TK có phải là lí do chính mà SB đuổi TK ra khỏi nhà không?

? Em có nx gì về mối quan hệ giữa gia đình Sùng Bà với TK?

? Hãy chỉ ra phản ứng của TK trước ~ lời chưỉ mắng và hđộng thô bạo của Sùng Bà?

? Trong đoạn trích TK kêu oan mấy lần? Kêu với ai?Kết quả của những lời kêu đó?

- Sùng ông, Sùng bà khép TK vào tội giết chồng

-Sùng Ông: “*Bất thường… như thế*

*Hú via… con”*

-> hèn yếu, nhu nhược

- Sùng Bà: *dúi đầu, bắt ngửa mặt lên, đẩy ngã*-> Tàn nhẫn, thô bạo

* Sùng Bà nói về gia đình nhà mình:
* *Giống phượng giống công*
* *Cao môn lệnh tộc*

-> Khoe khoang, hãnh diện về địa vị của mình

* Sùng Bà nói về gia đình nhà TK:
* *Mèo mả gà đồng*
* *Con nhà cua ốc*

-> Coi thường, khinh bỉ về xuất thân của TK

- NT : Liệt kê, đối lập

-> Làm nổi bật 2 hoàn cảnh khác nhau của nhà.

* Ngôn ngữ đay nghiến, sỉ vả mà Sùng Bà nói về TK:

+ Con: Mặt sứa gan lim

+ Trơ như mặt thớt

+ Sát chồng

# -> bà mẹ chồng độc ác, cay nghiệt, tàn nhẫn

* Đuổi nàng vì nàng có xuất thân thấp hèn, không môn đăng hộ đối.

# => Mối quan hệ giai cấp.

* Tiếng kêu của TK:
* Kêu oan 5 lần:

+ Lần 1, 2, 3: Kêu oan với mẹ chồng -> Càng tăng thêm ~ lời đay nghiến của bà

+ Lần4: Với Thiện Sĩ(chồng)-> TSĩ bỏ

? Mỗi lần kêu oan thì nỗi oan của Tk ntn?

? Nhận xét gì về cảnh ngộ của TK?

? Em cảm nhận được thêm đức tính nào ở Thị Kính?

?Kết cục của nỗi oan?

? Khi cha của Tk bị Mãng Ông dúi ngã, nàng có tâm trạng ntn?

GV: Không môn đăng hộ đối và vốn bị coi thường từ lâu nay vin cớ đó để sỉ vả, đổ tội. Sự phân biệt g/c đã bám rẽ sâu vào cả g/đ đó một cách sâu sắc->gv lên hệ h/aVũ Nương- người con gái Nam Xương, đến n/v Nghị Quế trong tắt đèn…

? Nhận xét về xung đột kịch?

? Sau khi bị oan, TK có hành động gì?

? Nỗi đau nào của TK được phản ánh? GV: Chiếc kỉ, thúng khâu, chiếc áo đang khâu… minh chứng thuỷ chung của tình vợ chồng coi là sự thoát tiết-> sự đảo lộn không ngờ. Mọt bên là khoảnh khắc chớp nhoáng của sự đổ vỡ một bên là tình vợ chồng một bên là hoà hợp, một bên là sự chia lìa bơ vơ giữa quá khứ cay đắng và tương lai mù mịt, không biết đi dâu về đâu

? TK có quyết định làm gì trước tình cảnh đó?

? NX về tính cách này?

? Hình ảnh cuối cùng của TK trong đoạn trích hiện lên ra sao?

? TK đi tu để mong muốn điều gì?

(Đó là sự tự nguyện trong bắt buộc-> gv liên hệ h/a Kiều)

? Con đường TK chọn để giải oan nói lên điều gì?

? Từ đây h/a TK trong vở chèo hiện lên trong em ntn?

# HĐ 3: Tổng kết

mặc, nhu nhược

* Lần 5: Với cha đẻ-> Nhận được sự cảm thông
* Càng kêu oan thì nỗi oan càng đầy
* Cảnh ngộ : Cô độc, đau khổ, bất lực
* Thị Kính : Hiền lành, nhẫn nhục,hiền thảo, giữ phép tắc gia đình
* >Tình vợ chồng tan vỡ, bị đuổi khỏi nhà

, càng bị vu thêm tội, bị sỉ vả.

* Đau đớn vì cha bị khinh bỉ, hành hạ

-> Nỗi đau lên đến cực điểm.

=> Xung đột kịch tập trung cao nhất

# Cảnh Thị Kính đi tu

* Quay vào nhà…chăn gối lẻ loi

-> đau đớn xót xa cho hp lứa đôi tan vỡ lên đến đỉnh điểm

* Phải sống ở đời…

-> không cam chịu, tìm đường giải thoát

* TK: lạy cha,mẹ, giả trai bước vào cửa phật

-> Cầu phật tổ chứng minh cho sự trong sạch của mình.

=> Phản ánh số phận bế tắc của người phụ nữ trong xh cũ.

* TK người phụ nữ có nhiều p/c tốt đẹp, có nỗi oan bị thảm và cuộc sống bế tắc…  **III-Tổng kết**

# Hoạt động luyện tập:

GV cho xem đoạn trích của vở chèo, đoạn Thị Kính lên đài sen.

? Em cảm nhận được gì về phẩm chất của Thị Kính trong đoạn trích và qua vở chèo?

# Hoạt động vận dụng:

?Theo em, nếu trong xã hội ngày nay, khi đối diện với những nỗi oan như vậy, những người phụ nữ thường có cách gải quyết như thế nào? Em đánh giá thế nào về những cách xử lí của họ so với Thị Kính trong đoạn trích trên?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Tìm hiểu thêm về thể loại chèo, tìm xem vở chèo đẻ hiểu rõ diễn biến cũng như một số vai chèo đặc trưng.
* Chuẩn bị bài tiếp theo: *Ca Huế trên sông Hương (Đọc vb, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài)*

**Tuần 30** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu:

* + 1. **Kiến thức:**

**Tiết 114** Văn bản: **CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

# -Hà Ánh Minh-

* Nắm được khái niệm thể loại bút kí.
* Thấy được vẻ đẹp của một nét sinh hoạt văn hóa ở cố đô Huế - một vùng dân ca với những con người rất tài hoa. Từ đó hiểu được vẻ đẹp của con người Huế, văn hóa Huế.

# Kĩ năng:

* Đọc- hiểu văn bản nhật dụng viết về di sản văn hoá dân tộc
* Phân tích văn bản nhật dụng ( kiểu loại thuyêt minh)
* Tích hợp kiến thức tập làm văn để viết bài văn thuyết minh.
  + 1. **Thái độ:** Bồi dưỡng ty qhđn, giữ gìn nột văn hoá truyền thống đẹp

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, giảng bình, nêu vấn đề.
* KTDH: Thảo luận, trình bày 1 phút, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: Giải thích nhan đề văn bản “Những trò lố…” So sánh NT viết truyện với tác phẩm “Sống chết …”
* Tổ chức khởi động : Xem clip về ca Huế trên sông Hương . Hình ảnh nào ấn tượng trong em? Cho nhiều hs nói.

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Đọc, tìm hiểu chung**   * PPDH: Thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm. * KTDH: trình bày 1 phút, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời. * Năng lực : Hợp tác , tự học ...   Gv cho hs thuyết trình phần tác giả và xuất xứ  ? Cho biết vài nét về t/g Minh Ánh và nêu xuất xứ của tác phẩm?  ? Em sẽ đọc vb với giọng ntn?  GV hướng dẫn đọc chậm rãi, diễn cảm, rõ ràng. Chú ý dấu câu  ? Hãy cho biết chú thích 2,5,7 nói gì?  GV sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời cho hs tìm hiểu chung  ?Bài văn thuộc kiểu vb nào?  ? Nhắc lại đôi nét về vb nhật dụng?  ?Chỉ ra những PTBĐ của vb?  ?vb có thể chia làm mấy phần ?  ?Khái quát nội dung từng đoạn? | **I- Đọc,tìm hiểu chung**  **1) Tác giả ( sgk) 2)Tác phẩm** Xuất xứ(sgk)  1. **Đọc và tìm hiểu chú thích**  * Đọc: * Chú thích :sgk  1. Kiểu vb**:** Nhật dụng 2. PTBĐ:Tự sự, miêu tả, biểu cảm 3. Cấu trúc VB: 2 đoạn:   + Đ1: từ đầu-> hoài nam : giới thiệu sơ lược về 1 số làn điệu dân ca xứ Huế  + Đ2: còn lại: Vẻ đẹp của cảnh ca xứ Huế. |
| **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**   * PPDH: Thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, giảng bình. * KTDH: thảo luận, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ. * Năng lực : Hợp tác , tự học ... | **II- Tìm hiểu chi tiết văn bản** |

Y/c hs qsát phần đầu vb Thảo luận nhóm (3p)

* 1. Kể tên các làn điệu dân ca Huế và các loại nhạc cụ biểu diễn?
  2. Các bản đàn nào được giới thiệu trong vb?
  3. Từ đây, em có nx gì về các làn điệu dân ca Huế?

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung.

Gv nhận xét và chốt kiến thức.

?Em thử nhắc lại các làn điệu & nhạc cụ vừa tìm?

Gv : Khó có thể nhớ hết được đây đủ chúng vì ca Huế rất phong phú, đa dạng, mỗi làn điệu có 1 vẻ đẹp tinh tế riêng cần nắm được đặc điểm của những làn điệu chính

*Thảo luận theo cặp( 2 phút)*

? Hãy chỉ ra 1 số làn điệu chính của ca Huế và trình bày những đặc điểm nổi bật của các làn điệu tiêu biểu của chúng

?

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv đánh giá chốt

Gv cho nghe 1 vài làn điệu trên máy chiếu

? Em có nx gì về các làn điệu ca Huế?

? Em thấy NT nổi bật nào được tác giả sử dụng trong đoạn nói về những đặc điểm của các làn điệu chính này của ca Huế?

?Vậy qua đây em đánh giá gì về ca Huế thông qua các làn điệu trên( về mặt hình thức và nội dung)?

GV : Ca Huế không chỉ hay, thấm đẫm tình người. Nó còn thể hiện qua tài nghệ của người nghệ sĩ-> Gọi là nghệ thuật biểu diễn

# Vẻ đẹp của các làn điệu dân ca Huế

* + Các điệu hò: Đánh đá, cấy trồng, chèo cạn
  + Các điệu lí: Lí con sáo, hoài xuân, hoài nam.
  + Các điệu nam: Nam Ai, Nam Bình, Nam Xuân.
  + Nhạc cụ: Đàn tranh, nguyệt, đàn tì bà, nhị, hồ, tam, bầu, sáo, trống…
  + Bản đàn: Lưu thuỷ, kim tiền, xuân phong, long hổ…trên 60 tp thanh nhụ, khỉ nhụ.

=> Đa dạng phong phú.

* Đặc điểm của 1 số làn điệu chính
  + Chèo cạn, bài thai, đưa linh( buồn bã)
  + Hò giã gạo, ru em (nồng hậu, náo nức)
  + Hò lơ, hò ơ, hò xay lúa(gần với dân ca nghẹ tĩnh thể hiện lòng khát khao mong chờ, hoài vọng, thiết tha của tâm hồn Huế)
  + Nam Ai, nam bằng, quả phụ( buồn ai oán, thương cảm)
  + Tứ đại cảnh( không vui, không buồn)

-> Phong phú đa dạng, mỗi làn điệu có 1 vẻ đẹp riêng gửi gắm ý tình trọn ven, thể hiện nhiều cung bậc khác nhau trong tâm tư, nguyện vọng của người dân Huế.

* + NT: Liệt kê, miêu tả, sử dụng nhiều tính từ.

=> Ca Huế Phong phú về làn điệu, sâu sắc về nội dung.

Thảo luận nhóm ( 4 p)

*Nhóm 1,2*:

1. Tìm hiểu về nguồn gốc và vẻ đẹp của khung cảnh diễn ra ca Huế (không gian, thời gian, người thưởng thức, cách thưởng thức)?
2. Nhận xét ?

Gv l/s hình thành XHPK tạo ra những nhu cầu nhất đinh(2 mặt)sp tinh thần như ca Huế là mặt tích cực của XH.

Nhạc cung đình được Unessco công nhận là văn hoá phi vật thể 2004. Vậy vẻ đẹp ấy được thể hiện ntn->tìm hiểu

*Nhóm 3,4:*

1. Tìm hiểu trang phục biểu diễn ca Huế của ca công và ca nhi?
2. Tìm hiểu về NT biểu diễn và cách chơi đàn của các nhạc công? Sự biểu diễn ca Huế của các ca nhi?
3. Chỉ ra NT được sử dụng trong đoạn văn? Từ đó nx về cách biểu diễn của các ca công và ca nhi?

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.

? Tâm trạng của người nghe ra sao?

? Thể điệu và lời ca của ca Huế thế nào ?

# Vẻ đẹp của cảnh ca Huế:

* Nguồn gốc dân ca Huế:
  + Là sự kết hợp của nhạc dân gian và nhạc cung đình
  + > Dân ca Huế vừa sôi nổi vừa trang trọng
* Vẻ đẹp cuả cảnh ca Huế:
  + Đêm, thành phố lên đèn như sao sa
  + Trăng lên, gió mơn man dịu dịu
  + Dòng sông trăng gợn sóng

-> Đẹp thơ mộng, huyền ảo.

* + Người thưởng thức:

Chờ đợi rộn lòng, hồn thơ lai láng, tình người nồng hậu

-> Cách thưởng thức: Vừa dân giã, vừa sang trọng.

\*Trang phục biểu diễn:

* Nam: áo dài the, quần thụng, khăn xếp
* Nữ áo dài, khăn đóng

-> Nhã nhặn, sang trọng.

* Biểu diễn:
* Ca công

+Biểu diễn bốn khúc nhạc….du dương, trầm bổng, réo rắt.

+Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả…

+Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu

* Ca nhi:

+ Cất lên những điệu Nam buồn man mác, thương cảm, bi ai như nam ai, nam binh, quả phụ..

+ Cũng có bản mang âm hưởng điệu Bắc pha điệu Nam, không vui , không buồn.

* NT : liệt kê, miêu tả cụ thể quan sát tỉ mỉ, dùng từ ngữ địa phương

-> tài năng, điệu nghệ,duyên dáng, đầy tâm trạng, tài tình.

* Người nghe: xao động tận đáy hồn

-Thể điệu ca Huế: Sôi nổi, vui tươi, buồn thương…

|  |  |
| --- | --- |
| ? NX gì về thể điệu và lời ca nói trên của ca Huế?  ? Câu văn cuối, t/g muốn gửi gắm điều gì tới người đọc?  GV: chính vì lẽ đó đã không ít người đã đến Huế không thể ra về khi chưa được nghe ca Huế trên dòng Hương Giang mơ mộng quyến rũ về đêm. ..  ? Qua tìm hiểu em, có nx gì về thú nghe ca Huế?  ?Qua đó, em thấy t/g là người ntn ?  ? Thông qua vb này em hiểu thêm gì về ca Huế và con người Huế?  GV: Ca Huế là sp tinh thần cao đẹp, thanh nhã, đặc sắc riêng, rất độc đáo, rất Huế của người Huế nói riêng và đất  Việt nói chung . Chúng ta phải chăm chút, giữ gìn và phát huy nét vh đặc trưng này. | * Lời ca: thong thả, trang trọng, trong sáng, gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch…   -> Phong phú, đầy ắp tình người   * Ca Huế khiến người ta quên cả không gian, thời gian chỉ còn đó tình người.   -> Thú chơi tao nhã và đầy chất nhân văn   * Tác giả là người tinh tế, am hiểu vh , con người Huế, trân trọng, ham mê ca Huế… * Ca Huế là vẻ đẹp làm mê đắm lòng người, phong phú đa dạng trong làn điệu, lời ca, độc đáo trong cách trình diễn…Con người Huế tinh tế, lịch sự, nhẹ nhàng, mơ mộng… |
| **HĐ 3: Tổng kết**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ? * Năng lực : tự học, hợp tác ... Gv cho hs hỏi- trả lời   ?Hãy khái quát nét đặc sắc của vb về mặt NT?  ?VB toát lên những nội dung gì? y/c hs đọc ghi nhớ sgk | **III-Tổng kết**   1. Nghệ thuật: ( Ghi nhớ sgk) 2. Nội dung: ( Ghi nhớ sgk) |

# Hoạt động luyện tập:

?Hãy thống kê bằng lời những làn điệu dca Huế và tên nhạc cụ được nhắc đến trong vb? Gv chia lớp làm 2 thi xem dãy nào kể được nhiều hơn

# Hoạt động vận dụng

Em hát 1 câu dân ca Huế, hoặc thể loại dân ca khác?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* + Đọc lại nhiều lần vb
  + Sưu tầm tranh ảnh về Huế
  + Chuẩn bị: Liệt kê (đọc, tìm hiểu ví dụ, làm trước các bài tập

# Tuần 30

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu: hs cần

* 1. **Kiến thức:**

**Tiết 115 LIỆT KÊ**

* Hiểu được thế nào là phép liệt kê, tác dụng của phép liệt kê.
* Phân biệt được các kiểu liệt kê: liệt kê theo từng cặp / liệt kê không theo từng cặp, liệt kê tăng tiến / liệt kê không tăng tiến.
* Tích hợp với phần văn qua vb “những trũ lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu” với phần TLV ở Luyện nói về văn nghị lụân giải thích.
  1. **Kỹ năng:** có ý thức vận dụng phép liệt kê
  2. **Thái độ:** nghiêm túc trong học tập để biết vận dụng phép liệt kê trong nói và viết.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, luyện tập- thực hành.
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ? Việc sử dụng trạng ngữ trong câu có những cụng dụng gì? Đặt một câu có sử dụng trạng ngữ? Nêu công dụng của trạng ngữ trong câu đó?

? Khi nào có thể tách trạng ngữ thành 1 câu riêng?

* Tổ chức khởi động

Hãy kể những đồ dùng trong nhà em , trong lớp....

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

**HĐ 1: Thế nào là liệt kê**

* PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành.
* KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận
* Năng lực: Tự học , hợp tác ... Thảo luận nhóm(3p)

1. Cấu tạo của phần in đậm trong vd có gì giống nhau ?
2. ý nghĩa của các cụm từ ấy là nói về cái gì?
3. Td của việc sd hàng loạt những kết cấu tương tự nhau để nói về sự việc?

Đại diện trình bày, nhóm khác bổ sung GV nhận xét , chốt kiến thức.

Việc sắp xếp các cụm từ có kết cấu và nd ý nghĩa trên-> phép liệt kê.

? Qua tìm hiểu vd, em hiểu thế nào là phép liệt kê?

(Việc sắp xếp nối tiếp, hàng loạt các cụm từ có kết cấu và nd ý nghĩa trên-> phép liệt kê)

?Vb “Tinh thần..ta” sd liệt kê ở đv nào?

? Lấy dẫn chứng về phép liệt kê trong vb “Sống chết mặc bay” Tác dụng?

# HĐ 2: Thế nào là liệt kê

* PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành.
* KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận
* Năng lực: Tự học , hợp tác ...

Thảo luận nhóm(3p)

1. Nx về cấu tạo của các phép liết kê trong 2 vd ?
2. Trong 2 vd này có thể đổi thứ tự các bộ phận liệt kê không? vì sao ? (căn cứ về ý nghĩa và mức độ của chúng)

# Thế nào là liệt kê? 1\* Xét vd:

* Phần in đậm: bên cạch ngoài…
* Về cấu tạo: Kết cấu tương tự nhau
* Về ý nghĩa: cùng nói về những đồ vật bầy biện quanh quan lớn

-> Làm nổi bật sự xa hoa của viên quan đối lập h/ả dân phu đang lầm than ngoài mưa gió

**2. Ghi nhớ 1**: sgk

# Các kiểu liệt kê: 1. Xét vd 1

* 1. *Toàn thể dt VN quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng, tính mạng, của cải để giữ vững quyền tự do độc lập*

-> Liệt kê không theo cặp

* 1. *Toàn thể …quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng tính mang và của cải để giữ… lập*

-> Liệt kê theo cặp

( có qht “và” nối kết thành cặp) 2.Vd2:

*a, Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại*

-> Có thể thay đổi thứ tự liệt kê (vì chúng có ý nghĩa ngang bằng nhau)

|  |  |
| --- | --- |
| Căn cứ phân loại | Các kiểu liệt kê |
| - Về cấu tạo | Liệt kê theo cặp Liệt kê k theo cặp |
| - Về ý nghĩa | Liệt kê tăng tién Liệt kê k tăng tiến |

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện trình bày, nhóm khác nx, bổ sung.  Gv nhận xét , chốt kt.  ? Vậy xét theo cấu tạo, liệt kê có mấy kiểu? Là những loại nào?  ?Xét theo ý nghĩa có những loại nào? GV khái quát bằng sơ đồ. | *b. TV…sự hình thành và trưởng thành của xh VN …gia đình, họ hàng, làng xóm và …gia*  -> Không thể thay đổi thứ tự liệt kê ( Bởi cá hiện tượng liệt kê vốn được sắp xếp theo mức độ tăng tiến)  \* Ghi nhớ 2: sgk  Sơ đồ phân loại liệt kê  P. loại liệt kê  Cấu tạo í nghĩa  Theo Ko Tăng Ko cặp theo tiến tăng  cặp tiến  bất khuất, xứng đáng là vị anh hùng của thiên xứ, đấng xả thân vì độc lập dân tộc . |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 3: Luyện tập**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực: Tự học , hợp tác ...   Thảo luận theo căp(1p)  ? Tìm phép liệt kê trong các đoạn trích? | **III. Luyện tập Bài 1**:  a. + …Dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm  + Những culi kéo tay phóng…chữ thập  -> Liệt kê theo cặp, không tăng tiến  b. điện giật, rùi đâm, dao cặt, lửa nung  -> Liệt kê tăng tiến  **Bài 3:** |

# Hoạt động vận dụng:

? Viết một đoạn văn ngắn kể về các bạn trong lớp sử dụng phép liệt kê ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Hoàn chỉnh các bài tập. Tìm thêm các ví dụ về các phép tăng tiến trong các vb đã học
* Chuẩn bị bài tiếp theo: Tìm hiểu chung về vb hành chính( đọc trả lời câu hỏi)

**Tuần 30** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 116 TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

**I .Mục tiêu:**

1. **Kiến thức:**

* Nắm dược những hiểu biết chung về văn bản hành chính: mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thường gặp trọng cuộc sống thực tiễn.
* Tích hợp với phần văn ở bài “Ca huế trên sông Hương” với phần TV ở bài “Dấu chấm long và dấu chấm. Phẩy”

1. **Kỹ năng:** viết đựơc những Vb hành chính đúng mẫu.
2. **Tư tưởng:** biết phân biệt vb hành chính với các vb khác.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu, luyện tập- thực hành.
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ( vở soạn của hs)
* Tổ chức khởi động :Gv chia đội, tổ chức cho hs chơi trò chơi “ai nhanh hơn” bằng cách kể tên các bạn học sinh trong lớp hoặc tên các loài hoa nhiều nhất-> vào bài

# Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Thế nào là văn bản hành chính**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực: Tự học , hợp tác ...   HS đọc các văn bản mẫu trong mục 1 của bài.  Thảo luận (3p)   1. Khi nào người ta viết các văn bản thông báo, đề nghị và báo cáo ? 2. Mỗi văn bản này nhằm mục đích gì ?   **Nhóm 1,2:VB 1( thông báo) Nhóm 3,4:VB 2 ( đề nghị) Nhóm 5,6: VB 3 ( báo cáo)**  Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv chốt kiến thức  ? Ba văn bản này có gì giống nhau và khác nhau ?  GV: Văn bản dùng để truyền đạt nội dung và yêu cầu nào đó từ cấp trên xuống cấp dưới và bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể tới cơ quan và người có quyền hạn giải quyết  GV phát phiếu học tập cho hs hoạt động cặp, điền thông tin so sánh(1p)  ? Hình thức trình bày của 3 văn bản này | **I. Thế nào là văn bản hành chính? 1. Xét Ví dụ:**   * Thông báo: Viết khi cần truyền đạt thông tin từ cấp trên xuống cấp dưới hoặc thông tin cho công chúng rộng rãi đều biết. * Đề nghị: Viết khi cần đề đạt nguyện vọng lên cấp trên hoặc người có thẩm quyền giải quyết. * Báo cáo: Viết khi cần chuyển thông tin từ cấp dưới lên cấp trên. * Mục đích của các văn bản: * VB1: (Thông báo): Phổ biến thông tin, kèm theo hướng dẫn và yêu cầu thực hiện. * VB2: (Đề nghị): Trình bày nguyện vọng, kèm theo lời cảm ơn. * VB3: (Báo cáo): Tập hợp những công việc đó làm được để cấp trên biết, kèm theo số liệu tỷ lệ phần trăm. * Điểm giống nhau: Tính khuôn mẫu. * Điểm khác nhau:   Khác nhau về mục đích, nội dung, yêu cầu.  So với truyện, thơ:  VB HC Truyện, thơ Nguyên - Viết theo - Sáng tạo Nt của tắc viết mẫu cá nhân  Người Ai viết cũng Nhà thơ, văn,có |

|  |  |
| --- | --- |
| có gì khác với văn bản truyện, thơ mà em đã học ?  Đại diện trình bày, hs khác nx, bổ sung  ? Em còn thấy loại văn bản nào tương tự như 3 văn bản trên không ?  *(Đơn từ, biên bản, hợp đồng, giấy biên nhận, giấy khai sinh, ...)*  ? Em hiểu thế nào là văn bản hành chính?  **GV nhấn mạnh: Văn bản hành chính:**   * Viết theo mẫu (tính quy ước). * Ai cũng viết được (tính phổ cập). * Các từ ngữ đều giản dị, dễ hiểu (tính đơn nghĩa. | viết được chuyên môn Ngôn Từ ngữ dễ Từ ngữ đa nghĩa, từ để hiểu, c/xác giàu h/a, cx  viết  **2. Ghi nhớ:** SGK |
| **3.Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 2: Luyện tập**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận.   - Năng lực: Tự học , hợp tác ...  **Thảo luận nhóm(2p)**  1. Trong các tình huống trên, tình huống nào người ta có thể viết vb hành chính? 2.Tình huống vừa tìm ứng với mỗi tên vb nào vừa học?  Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv chốt  - GV lưu ý HS cần chú ý chọn đúng loại vb hành chính phù hợp với từng mục đích, tránh chọn nhầm, chọn sai -> ko đạt được mục đích giao tiếp. | **III. Luyện tập**  **\* BT 1:**   * Tình huống 1,2,4,5 * Tình huống 1: Thông báo * Tình huống 2: Báo cáo * Tình huống 4: Đơn từ * Tình huống 5: đề nghị |

# Hoạt động vận dụng

? Với cương vị là lớp trưởng, em hãy viết báo cáo về tình hình học tập của lớp trong học kì vừa qua để cô giáo chủ nhiệm nắm được

Gv hướng dẫn, gợi ý, hs viết và trình bày, nx, bổ sung, cho điểm

Cộng hoà ….Nam Độc lập….hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Kính gửi: Cô giáo…..

HỌC KÌ I- NĂM HỌC….

Hưởng ứng phong trào thi đua học tốt của lớp đề ra. Học kì vừa qua lớp… đã đạt được kết quả như sau:

Học sinh giỏi: … Học sinh khá: … Học sinh TB…

Học sinh yếu- kém:….

Tỉ lệ: giỏi: ….khá:…. TB…., yếu –kém Kết quả cuối cùng:…

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Nắm vững đặc điểm của vb hành chính.
  + Hoàn chỉnh bài tập vào vở.

Thay mặt lớp Lớp trưởng

(kí ghi rõ học tên)

* Chuẩn bị: Trả bài TLV số 6 ( Xem lại để bài và ôn lại kiến thức về văn giải thích).

**Tuần 31** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu cần đạt:

* 1. **Kiến thức:**

**Tiết 117 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

* Thấy được năng lực của mỡnh trong việc làm bài văn NLCM
* Tự đánh giá được đúng ưu khuyết điểm của bài tập làm văn đầu tiên về văn NL trên các mặt kiến thức, lập ý, bố cục, lập luận.... với sự phân tích, hướng dẫn của giáo viên.
  1. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng phát hiện lỗi và sửa lỗi
  2. **Thái độ:** Có ý thức phê và tự phê

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

* 1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, bài kiểm tra đã chấm, phân loại.
  2. ***Học sinh:*** Xem lại lí thuyết văn NL và đề bài tiết kiểm tra

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích, luyện tập- thực hành.
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

* 1. **Hoạt động khởi động**
* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ( trong khi học)
* Tổ chức khởi động

Chọn 2 đội thi giải thích câu tục ngữ, đội nào hay, đủ thời gian là đội chiến thắng?

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận.   - Năng lực: Tự học , hợp tác ... GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài.  ? Thế nào là văn nghị luận giải thích? ( gv kiểm tra cá nhân hs lấy điểm miệng)  Gv cho thảo luận cặp đôi (2p)  ?Viết một đoạn văn giải thích vì sao phải học Tiếng Anh em cần đảm bảo được yêu cầu gì về hình thức và nội dung?  Đại diện hs trình bày, hs khác bổ sung, nx, gv đưa y/c  ? Hãy cho biết đề bài này đặt ra những | Đề bài Câu 1: Thế nào là văn nghị luận giải thích? Câu 2: Viết một đoạn văn giải thích vì sao phải học Tiếng Anh?  Câu 3: Giải thích câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.   1. **Yêu cầu**:   **Câu 1:** Nghị luận giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng đạo lí, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích để nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người.  **Câu 2:**Đoạn văn cần đạt được y/c:  1) Về hình thức:   * Viết đúng hình thức đoạn văn * Có sự liên kết để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh * Trình bày khoa học, sạch đẹp, rõ ràng   -Diễn đạt trong sáng dễ hiểu, sử dụng linh hoạt các kiểu câu, thành phần câu, dấu câu   * Viết đúng chính tả.   2) Về nội dung   * Làm đúng kiểu văn nghị luận giải thích. * Giải thích được sự cần thiết phải học TA ( theo sự cảm nhận của bản thân) * Đưa lí lẽ, dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề học TA....   **Câu 3:**  1) Về hình thức:  - Làm bài có bố cục rõ ràng mạch lạc |

|  |  |
| --- | --- |
| yêu cầu gì về hình thức?  ? Về mặt nội dung, bài làm cần đạt được những yêu cầu gì?  Gv cho thảo luận nhóm(3p)  ? Hãy nêu các luận điểm chính cần triển khai trong bài bằng cách lập dàn ý ?  Đại diện nhóm trình bày , HS nhóm khác nx, bổ sung , gv đưa yêu cầu định hướng.  GV dùng bảng phụ đưa ra dàn ý (Phụ lục) | * Giữa các đoạn, phần trong vb phải có sự liên kết để tạo thành bài văn hoàn chỉnh * Trình bày khoa học, sạch đẹp, rõ ràng   -Diễn đạt trong sáng dễ hiểu, sử dụng linh hoạt các kiểu câu, thành phần câu, dấu câu   * Viết đúng chính tả.   2) Về nội dung   * Làm đúng kiểu văn nghị luận giải thích. * Có LĐ, LC (LL + DC) phù hợp với từng luận điểm trình bày. * Các luận cứ trình bày cần phù hợp (dẫn chứng lí lẽ xác thực, thuyết phục) * Có sự liên hệ, mở rộng. Đặc biệt bản thân đã làm gì để tỏ lòng biết ơn( những việc làm thực tế)   **\*Dàn bài:** |
| GV trả bài cho hs.  HS nhận bài, đọc bài và lời phê.  GV nhận xét bài làm của HS | Trả bài:  1. **Nhận xét:** |

* **Ưu điểm:**
  + Hầu hết HS làm bài đúng kiểu loại (văn NLGT)
  + Bố cục rõ ràng, hợp lí. Biết xây dựng hệ thống LĐ, đưa ra các lí lẽ xác đáng để giải thích rõ về câu tục ngữ cũng như về lòng biết ơn.
  + Một số bài diễn đạt khá tốt, lập luận chắc chắn, giàu sức thuyết phục (Bài của bạn Thảo, Huyên, Phương)

# Nhược điểm:

* + Nhiều bài viết đủ ý nhưng viết sơ sài nên sức thuyết phục không cao ( Trang, Tú, Tùng

, 3 bạn Quân ,Đạt, ...)

* + Phần đông các em viết đúng nhưng không hay do cách diễn đạt đơn giản, chủ yếu sử dụng kiểu câu khẳng định, câu kể mà chưa biết linh hoạt sd các kiểu câu khác nhau, các biện pháp nghệ thuật hầu như không đc sử dụng trong viết văn nghị luận, liên hệ chưa nhiều.
  + Một số bài viết đoạn văn tỏ ra lúng túng lí lẽ đưa ra giải thích không thuyết phục. ( hầu hết các em lớp Tùng, Nhung.....)
* Một số bài vẫn mắc lỗi điển hình như: các luận điểm không trình bày tách riêng thành đoạn văn khác nhau mà viết liền trong phần TB.( Hưng , Thắng ...)
* Tuy viết ở nhà nhưng nhiều em viết rất cẩu thả: chữ xấu, tẩy xóa nhiều, sai chính tả, viết hoa không đúng (Long , Phong, Đạt...)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động vận dụng** | |
| GV treo bảng phụ chữa cho hs chữa 1 số lỗi điển hình trong bài làm của HS.  GV gọi 1 số hs làm bài tốt đọc bài của mình. : Trang, Lan Anh , Lan, Thúy, Hậu, Nga..  HS nhận xét, tìm ra cái hay, cái chưa đạt của bài bạn. | **IV. Chữa lỗi điển hình:**  (bảng phụ)  Lỗi Cụ thể  Diễn - Thế hệ cha ông chúng ta đều đạt là suối nguồn, còn chúng ta  uống nước từ đó.   * Tại sao họ lại cứ không chịu mang ơn ông bà cha mẹ họ chứ?   Chính - dữ gìn -> giữ gìn tả - dăn dạy -> răn...   * sương máu -> xương máu * động nực -> lực * thủy trung -> chung   Ngữ - Nhờ câu tục ngữ cho ta thấy pháp một bài học quý giá về lòng  biết ơn ...  -> Bỏ từ „nhờ”  **V. Đọc, bình bài văn hay:** |

# Bảng phụ lục:

**-Mở bài**: - Giới thiệu vấn đề NL: lòng biết ơn

* + Giới thiệu câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.

# -Thân bài:

**LĐ1**: Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ.

* Nghĩa đen: Muốn có nước uống thì phải có nguồn tạo ra nước đó -> Khi uống nước phải nhớ tới nguồn
* Nghĩa bóng:

+ Nước uống được làm ra là cả 1 quá trình lao động, học tập,

+ Khi được hưởng những thành quả đó chúng ta phải biết ơn người làm ra thành quả đó. Câu tục ngữ khuyên chúng ta cần có lòng biết ơn.

**LĐ2**: Biểu hiện của lòng biết ơn trong cuộc sống.

+ Lòng biết ơn có ngay trong những hành động giản đơn: không ngắt một chiếc lá, không chặt một cái cây ,biết ơn mẹ đã mang nặng đẻ đau sinh thành ra ta,...

+ Lòng biết ơn hiển hiện cả trong những điều lớn lao: Sẵn sàng ra trận, sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc chính là biết ơn Tổ quốc...

**LĐ3**: Lòng biết ơn đem đến những điều tốt đẹp cho cuộc sống biết sống thủy chung, ân nghĩa (DC); kết nối với nhau bởi tình người; tạo ra thêm nhiều giá trị cho cuộc sống

**- Kết bài:** Khẳng định lại tính đúng đắn của câu tục ngữ và liên hệ bản thân.

? Qua giờ trả bài, em rút được ra kinh nghiệm gì cho mình khi viết bài văn NLGT? ( HS rút kinh nghiệm về đặc trưng của kiểu bài NLGT.)

# 4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

Ôn lại kiến thức về văn NLGT.

* Bài làm dưới 5 về làm lại.
* Tìm đọc các bài văn mẫu hay thuộc dạng NLGT.

**Tuần 31** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 118: LUYỆN NÓI: BÀI VĂN GIẢI THÍCH MỘT VẤN ĐỀ

1. **Mục tiêu cần đặt: hs cần**
2. **Kiến thức:**

* Các cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp trong việc trình bày văn nói giải thích một vấn đề
* Những yêu cầu khi trình bày văn nói giải thích một vấn đề

# Kĩ năng:

* Tìm ý, lập dàn ý bài văn giải thích một vấn đề.
* Biết cách giải thích một vấn đề trước tập thể.
* Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng một vấn đề mà người nghe chưa biết bằng ngôn ngữ nói.

1. **Thái độ:** Học tập nghiêm túc

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

* 1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
  2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: Thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập –thực hành.
* KTDH: Thảo luận, trình bày 1 phút, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: Việc chuẩn bị bài của học sinh
* Tổ khởi động : cho hs thiệu về bản thân-> gọi nhiều hs nói.

# Hoạt động luyện tập

**Hoạt động của thầy và trò Nội dung cần đạt**

**HĐ 1: Chuẩn bị**

* PP: Thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập –thực

hành.

* KT: Thảo luận, trình bày 1 phút, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.
* Năng lực : tự học, hợp tác ...

# Thảo luận 2p

thanh lí hợp đồng phần chuẩn bị( dàn ý)

- Đại diện các tổ1,2 thanh lí hợp đồng phần lập dàn ý đề 1, các hs khác và tổ 3,4 nx, bổ sung, gv đánh giá, chốt kiến thức

* Đại diện các tổ 3,4 thanh lí hợp đồng phần lập dàn ý đề 2, các hs khác và tổ 1,2 nx, bổ sung, gv đánh giá, chốt kiến thức

# Chuẩn bị:

**Đề 1**: Trường em có tổ chức 1 cuộc thi giải thích TN. để tham dự cuộc thi đó em hãy tìm và gt 1 câu TN mà em thích:

“Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”

# Dàn bài:

* 1. ***MB***:
* Dẫn dắt : Trong mỗi một svật, sviệc, hiện tượng luôn tồn tại 2 mặt nội dung, hình thức. Cả hai

mặt đó đều quan trọng nhưng …

* Dẫn câu TN
  1. ***TB***:
* GT : “ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn “ là gì?

# \* Nghĩa đen:

+ Tốt gỗ là gì? – gỗ chắc, bền

+ Tốt nước sơn là gì?- vỏ sơn bóng đẹp

+ Nghệ thuật so sánh => Chất gỗ bền tồn tại lâu hơn, quý hơn nước sơn đẹp.

* **Nghĩa bóng**: Nhân cách phẩm giá trong sạch tốt đẹp của cong người là cái quý hơn cả
* **Nghĩa sâu**: Tại sao nói “ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” ?

+ Đạo đức nhân cách tốt mới có ích, mọi người đếu yêu mến . Có những người biét vượt qua sự tự ti về hình thức để vươn tới thành đạt.

+ Vẻ đẹp bên ngoài dễ tàn phai theo thời gian -> Phê phán những con người chạy theo bề ngoài hình thức

+Liên hệ : “Cái nết đánh chết cái đẹp”

## c.KB:

* Câu TN luôn đúng, không làm giảm ý nghĩa của cái đẹp mà hướng ta biết sống tốt trước
* Bản thân : Chăm ngoan học giỏi…

**Đề 2:** Vì sao những tấn trò mà Va-ren bày ra với PBC lại được NAQ gọi là “những trò lố”

# Dàn bài:

***a. MB***: - Dẫn dắt: Có thể giới thiệu đôi nét tác giả, t. phẩm

# TB:

* GT vấn đề: Những tấn trò

# HĐ 2: Luyện nói trên lớp

* + PP: Thuyết trình, dạy học nhóm, luyện tập –thực hành.
  + KT: Thảo luận, trình bày 1 phút, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.
  + Năng lực : tự học, hợp tác ...

**Thảo** luận chuẩn bị thanh lí hợp đồng(2p)

* + Đại diện các tổ lần lượt thanh lí hợp đồng phần luyện nói , các hs khác và tổ khác nx, bổ sung, gv đánh giá, bổ sung

? Qua giờ luyện nói, em thấy điều quan trọng nhất trọng khi luyện nói bài văn giải thích một vấn đề là gì?

# Hoạt động vận dụng

* Những trò lố là gì?
  + “Lố”là gì? H.động quá đà, quá đáng, sự lố lăng kệch cỡm
  + “ Trò lố” là gì? Sự việc được bày trò có tính toán nhưng không che dấu được sự kệch cỡm lố lăng
* Vì sao những trò…trò lố ?
  + Hứa chăm sóc PBC
  + Tuyên bố “ Tôi đem tự do đến cho ông đây”
  + Khuyên PBC từ bỏ lí tưởng

=> Những điều lố lăng vì:

+ Đó là lời hứa “nửa chính”

+ Tự do có điều kiện ( phản quốc) đối 1 người yêu nước

+ Khuyên mà thực chất là ép buộc

+ Bằng chính những trò lố đó Va-ren đó tự bộc lộ mình: xấu xa, ghê tởm

1. **KB:** - Khẳng định sự đáng cười của những trò lố, lên án Va-ren và toàn quyền Pháp
   * Lời khuyên kiên định lí tưởng, có thái độ phê phán

# Luyện nói trên lớp

Đề 1 : tổ 1,2

Đề 2 : tổ 3,4

* + Yêu cầu : +Tự tin, nghiêm túc, chủ động, linh hoạt trong khi nói

+ Chuẩn bị kĩ những kiến thức

+ Có hiểu biết rộng, vốn từ phong phú…

?Em hãy giải thích để bạn thấy được sự cần thiết phải tập luyện thể dục thể thao một cách ngắn gọn ?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* luyện nói nhiều lần bài bài văn để tự tin trôi chảy
* Soạn: Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy (Tìm hiểu các ví dụ)

**Tuần 31** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 119 DẤU CHẤM LỬNG VÀ DẤU CHẤM PHẨY

* 1. **Mục tiêu cần đạt**
     1. **Kiến thức:** Công dụng của của dấu chấm lửng, dấu phẩy trong văn bản

# Kĩ năng:

* Sử dụng dấu chấm lửng, dấu phẩy trong tạo lập văn bản.
* Đặt câu có dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy.
  + 1. **Thái độ:** Sử dụng đúng dấu câu là giữ gìn sự trong sáng của TV

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ?Thế nào là liệt kê? Có mấy cách phân loại liệt kê?

\*Tổ chức khởi động Gv cho học sinh đọc nghe một mẩu chuyện cười về việc đặt không dấu câu

**Sáng nào anh đầu bếp chánh của một tiệm ăn** cũng viết trên bảng phân công phần việc của từng người. Vì bận việc nên không lần nào các câu văn của anh có dấu chấm hoặc dấu phẩy.Anh viết như sau:

* “ Anh Hòa cắt tiết anh Hùng nhổ lông cô Hồng luộc trứng anh Tuấn mổ bụng cô Lài lột da anh Tán rán mỡ chị Kim rửa chim cô Lý bóp mềm anh Tuất băm nhỏ cô Lan xào gan anh Hiệp quét dọn xong để đó chờ tôi”.

Ông đầu bếp phụ cắc cớ cầm phấn thêm vào các dấu phẩy cho câu văn rõ nghĩa. Câu văn trở thành như sau:

* “ Anh Hòa cắt tiết anh Hùng, nhổ lông cô Hồng, luộc trứng anh Tuấn, mổ bụng cô Lài, lột da anh Tán, rán mỡ chị Kim, rửa chim cô Lý, bóp mềm anh Tuất, băm nhỏ cô Lan, xào gan anh Hiệp quét dọn xong để đó chờ tôi”. ->giới thiệu bài học

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy - trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Dấu chấm lửng**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi(2p)**   1. Dấu chấm lửng trong các câu để làm gì? 2. Từ những ví dụ trên, em thấy dấu chấm lửng có những công dụng gì?   - HS khái quát rút ra ghi nhớ/ SGK.  \* GV lưu ý: Dấu chấm lửng khi được đặt trong ngoặc đơn (…) hoặc ngoặc vuông […] có ý chỉ có một phần văn bản bị lược trích.  3. Tìm một câu văn (thơ) em đã học có sử dụng dấu chấm lửng và cho biết tác dụng của nó  **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nhận xét bổ sung**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức. HĐ 2: Dấu chấm phẩy**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm (3p)**   1. Xác định kiểu câu trong hai ví dụ? 2. Trong hai ví dụ, dấu chấm phẩy dùng để làm gì ? Có thể thay thế bằng dấu phẩy không? Vì sao? 3. Qua VD, em thấy dấu chấm phẩy có công dụng gì?   - HS khái quát rút ra ghi nhớ/ SGK.  **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | DẤU CHẤM LỬNG:  * 1. **Ví dụ:**   2. **Nhận xét:**   a.( ... ) tỏ ý rằng sự vật hiện tượng còn rất nhiều, chưa được liệt kê hết.  b.( ... ) thể hiện lời nói bị ngắt quãng(do chạy gấp, thở không ra hơi). Góp phần bộc lộ tâm trạng của người nói.  c.( ... ) làm giãn nhịp điệu câu văn, tạo sắc thái hài hước, dí dỏm : Một tấm bưu thiếp thì quá nhỏ so với dung lượng một cuốn tiểu thuyết.   * 1. **Ghi nhớ :** *SGK.*   VD: Thể điệu ca Huế có sôi nổi, vui tươi, có buồn thảm, bâng khuâng, có tiếc thương, ai oán …  => Biểu thị phần liệt kê không viết hết.  **II. DẤU CHẤM PHẨY:** Ví dụ:  1. **Nhận xét:**    1. Câu ghép có nhiều vế.    2. Câu có bộ phận liệt kê với nhiều tầng ý nghĩa phức tạp.  * Câu a: Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách hai vế của câu ghép. Có thể thay thế bằng dấu phẩy mà nội dung không thay đổi. * Câu b: Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách giữa các bộ phận liệt kê. Không thể thay bằng dấu phẩy vì các phần liệt kê sau dấu chấm phẩy thì bình đẳng với nhau, |

|  |  |
| --- | --- |
|  | nhưng các phần liệt kê sau dấu phẩy thì không bình đẳng Nếu thay dấu nội dung dễ bị hiểu lầm.  **3. Ghi nhớ:** SGK. |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 3: Luyện tập**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ... Bài 1 làm theo nhóm 3p   Bài 2 làm theo cặp 2p Bài 3 làm cá nhân 2p | **III. LUYỆN TẬP**:  **Bài tập 1:**   1. Biểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng. 2. Biểu thị câu nói bị bỏ dở(không nói hết) 3. Biểu thị sự liệt kê chưa đầy đủ.   **Bài tập 2:**  a, b, c : ngăn cách các vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp.  **Bài tập 3:**  Hs viết theo yêu cầu |

# Hoạt động vận dụng:

Hoạt động cá nhân , kĩ thuật viết tích cực (2p) Mỗi hs tìm 1 ví dụ viết sai dấu

Hs báo cáo sản phẩm của mình.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Học thuộc 2 ghi nhớ bài; Làm các bài tập vào vở.
* Chuẩn bị bài “Văn bản đề nghị”.

+ Đọc VB và trả lời câu hỏi SGK, xem trước các bài tập

**Tuần 31** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu cần đạt

* + 1. **Kiến thức:**

**Tiết 120 :VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

* Nắm được đặc điểm của văn bản đề nghị: Mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.
* Hiểu các tình huống cần thiết viết văn bản đề nghị.

# Kĩ năng:

* Biết cách viết một văn bản đề nghị đúng quy cách.

# Thái độ:

* Nhận ra những sai sót thường gặp khi viết văn bản đề nghị.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu, luyện tập- thực hành
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ? - Thế nào là một văn bản hành chính? Văn bản hành chính khác gì so với văn bản nghệ thuật ?
* Tổ chức khởi động Cho hs chơi trò chơi

+ Hai đội viết đơn đề nghị

+ Thời gian 2p

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Đặc điểm của vb đề nghị**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm (4p)**   1. Hai văn bản trên của ai ( cấp nào ) gửi ai ( cấp nào )? Viết nhằm mục đích gì? Khi nào cần viết văn bản đề nghị? 2. Nhìn vào 2 Vb trên em có nhận xét gì về nd và hình thức của vb đề nghị? 3. Vậy em hiểu thế nào là văn bản đề nghị?   - Học sinh khái quát rút ra ghi nhớ/ SGK.  4. Trong sinh hoạt, học tập ở trường, em cần viết những giấy đề nghị nào?Trong 4 tình huống, tình huống nào cần làm giấy đề nghị? | ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ:  * 1. **Ví dụ:**   2. **Nhận xét:** * Người gửi: cấp dưới gửi cấp trên. * Vb a: đề nghị sơn lại bảng. * Vb b: đề nghị chấn chỉnh việc lấn chiếm vỉa hè trái phép gây tắc đường cống.   *Viết văn bản đề nghị khi có nhu cầu, nguyện vọng chính đáng cần được xem xét, giúp đỡ giải quyết*   * Nội dung: ngắn gọn, cụ thể. * Hình thức: rõ ràng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.**  **HĐ 2: Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận theo cặp(5p)**   * Quan sát hai văn bản SGK.  1. Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa 2 văn bản trên? 2. Vậy văn bản đề nghị thường được trình bày theo những mục nào?Cách sắp xếp thứ tự các mục ra sao?Theo em phần nào là quan trọng nhất trong văn bản đề nghị? 3.Quan sát phần trình bày của 2 văn bản trên, em thấy cần lưu ý điều gì?   **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nhận xét bổ sung**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | **3. Kết luận:**  *Ghi nhớ1: SGK.*   * Tình huống a,c. * Tình huống b : đơn trình báo * Tình huống d : làm bản kiểm điểm   **II. CÁCH LÀM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**:  **1. Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị:**   * Giống nhau: cách thức trình bày. * Khác nhau : nội dung cụ thể.   \* Trình tự các mục:   * Quốc hiệu, tiêu ngữ. * Địa điểm, thời gian làm vb đề nghị. * Tên văn bản. * Văn bản gửi ai? * Ai gửi văn bản? * Nd đề nghị, yêu cầu. * Kí tên. * Phần quan trọng:   + Ai đề nghị?  + Đề nghị với ai?  + Đề nghị điều gì?  + Đề nghị để làm gì? Dàn mục một văn bản đề nghị: SGK.   1. **Lưu ý:**  * Tên văn bản viết chữ in hoa, khổ chữ to. * Trình bày cân đối, sáng sủa. * Diễn đạt rõ ràng, hành văn trong sáng.   **4. Kết luận:**  *Ghi nhớ 2 : SGK.* |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 2: Luyện tập** | **III. LUYỆN TẬP:** |

# Hoạt động vận dụng

?Hãy viết một văn bản đề nghị cô giáo bộ môn cho cả lớp đi xem vở chèo Quan Âm Thị Kính để hiểu hơn về thể loại này phục vụ bộ môn Ngữ văn .

# Hoạt động mở rộng, tìm tòi:

* + Làm hoàn thành bài tập 2.
  + Chuẩn bị “Ôn tập Phần Văn”:

+ Xem lại các khái niệm văn học từ đầu năm và các kiến thức văn bản đã học từ đầu kì I và kì II

+ GV kí hợp đồng với hs các nhóm toàn nội dung phần ôn tập sgk.

# Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập - tự do – hạnh phúc

**Hợp đồng học tập**

## Phần ôn tập văn học

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhiệm vụ | Bắt buộc | Thời gian | Nhó m | Địa điểm | Đáp án | Hoàn thành | Đánh giá |
| Trả lời các câu hỏi trong phần ôn tập | x | 1  tuần | Các nhóm | Tại địa phương  , ở nhà |  |  |  |

**Tên tôi là:-----------------------------------------------------------------------------------**

**Chức vụ:** -----------------------------------------------------------------------------------

# Lớp:-----------------------------------------------------------------------------------------

Tôi đã hiểu rõ nội dung và nhiệm vụ, ý nghĩa của hợp đồng. Tôi cam kết sẽ cùng với tổ hoàn thành hợp đồng đúng thời gian quy định.

*Giáo viên ( kí, ghi rõ họ tên) Học sinh( kí, ghi rõ họ tên)*

**Tuần 32** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu :

**Tiết 121 ÔN TẬP VĂN HỌC**

* 1. **Kiến thức:** HS nhớ, hiểu nhan được đề các tác phẩm trong hệ thống văn bản, nội dung cơ bản của từng cụm bài, đặc trưng thể loại của các văn bản và sự giàu đẹp của tiếng Việt thể hiện trong các văn bản đã học.
  2. **Kĩ năng:** HS rèn luyện được kĩ năng so sánh và hệ thống hoá, đọc thuộc lòng thơ, lập được bảng hệ thống phân loại .
  3. **Thái độ:** Có ý thức nghiêm túc trong giờ học.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

* 1. ***Giáo viên****:* Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
  2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu, luyện tập- thực hành, chơi trò chơi , dạy học hợp đồng
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, động não.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: KT việc soạn bài của học sinh.
* Tổ chức khởi động

Thi kể các tác phẩm văn lóp 7 nhanh nhất?..

# Hoạt động luyện tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên vb, tg | g/trị nội dung | gtrị nghệ thuật |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Ôn tập**   * PPDH: giải quyết vấn đề ,dạy học nhóm, hợp đồng... * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **GV cho hs các nhóm thanh lí hợp đồng**  **- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung**  **-Gv nhận xét, chốt kiến thức .** | | **I.Ôn tập** Các vb đã học  1. **Định nghĩa 1 số khái niệm thể loại v.học và biện pháp NT đó học** |
| ***K/n thể loại*** | ***Đ/n - bản chất*** | |
| 1. Ca dao dân ca | * Là do qc nd s.tác, đc truyền miệng từ đời này sang đời khác * Ca dao là phần lời đã tước bỏ đi tiếng đệm, lót, đưa hơi. Dân ca là lời bài ca dân gian | |
| 2. Tục ngữ | Là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, h/a, thể hiện những kinh nghiệm của nd về mọi mặt, đc vận dụng vào đ/s, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hàng ngày | |
| 3. Thơ trữ tình | 1 thể loại v.h p/a c/s bằng cảm xúc trực tiếp của người s.tác. VB thơ trữ tình thường có vần điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ cô đọng, mang  tính cách điệu cao | |
| 4. Thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật | * 7 tiếng/ câu, 4 câu/ bài * Kết cấu: Khai - thừa - chuyển - hợp   - Nhịp: 4/3 hoặc 2/2/3   * Vần chân (7), liền (1 -2), cách (2 -4). Gieo vần bằng | |
| 5. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt đường luật | * 5 tiếng/ câu, 4 câu/ bài   - Nhịp: 3/2 hoặc 2/3...   * Có thể gieo vần trắc | |
| 6. Thơ thất ngôn bát cú | * 7 tiếng/ câu, 8 câu/ bài * Kết cấu: Đề - thực - luận - kết   - Vần +, trắc, chân(7), liền (1 -2), cách (2 - 4 - 6 - 8)  ( luật = , trắc: 1, 3, 5 tự do. 2, 4, 6 bắt buộc (BTB hoặc TBT))   * Hai câu 3 - 4 và 5 - 6 phải đối nhau | |

|  |  |
| --- | --- |
| 8. Thơ song thất lục bát | * Một khổ 4 câu: 2 câu 7, tiếp theo 1 cặp 6 - 8 * Vần 2 câu thất: vần lưng (7 - 5), trắc; vần ở cặp lục bát như thơ lục bát thông thường * Nhịp: 2 câu 7 tiếng (3/4 hoặc 3/2/2) |
| 9. Phép tương phản và tăng cấp | * Là sự đ.lập các h/a, chi tiết, nv... trái ngược nhau, để tô đậm, nhấn mạnh 1 đ.tượng hoặc cả 2 * Tăng cấp thường đi cùng tương phản. Cùng với q.trình hành động, nói năng, tăng dần cường độ, tốc độ, mức độ, chất lượng, số lượng, màu sắc, âm thanh... |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | T/c, thái độ thể hiện trong các bài ca dao dân ca đã học Nhớ thương, kính yêu, than thân trách phận, buồn bó, hối tiếc, tự hào, biết ơn...; châm biếm, hài hước, dí dỏm, đả kích   1. **Những kinh nghiệm của nd thể hiện trong tục ngữ**  * KN về thiên nhiên - thời tiết (nắng, mưa, lũ, lụt...) * KN về lđ sx nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi...) * KN về con người - xh ( học thày , học bạn, lòng biết ơn, con người là vốn quý nhất...)   **5. Những giá trị lớn về tư tưởng, t/c thể hiện trong các bthơ, đoạn thơ trữ tình của VN và TQ (thơ đường) đã học.**   * Lòng y/nc và tự hào dt * ý chí bất khuất, kiên quyết đánh bại mọi quân xâm lược * Thân dân - yêu dân, mong dân khỏi khổ, đc no ấm, nhớ mong về quê, ngỡ ngàng khi trở về, nhớ mẹ, nhớ bà...   - Ca ngợi cảnh TN: đêm trăng xuân, cảnh khuya, thác hùng vĩ, đèo vắng...   * Ca ngợi tình bạn chân thành, tình vợ chồng thuỷ chung chờ đợi, vời vợi nhớ thương...   **6. Lập bảng thống kê các vb là văn xuôi** | |
| STT | Tên vb, tg | gtrị nội dung | | gtrị nghệ thuật |
| 1. | Cổng trường mở ra  ( Lí Lan) | Sự thương con vô bờ của mẹ, ước mong con học giỏi nên người | | Chân thực, nhệ nhàng và cảm động, chân thành, lắng sâu... |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 2. | " Mẹ tôi" trích "Những tấm lòng cao cả" (ét - môn - đô - đờ Ami - xi) | T/y thương, kính trọng cha mẹ là t/c thiêng liêng . Thật xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên t/y thương ấy. | Hình thức viết thư, phê bình nghiêm khắc  -> t/đ đến con người |
| 3. | Cuộc chia tay của những con búp bê ( Khánh Hoài) | * T/c gđ là vô cùng quý giá và quan trọng * Người lớn, các bậc cha mẹ hãy vì con cái mà cố gắng tránh những cuộc chia li | Qua cuộc chia tay của những con búp bê - cuộc chia tay của những đứa trẻ tội nghiệp mà đặt ra vđề giữ gìn gđ 1 cách nghiêm túc và sâu sắc |
| 4. | Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn) | Lên án tên quan phủ vô trách nhiệm gây nên tội ác khi làm n.vụ hộ đê; cảm thông với những thống khổ của nd vỡ đê vỡ | NT tương phản tăng cấp |
| 5. | Những trò lố hay là Va - ren và PBC  ( NAQ) | Đả kích toàn quyền Va - ren đầy âm mưu thủ đoạn, thất bại, đáng cười trc PBC; ca ngợi người a/h trc kẻ  thù xảo trá | * Kể theo (tg) * Sự đối lập tương phản tăng cấp |
| 6. | Một thứ quà ... ( Thạch Lam) | Ca ngợi và m.tả vẻ đẹp và gtrị của 1 thứ quà quê đặc sản mà quen thuộc | * Mtả + biểu cảm * Bút kí |
| 7. | SG tôi yêu ( Minh Hương) | T?c sâu đậm của tg đối với SG qua sự gắn bó lâu bền, am hiểu tường tận và cảm nhận tinh tế về thành phố này | * Bút kí, kể + tả + gthiệu + biểu cảm * Lời văn giản dị, sử dụng từ đp hợp lí |
| 8. | Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng) | Vẻ đẹp độc đáo của mùa xuân MB và HN qua nỗi sầu xa xứ của 1 người HN | Hồi ức trữ tình: Lời văn giàu h/a, giàu cảm xúc, giàu chất thơ, nhẹ, êm và cảm động |
| 9. | Ca Huế trên Sông Hương ( Hà Ánh Minh) | Gthiệu ca Huế - 1 sh và thú vui v.hóa rất tao nhã ở cố đô | VB gthiệu - thuyết minh: mạch lạc, giản dị |

# 7. Sự giàu đẹp của TV

**4. Hoạt động vận dụng**

* + Từ vựng TV tăng mỗi ngày 1 nhiều, những cách nói

mới : ốp - lếp, xê - mi - na, ...

# Những điểm chính về ý nghĩa của v.chương

* + Nguồn gốc cốt yếu của vc là lũng thương người và thương muôn vật, muôn loài
  + V.chương s.tạo ra sự sống, stạo ra những TG khác, những người, những vật khác

VD: + TG làng quê trong CD, TG " Truyện Kiều" với biết bao cảnh ngộ khác nhau: mơ màng, dữ dội, thanh tao, nhơ bẩn...

+ TG loài vật trong "Dế Mèn phiêu lưu kí" vừa quen vừa lạ

* + V.chương gây cho ta những t/c ta không có, luyện những t/c ta sẵn có

VD: Ta chưa phải rơi vào cảnh đê vỡ, chưa có dịp xa

nhà, xa quê lâu như Lí Bạch, chưa rơi vào cảnh túng

quẫn như Đỗ Phủ nhưng ta có thể đồng cảm, xúc động sẻ chia với họ: Có khi ấm ức, có khi lại vui...

# T/d của việc học NV lớp 7 theo hướng tích hợp

* + Hiểu đc kĩ từng phân môn hợ trong mối liên quan chặt chẽ và đồng bộ giữa V - TV - TLV
  + Nói và viết đỡ lúng túng hơn, ứng dụng đc ngay những kiến thức, kĩ năng của môn này để học môn kia

# Hướng dẫn hs tự làm

? Đọc thuộc lòng 1 bthơ hoặc đoạn văn mà em thích và cho biết vì sao em thích?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* + Học bài làm tiếp câu hỏi 10, hoàn thiện các kiên thức

- Cbị bài : Dấu gạch ngang( Đọc và tìm hiểu trước ví dụ, trả lời các câu hỏi gợi ý và xem các bài tập)

**Tuần 32** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 122: DẤU GẠCH NGANG

* 1. **Mục tiêu cần đạt :** *Hs cần*

1. **Kiến thức:** Hs nắm đc công dụng của dấu gạch ngang
2. **Kĩ năng:** Biết dùng dấu gạch ngang, phân biệt dấu gach ngang với dấu gạch nối
3. **Thái độ:** Gd ý thức sử dụng các dấu trong khi viết văn một cách hợp lí

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên****:* Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, phân tích mẫu, luyện tập- thực hành, phân tích mẫu
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, động não.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ?Công dụng của dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy? vd?
* Tổ chức khởi động: Gọi nhiều hs đưa ra câu trả lời về câu hỏi
* Em thường dùng dấu gạch ngang trong trường hợp nào?

# Hoạt động hình thành kiên thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Công dụng của dấu gạch ngang**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, luyện tập- thực hành, phân tích mẫu, dạy học nhóm * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm (3p)**   1. Trong mỗi câu trên dấu gạch ngang được dùng để làm gì? 2. Dấu gạch ngang có công dụng ntn? Lấy Vd?   **+vd1**: Bạn Tâm- lớp trưởng lớp 7b  **+Vd2**: Gần tối mẹ Bống về vào bếp hỏi:   * + Con mèo con ở đâu thế Bống?   + Bà mua cho con đấy! Con bế nó lên nhà cho đi ngủ, mẹ nhé?   **+Vd3**: Cuộc đua xe đường dài HN- Huế- TPHCM đó thu hút sự chú ý của rất nhiều người .  **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | Công dụng của dấu gạch ngangXét vd:  * + 1. Dùng để gt cho cụm từ “mùa xuân ơi”     2. Dùng để đánh dấu lời nói của nv     3. Dùng để liệt kê     4. Nối giữa PBC- Va ren   -> Công dụng   * Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích trong câu ( Vị trí thường đứng giữa câu) * Đặt ở đầu dũng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nv   **II- Phân biệt dấu gạch ngang và dấu** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ 2: Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,phân tích mẫu, dạy học nhóm * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận, động não. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **GV cho hs làm việc theo cặp (2p)**   1. Trong vd ở mục I dấu gạch nối giữa các tiếng trong từ Va-ren được dùng làm gì?Dấu gạch nối thường có ở những từ nào? 2. Dấu gạch nói có đặc điểm gì?Phân biệt dấu gạch nối với dấu gạch ngang?   **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | **gạch nối : 1.Xét vd:**   * Dùng để nối các âm tiết trong 1 từ * Thường có trong nhiều từ mượn * Đặc điểm: Dấu gạch nối thường ngắn hơn dấu gạch ngang   ***2. Ghi nhớ:*** |
| **3.Hoạt động luyện tập** | |
| **HĐ 3: Luyện tập**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập - thực hanh, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận * Năng lực : tự học, hợp tác ... Bài 1 làm theo nhóm 2p.   Bài 2 làm theo cặp 2p | **III. Luyện tập**  **Bài 1**:   1. Dùng để đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích 2. Dùng để đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích 3. Đánh dấu bộ phận g/thích và lời nói trực tiếp. 4. Nối liên danh 5. Nối liên danh   **2. BT 2**  Nối các tiếng trong từ phiên âm nc ngoài |

1. **Hoat động vận dụng** : Hoạt động theo nhóm 3p

?Em có hay dùng dấu gạch ngang không? Dùng trong trường hợp nào?Cho Vd?

# Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung GV nhận xét và chốt kiến thức.

1. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng:**

* Học bài, làm các BT còn lại. Chuẩn bị bài: Ôn tập TV

Các nhóm kí hợp đồng bài ôn tập tiếng Việt

# Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập - tự do – hạnh phúc

**Hợp đồng học tập**

## Phần ôn tập Tiếng việt

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhiệm vụ | Bắt buộc | Thời gian | Nhó m | Địa điểm | Đáp án | Hoàn thành | Đánh giá |
| Trả lời các câu hỏi trong phần ôn tập | x | 1  tuần | Các nhóm | Tại địa phương  , ở nhà |  |  |  |

**Tên tôi là:-----------------------------------------------------------------------------------**

**Chức vụ:** -----------------------------------------------------------------------------------

# Lớp:-----------------------------------------------------------------------------------------

Tôi đã hiểu rõ nội dung và nhiệm vụ, ý nghĩa của hợp đồng. Tôi cam kết sẽ cùng với tổ hoàn thành hợp đồng đúng thời gian quy định.

*Giáo viên ( kí, ghi rõ họ tên) Học sinh( kí, ghi rõ họ tên)*

**Tuần 32,34** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu:

**Tiết 123,129 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

1. **Kiến thức:** Hs hệ thống hoá kiến thức về câu, các dấu câu đã học.
2. **Kĩ năng:** HS rèn kĩ năng đặt câu, viết đoạn văn
3. **Thái độ:** Nghiêm túc, chăm chỉ trong học tập môn học

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Bài soạn , nghiên cứu tài liệu liên quan.
2. ***Học sinh:*** Ôn tập các kiến thức đã học, lập sổ tay văn học và làm các bài tập trong sgk

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, động não, hỏi-trả lời, sơ đồ tư duy.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ( trong quá trình ôn tập)
* Tổ chức khởi động: Các nhóm thi kể các kiểu câu đã học?

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Lí thuyết**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập - thực hanh, dạy học nhóm, trò chơi. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận, sơ đồ tư duy, hỏi- trả lời * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động nhóm 5p**   1. Có mấy cách phân loại kiểu câu đơn? Câu phân theo mục đích nói bao gồm những kiểu câu nào? 2. Câu phân theo cấu tạo gồm những kiểu câu nào? 3. Chỉ ra đặc điểm, mục đích của các kiểu câu đó?   **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.**  **Thảo luận cặp đôi 2p**  Vẽ sơ đồ về các kiểu câu đơn? | **I- Lý thuyết**  **1) Các kiểu câu đã học**  2 cách phân loại câu :  + Phân theo mục đích nói  + Phân theo cấu tạo  - Phân theo mục đích nói:  + Nghi vấn(để hỏi)  + Trần thuật(thuật lại sv)  + Cầu khiến( mong muốn người khác làm điều gì đó  + cảm thán(bộc lộ cx)   * Phân theo cấu tạo:   + Câu bình thường  + Câu đặc biệt   * Câu rút gọn:   + Trong khi nói hoặc viết người ta có thể lược bỏ 1 số thành phần cau để tạo thành câu rút gọn  + Lưu ý tuỳ từng trường hợp giáo tiếp mà rút gọn cho phù hợp   * Câu đặc biệt: Là loại câu cấu tạo không phân theo mô hình c-v   -Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu về mặt địa điểm, t/g, nơi chốn, cách thức…   * Dùng cụm c-v để mở rộng câu: Dùng kết cấu câu có hình thức giống như câu đơn bình thường gọi là cụm c-v để mở rộng thành phần câu   + Các tp được mở rộng: chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ…   * Chuyển đổi câu chủ động sang câu bị |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phân loại theo mục đích nói |  | Phân loại theo cấu tạo |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | động nhằm mục đích: liên kết các câu trong đoạn thành 1 đoạn văn thống nhất, tránh sự trùng lặp |  |
| Các kiểu câu đơn  Câu Câu Câu Câu Câu Câu nghi vấn Trần thuật Cầu khiến Cảm thán Bình đặc biệt  thường | |  |
| **Gv cho chơi trò chơi hái hoa dân chủ để hs ôn lại về dấu câu**   1. Kể tên những dấu câu đã học? 2. Dấu hiệu để nhận biết dấu chấm và dấu phẩy? 3. Cho biết công dụng của dấu chấm phẩy và dấu chấm lửng? 4. Dấu gạch ngang có công dụng gì? 5. Nó có gì khác với dấu gạch nối?   **Thảo luận cặp đôi 2p**  Vẽ sơ đồ về dấu câu?  **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | **2) Các dấu câu**  - Dấu chấm ,dấu phẩy, chấm phẩy, chấm lừng và dấu gạch ngang  + Dấu chấm: Đặt cuối câu và kết thúc 1 câu  + Dấu phẩy: Ngăn cách các bộ hận trong câu  + Dấu chấm phẩy: đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của 1 câu ghép phức tạp và giữa các bộ phận liệt kê  + Dấu chấm lửng: Tỏ ý còn nhiều sv, sv chưa liệt kê hết , lời nói còn bỏ dở, ngắt quãng, làm giãn nhịp điệu câu văn  + Dấu gach ngang: Đặt ở giữa câu đánh dấu bộ phận chú thích, đặt ở đầu dòng đánh dấu lời nói trực tiếp hoặc liệt kê, nối các liên danh từ trong 1 liên danh  + Dấu gạch nối không là dấu câu, ngắn hơn dấu gạch ngang. |  |
| CÁC DẤU CÂU  Dờu chấm Dấu phẩy Dấu chấm Dấu chấm Dấu gạch  phẩy lửng ngang | |  |
| GV cho hs làm việc cá nhân (2p) | **3) Liệt kê** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Thế nào là phép liệt kê? 2. Có các kiểu liệt kê nào?   Hs trình bày, hs khác nhận xét , bổ sung . | - Liệt kê là sự sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn đạt được đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.  + Xét theo cấu tạo có kiểu liệt kê thoe từng cặp và không theo từng cặp  + Xét theo ý nghĩa có kiểu liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến. |
| **HĐ 2: Bài tập**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập - thực hanh, dạy học nhóm * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận . * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động nhóm bài tâp 1,2**   * Cho đoạn văn sau:   *Một ngày đối với chú bé Tin thật là khinh khủng ốm đau nôn mửa tất cả diễn ra trong sự vật lộn của em chao ôi chú bé đã ra đi dịch bênh sự bỏ bê của gia đình đã cướp em khỏi cuộc đời*   1. Hãy điền những dấu câu em cho là thích hợp vào đoạn văn? 2. Tìm những câu đặc biệt trong đoạn văn trên? Tác dụng của câu đặc biệt trên?   **Đại diện nhóm trình bày, nhóm nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.** | **II- Bài tập**  **\* BT 1, 2**:  Một ngày đối với chú bé Tin thật là khinh khủng. Ẩm. Đau. Nôn mửa… Tất cả diễn ra trong sự vật lộn của em. Chao ôi!  Chú bé đã ra đi. Dịch bênh. Sự bỏ bê của gia đình đã cướp em khỏi cuộc đời.  - Ốm. Đau. Nôn mửa. Chao ôi! Dịch bệnh. |

# Tiết 129

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy & trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 . Các phép biến đổi câu**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi- trả lời. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   Gv sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời cho hs trao đổi.  ? Nêu tên các phép biến đổi câu nàođã học? Kể tên cụ thể?  **Hoạt động nhóm 5p**  1. Thế nào là rút gọn câu?Lấy vd minh hoạ? | **I. Các phép biến đổi câu**   * Thêm bớt thành phần câu * Chuyển đổi kiểu câu   **1. Thêm bớt thành phần câu**  a) Rút gọn câu |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Việc thêm trạng ngữ cho câu nhằm mục đích gì?Cho vd? 2. Thế nào là dùng cụm c-v để mở rộng câu?Cho vd? 3. Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động nhằm mục đích gì? Cho vd? **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx,bổ sung**   **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | - Khi nói, viết có thể lược bỏ thành phần câu  VD: Học an học nói học gói, học mở  b) Mở rộng câu   * Xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân….diễn ra sv nêu trong câu   VD: mùa xuân 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng   * Dùng cụm c-v mở rộng câu: Khi nói viết có thể dùng cụm từ có hình thức như câu đơn bình thường đê mở rộng câu   VD: Cụ Mết chân đi giày  **2. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động**  - Mục đích: Liên kết các câu trong đoạn thành 1 mạch văn thống nhất  VD: Cái Nhung chêu thằng Tú  -> Thằng Tú bị cái Nhung chêu. |
| **HĐ 2 . Các phép tu từ cú pháp**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi chuyên gia * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi 2p**  ? Thế nào là điệp ngữ? Cho vd?  ? Điệp ngữ có tác dụng ntn?  ? Thế nào là phép liệt kê? Cho vd?  **Đại diện cặp trình bày, cặp khác nx,bổ sung**  **GV nhận xét và chốt kiến thức.** | **II. Các phép tu từ cú pháp**  **1. Điệp ngữ**   * Là dùng biện pháp lặp lại từ ngữ * Tác dụng: Làm nổi bật ý, gây cx mạnh   **2. Liệt kê**  - Là sự sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ, cụm từ cùng loại đẻ diến tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế tư tưởng, tình cảm.  VD: Các môn học của chúgn ta gồm: Văn, toán… |
| **3. Hoạt động luyện tập:** | |
| * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động nhóm bài tâp 1,2,3** | \* BT 1:  Câu rút gọn: Trông từ xa lêu khêu như cái bóng khuất dần sau lũy tre |

# Hoạt động vận dụng:

? Hãy viết đoạn văn (chủ đề tùy chọn) trong đó có sử dụng các kiểu câu và dấu câu đã học

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Ôn tập kĩ lại toàn bộ kiến thức
* Xem và làm các bài tập còn lại
* Lập sổ tay văn học
* Chuẩn bị: vb báo cáo (hs viết 1 văn bản báo cáo về tình hình học tập của em trong học kì I với cô giáo chủ nhiệm)

**Tuần 33** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu:

* + 1. **Kiến thức:**

**Tiết 127, 128**: **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

+ Hệ thống hóa và củng cố lại những khái niệm cơ bản về văn bản biểu cảm và văn bản nghị luận

# Kĩ năng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên vb | Tác giả |
| 1 | Cổng trường mở ra | Lí Lan |
| 2 | Mẹ tôi | E -Đ.Amixi |
| 3 | Một thứ quà  ….cốm | Thạch Lam |
| 4 | Mùa xuân của tôi | Vũ Bằng |
| 5 | Sài Gòn tôi yêu | Minh Hương |

+ Nhận diện vb, nhận diện được các bước làm văn

+ Phân biệt được luận đề, luận cứ…Nhận xét đánh giá, so sánh được các loại vb

# Thái độ:

+ Nghiêm túc, tự giác trong học tập bộ môn

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

* + 1. ***Giáo viên****:* Bài soạn .Tích hợp với kiến thức đã học
    2. ***Học sinh:*** Soạn và chuẩn bị bài ở nhà

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, sơ đồ tư duy

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: - gv kiểm tra sự chuẩn bị vb của hs
* Tổ chức khởi động :

Chiếu 1 số đoạn văn ngắn cho hs đoán phương thức biểu đạt ?

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy & trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 .Văn biểu cảm**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận, hỏi- trả lời, sơ đồ tư duy. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm 5p**  Trả lời các câu hỏi để hoàn thiện bài 1,2,3.   1. Vb nào khiến em thích nhất ?Vì sao? 2. Vậy đặc điểm của vb biểu cảm là gì? 3. Trong văn biểu cảm yếu tố miêu tả , tự sự đóng vai trò gì?   **Đại diện nhóm trình bày, nhóm nx, bổ sung.**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | **I. Văn bản biểu cảm**  Bài 1:  \* BT 2:   * Đặc điểm: Biểu đạt tư tưởng, tình cảm thái độ, cách đánh giá của người viết đối với thế giới xung quanh, gợi sự đồng cảm nơi người đọc. * Tình cảm tốt đẹp, trong sáng, gợi tình yêu thương con người, thiên nhiên, ghét thói tầm thường…. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thảo luận cặp đôi 2p Bài 4**   1. Muốn bày tỏ tình cảm, sự ngưỡng mộ đối với 1 con người, sv, hiện tượng… ta cần nêu những gì? 2. Lấy dẫn chứng và phân tích 1 dẫn chứng để làm rõ điều trình bày?   **Đại diện cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung,**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.**  **Hoạt động cá nhân 2p**  Bài 5  1. Hãy cho biết những phương tiện thường dùng trong văn biểu cảm là gì? 2.Lấy vd minh hoạ bằng những vb đã học  **HS trình bày**  **Thảo luận nhóm 5p**  - xây dựng sơ đồ tư duy về nội dung, mục đích, phương tiện trong văn bản biểu cảm  **Đại diện nhóm trình bày, nhóm nx, bổ sung.**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | \* BT 3:   * Miêu tả giúp hình dung ra sự vật để khơi gợi tình cảm, cảm xúc * Tự sự giúp người ta tháy diễn biến ra sao gợi cảm xúc thế nào?   \* BT 4:  - Cần nêu được vẻ đẹp bên ngoài, đặc điểm bên trong của đối tượng  + Con người: Ngoại hình, cử chỉ, tính cách…  + Cảnh vật: Vẻ đẹp riêng, ấn tượng…  + Đồ vật, con vật: Đặc điểm bên ngoài, tính cách, phẩm chất bên trong, công dụng, mối quan hệ ra sao đ/v con người?...  VD: Sự ngưỡng mộ mẹ:  + Mẹ giản dị và lịch sự, không đẹp rạng ngời nhưng đôn hậu thuần khiết  + Dáng người mẹ nhỏ nhắn, thon thả, mềm mại  + Bàn tay nhiều vệt gân xanh nhưng dịu dàng, ấm áp đến lạ kì.  + Nụ cười hồn hậu thân thiện, khó quên…  \* BT 5:  - Những phương tiện thường dùng trong văn biểu cảm:  + So sánh, liên tưởng đối lập, tương phản, điệp ngữ, nhân hoá…  VD: Sài Gòn tôi yêu và mùa xuân của tôi  \* BT 6: |
| *Nội dung biểu cảm* | *Nội dung cảm xúc, tâm trạng…của người viết* |
| *Mục đích biểu cảm* | *-Thấy rõ được nội dung biểu cảm và cách đánh giá người viết* |
| *Phương tiện biểu cảm* | *- So sánh, tương phản…* |

# Tiết 128

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy & trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 .Văn bản nghị luận**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận, hỏi- trả lời, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi 2p Câu 1,2,3**  **Đại diện cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung,**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.**  **Thảo luận nhóm 5p Câu 4,5,6**  **Đại diện cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung,**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | **II- Văn bản nghị luận**  Câu 1:  1/ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta 2/ Sự giàu đẹp của TV  3/ Đức tính giản dị của Bác Hồ 4/ Ý nghĩa văn chương  Câu 2   * Hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ, không vứt rác bừa bãi, tầm quan trọng của việc học ngoại ngữ =>Thường giải thích, chứng minh   **Câu3**   * Văn NL gốm những yếu tố: Luận đề, luận điểm. Luận cứ, cách lập luận * lập luận muốn sắc bén tuỳ thuộc và người viết   **Câu4**   * Câu a,d là lđ vì nội dung rõ ràng, chân thực, có giá trị thực tế   b là câu cảm thán  c chưa đầy đủ, chưa rõ ý  **Câu 5**   * văn chứng minh: Luận điểmvà d/c là quan trọng nhưng chưa đủ, cần cả lí lẽ, cách lập luận * Đưa d/c và phân tích d/c chi tiết mới đạt y/c   **Câu 6**   * Giống nhau; Chung luận đề “ lòng biết ơn người ta hưởng thành quả, hạnh phúc ngày nay * Khác đề a: Giải thích đề b: Chứng minh   + đề a: Ttrả lời tại sao, nghĩa là gì, giải |

# Hoạt động vận dụng:

Nói tích cực 1 đoạn văn viết theo ptbđ tự chọn.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Nắm vững các yếu tố cơ bản trong văn nl
* Làm đề tham khảo tr/ 140, 141
* Chuẩn bị bài ôn tập kiểm tra tổng hợp ( Xem lại kiến thức và làm các bài tập trong sgk)

**Tuần 34** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu

**Tiết 130**:**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

* + 1. **Kiến thức:**

+ Biết cách làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm với kiến thức của 3 phân môn: Văn – TV – TLV một cách đầy đủ, khoa học theo hình thức tự luận trong thời lượng 90 phút;

+ Củng cố kiến thức đã học

# Kỹ năng:

+ Tổng hợp, hệ thống, khái quát được kiến thức đã học.

+ Có phương pháp làm bài hiệu quả nhất

* + 1. **Thái độ:** Có ý thức học tập nghiêm túc môt học, làm tốt bài KT học kì

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên****:* Bài soạn ;Tích hợp với kiến thức đã học
2. ***Học sinh:*** Soạn và chuẩn bị bài ở nhà

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi-trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: ( trong quá trình hướng dẫn)
* Tổ chức khởi động

# Hoạt động luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 . Phần Văn**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm, chơi trò chơi. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi 3p Phần văn**  ? Hãy cho biết các văn bản em đã học có thể xếp thành các nhóm vb ntn ?  **HĐ 2 . Phần Tiếng Việt**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận,sơ đồ tư duy * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm 5p Phần tiếng Việt**  **Đại diện cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung,**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức HĐ 3 . Phần Tập làm văn**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận nhóm 5p Phần tập làm văn**  **Đại diện cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung,**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức** | **I- Phần Văn**   1. Ca dao- tục ngữ 2. Thơ trữ tình trung đại và hiện đại Việt Nam và nước ngoài 3. Các tác phẩm văn xuôi 4)Văn nghị luận   **II- Phần Tiếng Việt**   1. Các kiểu câu, các thành phần câu 2. Các biện pháp tu từ 3. Các dấu câu  Tập làm văn  * 1. Văn biểu cảm   2. Văn nghị luận:   + NL Chứng minh  + NL giải thích  **Đề 1**: Chứng minh dựa trên d/c trong vb . Viết được đoạn văn đã học, chọn được d/c tiêu biểu  **Đề 2**: Văn biểu cảm, biểu đạt tình cảm cx của mình trước kỉ niệm về loài cây, người thân, con vật….   * Thể loại: Biểu cảm * Cách làm vb biểu cảm theo 3 phần: |

# Hoạt động vận dụng:

? Theo em muốn làm tốt bài kiểm tra cuối năm em và các bạn cần phải học ntn? Vì sao?

* Gv giải đáp các thắc mắc ( nếu có) của HS

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

**-** Ôn tập kĩ các kiến thức đã học để chuẩn bị cho kỳ thi KSCL

* Tìm đọc,tham khảo các đề thi của những năm trước
* Tập viết đoạn văn và bài văn dưới các dạng bài và xem kĩ lại các KT đã học.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Tiết 131, 132** ( thi theo lịch của PGD)

# KIỂM TRA HỌC KÌ II

* 1. **Mục tiêu**

**1 Kiến thức:**

* Củng cố kiến thức của 3 phân môn Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Từ kết quả của bài kiểm tra, học sinh biết được tình hình học tập bộ môn của bản thân từ đó có hướng học tập và rèn luyện trong hè và năm học tới

# Kĩ năng:

* Làm được bài kiểm tra vận dụng các kiến thức đã học của từng phân môn

# Thái độ:

* Nghiêm túc, tự chủ, độc lập trong thi cử.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự giác

# Hình thức kiểm tra

Tự luận

# Ma trận đề kiểm tra

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Bậc thấp** | **Bậc cao** |
| **1. Đọc - hiểu**  **văn bản**  - Văn học dân | Chép lại  theo trí nhớ 2 câu ca dao | Hiểu được ý  nghĩa nhan đề của một tác |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| gian  - Văn học hiện đại | ; 2 câu tục ngữ trong chương trình Ngữ Văn 7 | phẩm truyện hiện đại hoặc nghệ thuật lập luận trong một văn bản nghị luận đã học. |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm, tỉ lệ* | *0 1*  *1,0 đ = 10%* | *0 1*  *2,0 đ = 20%* |  |  | *0 1*  *3,0 đ=*  *30%* |
| **2. Tiếng Việt**   * Câu mở rộng thành phần; * Câu chủ động, câu bị động; * Câu đặc biệt. |  |  | Viết một đoạn văn về chủ đề gia đình.  Trong đoạn văn có sử  dụng một trong các kiểu câu đã học. |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm, tỉ lệ* |  |  | *0 1*  *2,0 đ = 20%* |  | *0 1*  *2,0 đ =*  *20%* |
| **3. Tập làm văn**  - Văn nghị luận |  |  |  | Viết một bài văn nghị luận có sử dụng phép lập luận giải thích, chứng minh. |  |
| *Số câu*  *Số điểm, tỉ lệ:* |  |  |  | *0 1*  *5,0 đ= 50%* | *0 1*  *5,0 đ =*  *50%* |
| **Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ** | **01**  **1,0 điểm**  **10%** | **01**  **2,0 điểm**  **20%** | **01**  **2,0 điểm**  **20%** | **01**  **5,0 điểm**  **50%** | **04**  **10**  **điểm 100%** |

# IV.Đề kiểm tra

**Câu 1**: **(1 điểm)** Chép lại theo trí nhớ 2 câu ca dao ; 2 câu tục ngữ trong chương trình Ngữ Văn 7 mà em thích nhất ?

**Câu 2: (2 điểm)** Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề của truyện ngắn hiện đại Việt Nam “ Sống chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn?

**Câu 3**: **(2 điểm)** Viết một đoạn văn về chủ đề gia đình. Trong đoạn văn có sử dụng một số các kiểu câu đã học( ít nhất 2 kiểu câu trong số các kiểu câu: câu rút gọn, câu đặc biệt; câu chủ động, câu bị động). Gạch chân dưới những câu đó.

**Câu 4**: **(5 điểm)** Hãy chứng minh rằng người mẹ có một vai trò hết sức quan trọng đối với cuộc đời mỗi người?

# V- Hướng dẫn chấm , biểu điểm

**Câu 1:(1 điểm)** Học sinh chép theo ý thích đủ mỗi chủ đề 2 câu(mỗi chủ đề đúng 0,5 điểm)

**Câu 2( 2 điểm) -** Nhan đề của truyện là một câu thành ngữ. Từ đó tố cáo sự vô trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm, vô nhân tính của viên quan phụ mẫu( quan cha mẹ của dân) Đồng thời cho thấy giá trị hiện thực của truyện ngắn.

# Câu 3( 2 điểm)

* Đảm bảo hình thức 1 đoạn văn
* Đúng chủ đề gia đình

-Lồng ghép phù hợp đơn vị Tiếng Việt vào đoạn văn

* Văn viết linh hoạt, sáng tạo....

**Câu 4:**(5điểm )

Bài văn cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

* Về kĩ năng:

+ Nhận diện và làm đúng kiểu văn nghị luận chứng minh.

+ Sử dụng linh hoạt các kiểu câu.

+ Có sử dụng các phép tu từ đã học

+ Văn viết có cảm xúc, lời văn rõ ràng.

* Về kiến thức Bài viết đủ ý:

+ MB:Nêu vai trò quan trọng của người mẹ.

+ TB: Chứng minh

Mẹ có công sinh thành Mẹ có công nuôi dưỡng Mẹ có công giáo dục

+ KB: Biết ơn và đền đáp ơn sâu của tình mẫu tử là đạo lý làm người mà ai cũng phải nhớ.

1. **Củng cố:** GV thu bài, nx ý thức làm bài của hs
2. **Dặn dò:** - Xem lại bài kiểm tra

* Cb: Chương trình địa phương ( Phần Văn và TLV, đọc kĩ sách địa phương, tìm hiểu kĩ trước bài học)

**Tuần 35** Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 133, 134: Chương trình địa phương phần văn và tập làm văn (t.1)

1. **Mục tiêu**
   1. **Kiến thức:** hiểu biết sâu rộng hơn địa phương mình về các mặt đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, truyền thống hiện nay.
   2. **Kĩ năng:** Sưu tầm tài liệu và khả năng nhận biết, phân biệt.
   3. **Thái độ:** Lòng yêu quê hương đất nước, giữ gìn và phát huy bản sắc và tinh hoa của địa phương mình trong sự phát triển của đất nước.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Bài soạn ;Tích hợp với kiến thức đã học
2. ***Học sinh:*** Soạn và chuẩn bị bài ở nhà

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành, trực quan, thực tế
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, hỏi-trả lời.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra:
* Tổ chức khởi động :

Xem clip các tiỉnh đồng bằng bắc bộ , cho hs đoán ?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 . Tổ chức tham quan Đồng bằng bắc Bộ**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- thực hành, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động nhóm 3p**  Gv cho hs xem 1 clip tham quan? Em biết gì về Sông Hồng? nx gì về cảnh vật ở đó?  ? Hãy tìm những câu ca điệu hát về dòng sông Hồng mà em biết?  **Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx bổ sung.**  **Gv nhận sét và bổ sung**  Đây là nơi thắp lên bao câu ca, điệu hát, dòng sông cũng là nguồn cảm hứng vô tân cho biết bao thi sĩ, văn nhân xưa và nay  GV cung cấp thêm 1 số câu thơ, bài hát viết về Hưng Yên cũng như ĐBBB để hs nắm được | **1. Tổ chức tham quan Đồng bằng bắc Bộ**   * Sông Hồng là con sống lớn thứ 2 trên cả nước, con sông lớn nhất ĐBBB này chảy qua khá nhiều vùng đất ở miền Bắc, phù sa màu mỡ. * Cảnh vật thơ mộng, đẹp, trù phú khơi gợi nguồn cảm hứng của biết bao thế hệ văn sĩ... |
| **HĐ 2 . Giới thiệu văn học dân gian địa phương**  - PPDH: vấn đáp- gợi mở,luyện tập- | **2. Giới thiệu văn học dân gian địa phương** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Ca dao | Tục ngữ | Thành ngữ | Các thể loại khác |  |
|  | Hỡi cô tát  nước..đây | Ăn quả nhớ...cây | Chưa được..chuồng | Hát chèo.. |  |

# Tiết 134

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên và học sinh** |  |  | **Nội dung kiến thức** |
| Gv sử dụng trò chơi ô chữ cho hs tìm ẩn số gv chia lớp làm 2 đội và giới hạn chủ đề. đặc biệt là người phụ nữ HY, cử thư kí làm chủ  ô chữ, gv điều khiển theo hàng ngang |  |  | **I- Tổ chức thi về đất và người Hưng Yên** |
| Hàng ngang số 1: ( gồm 11 chữ cái): Người phụ nữ được nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng lao động thuỷ lợi tại Hùng Cường- Kim Động?  Hàng ngang số 2: ( gồm 9 chữ cái): Lương y nổi tiếng dưới thời Trịnh Nguyễn quê ở tỉnh ta, ông là ai?  Hàng ngang số 3: ( gồm 11 chữ cái): Người từng giữ chức thứ trưởng bộ văn hoá thong tin người Ngọc thanh- Kim Động  Hàng ngang số 4: ( gồm 8 chữ cái): Hải Hưng xưa gồm tỉnh ta và tỉnh nào ngày nay? Hàng ngang số 5: ( gồm 11 chữ cái): Bà được phong tặng danh hiệu anh hùng lao động thuỷ lợi tại Tiên Lữ? Bà là ai?  Hàng ngang số 6: ( gồm 11 chữ cái) Một người phụ nữ tài ba, tác giả của bản dịch Chinh phụ ngâm. bà là ai?  Hàng ngang số 7: ( gồm 7 chữ cái): Tên gọi xưa của tỉnh ta là gì?  P H A M T H I V A C H L Ê H Ư U T R A C  T R Â N Đ I N H H O A N H A I D Ư Ơ N G  N G Y Ê N T H I T Y  Đ O A N T H I Đ I Ê M P H Ô H I Ê N | | | |
| Gv cho hs đọc vb “Bâng khuâng quan họ” để hs tham khảo và thảo luận với bạn trình |  |  | **2) Sưu tầm về văn hoá địa phương** |

|  |  |
| --- | --- |
| bày:  - Hãy kể tên một số làn điệu quê mình thường sinh hoạt? Em biết gì về những làn điệu ấy?  Hs trình bày, gv cho hs xem trên máy chiếu để bổ sung kiến thức | - Một số làn điệu: Chèo, tuồng, quan họ, dân ca Bắc Bộ... |
| ? Em hãy kể tên một số danh nhân mà em biết ở Hưng Yên được nhiều người biết đến về được ghi danh trong sử sách trên mọi lĩnh vực?  GV y/c một số hs báo cáo kết quả mà mình sưu tầm được, cung cấp cho hs một số thông tin và mở rộng đến gia đình Nguyễn Lân(9 người làm giáo sư) | **3) Tìm hiểu về một số danh nhân tiêu biểu của Hưng Yên**   * Hải Thượng Lãn Ông(Lê Hữu Trác):Danh y tiêu biểu ở cuối thế kỉ XVIII, đầu tk XIX, người tìm ra hơn 300 loài thảo dược và tập hợp thành cuốn sách Hải Thượng Tông lĩnh tâm y * Đoàn Thị Điểm: Nữ sĩ tài danh , là người tài sắc vẹn toàn, nhà thơ , dịch giả tiêu biểu ở thế kỉ XVII. |

# Hoạt động luyện tập:

Nói tích cực cảm nhận về địa phương mình đang sinh sống và học tập?

# Hoạt động vận dụng

? Hãy trở thành 1 hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về phong cảnh quê hương.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức:

* + Tìm đọc thêm các tài liệu và xem trên mạng về văn học địa phương Hưng Yên
  + Sắp xếp lại kết quả sưu tầm và tập hợp báo cáo nộp lại cho gv theo mẫu.

-Xem lại bài học và tiếp tục sưu tầm các thể loại vhọc.

**Tuần 35** Ngày soạn: Ngày dạy:

# I- Mục tiêu 1.Kiến thức:

**Tiết 135**: **HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN**

+Tập đọc được đúng dấu câu, rõ ràng diễn cảm các vb NL

# Kĩ năng:

+ Đọc được chuẩn, to , rõ ràng

# Thái độ:

+Nghiêm túc khắc phục cách đọc ngọng, phát âm ngọng, lúng túng.

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu liên quan, bảng phụ... Tích hợp với vb đã học( Tinh thần yêu nước của nhân dân ta và Đức tính giản dị của Bác Hồ.
   * Phương pháp: nêu vấn đề, vấn đáp, thảo luận, gợi mở
2. ***Học sinh:*** Đọc kĩ các vb ở nhà

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* + PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành,
  + KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, khăn trải bàn.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: :- Hãy kể tên các vb nghị lụân đã học? Cho biết tác giả của những vbản đó?
* Tổ chức khởi động

Những yêu cầu nào khi nói và đọc văn bản?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1. Yêu cầu cách đọc văn nghị luận**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận, khăn trải bàn. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi 2p**   1. Hiểu thế nào là đọc đúng? 2. Muốn đọc hay phải làm thế nào?   ? Vậy theo em, đọc vb nghị luận cần chú ý điều gì so với những vb khác?  1. HiÓu thÕ nµo lµ ®äc ®óng?  **Đại diện cặp trình bày , cặp khác nhận xét, bổ sung.**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | **1) Yêu cầu cách đọc văn nghị luận**   * Đọc đúng: Phát âm chuẩn chính tả, ngắt nghỉ phù hợp, rõ ràng. * Đọc hay: Trước hết phải đọc đúng đọc diễn cảm, thể hiện được ý đồ của người viết. * Văn nghị luận: đọc phải thể hiện được luận điểm rõ ràng và làm nổi bật bằng giọng điệu các luận điểm đó. |
| **HĐ 2. Các cách đọc**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở,... * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động cá nhân 1p**  **? Theo em chúng ta có thể có những** | **2) Cách cách đọc**  - Đọc cá nhân, đọc chậm -> nhanh |

|  |  |
| --- | --- |
| **cách đọc nào?**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung GV nhận xét và chốt kiến thức | * Đọc nhóm: 1 bạn đọc to cho cả nhóm nghe, cảm nhóm cùng đọc * Đọc tập thể,... |
| **HĐ 3. Tổ chức đọc**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Thảo luận cặp đôi 2p**  Vb: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”   * Cả vb cần đọc với giọng ntn? * Đọc cá nhân * Đọc nhóm: 1 bạn đọc to cho cả nhóm nghe, nx * Đọc tập thể... 1 số học sinh đọc, nhận xét GV nhận xét, chốt | **3. Tổ chức đọc**  - Giọng chung cả bài: hào hùng, phấn chấn, dứt khoát, rõ ràng. |

# Tiết 136

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1. Luyện các cách đọc**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   Vb:“ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta“ và tự đọc bằng mắt.  **Thảo luận theo cặp(1p)**  ? Đọc thầm theo em có tác dụng gì?  **Đại diện trình bày, hs khác nx, bổ sung, Gv nhận xét, bổ sung.**  **- Hoạt động theo nhóm 5p**  Nhóm trưởng phân công từng bạn đọc từng đoạn và nhận xét  ? Đoạn mở bài em cần nhấn mạnh vào từ ngữ nào trong 2 câu đầu?  ? Câu 3 có các vế trạng ngữ cụm c-v ta sẽ sử dụng cách đọc nào? | Luyện các cách đọc  * 1. Đọc thầm   vb: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”  - Đọc thầm để hiểu, nắm bắt thông tin và tự cảm nhận vb mà không làm ảnh hưởng đến người khác.  b) Đọc nhóm, nghe đọc  - Đoạn Mb:  + Nhấn mạnh từ nồng nàn để khẳng định chắc lịch tinh thần yêu nước.  + Câu 3: ngắt nhịp đúng, giọng đọc khỏe, nhanh dần: “sôi nổi, kết thành, mạnh mẽ”  + Câu tiếp: nhấn mạnh từ: “ có” giọng liệt kê, giảm cường độ, chú ý các NT đảo. |

# Hoạt động luyện tập

Thi đọc 1 số đoạn văn

# Hoạt động vận dụng

Hãy hướng dẫn mọi người cách đọc và nói?

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

**-** Xem lại các vb nghị luận

* Đọc nhiều lần cho nhiều người và đề nghị họ nhận xét giúp mình
* Tự đọc bằng nhiều cách
* Chuẩn bị giờ sau đọc tiếp
* Tập đọc nhiều lần vb và sách báo để luyện chính tả và cách phát âm
* Chuẩn bị: Luyện chính tả

# ============================

**Tuần 36**. Ngày soạn: Ngày dạy:

# Mục tiêu

**Tiết 137**: **Chương trình địa phương phần tiếng việt**

1. **Kiến thức:** Khắc phục được 1 số lỗi sai chính tả do ảnh hưởng của địa phương
2. **Kĩ năng:** Viết, nói được đúng chính tả
3. **Thái độ:** Chăm chỉ rèn luyện, sửa sai

# Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: tự tin, tự chủ

# Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên*** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu, bµi luyÖn vµ tÝch ®/s, bảng rèn luyện chính tả
2. ***Học sinh:*** Đọc kĩ các vb ở nhà

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành,
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: (Trong quá trình rèn luyện)
* Tổ chức khởi động :

Đoán xem đoạn văn nào mắc lỗi sai ? chỉ ra lỗi sai đó?

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 . Các lỗi thường gặp và cách khắc phục**   * PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành. * KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận. * Năng lực : tự học, hợp tác ...   **Hoạt động theo cặp(1p)**  ? Trong viết em thấy mình hay mắc các lỗi chính tả ntn?  **Đại diện trình bày, cặp khác nx, Gv nhận xét, chốt kiến thức**.  **Hoạt động nhóm 5p**  ? Điền l hoặc n sao cho đúng vào những từ còn thiếu sao: ..oạc choạc, ...oai choai,...oan bóa,...ưu,...oát.  ? Vậy làm thế nào để nhận biết được phải dùng l?  ? Cho VD?  ? điền l/n vào những từ láy sau: o ê, ườm ượp, ao ung, anh ẹ  ? Gặp 1 chữ không phân biệt được l/n thì làm thế nào?  ? Chọn l/n điền vào cho phù hợp: ệt bệt, ục cục, ộp độp, oay, hoay, ách chách, ưng xăng, êu tuê, ởn vởn, ăng nhăng.  ? Có thể có ngoại lệ không?  ? Lấy ví dụ?  ? Mẹo nào để phân biệt n?  ? Cho ví dụ?  **Đại diện các nhóm trình bày , nhóm khác nhận xét, bổ sung.**  **Gv nhận xét, chốt kiến thức.** | **I. Các lỗi thường gặp**   * Việt sai, không đúng * Viết thiếu nét * Đặt sai câu.   II. Cách khắc phục – Viết đúng  1) Cách phân biệt l/n cách khắc phục Loạc choạc, loai choai, noan báo, lưu oát  - L đúng trước âm đêm, còn n thì không  VD: n không bao giờ đứng trước 1 vần bắt đầu: oa, ùa, oe, uê,...  Không có hiện tượng láy giữa l/n no nê, nườm nượp, lao lung, lanh lẹ  -Tạo 1 từ lấy không điệp âm đầu. Nếu nó đứng trước thì là l   * Điền l * Có   VD: chói lọi, khéo léo  \* Mẹo phân biệt n:  - Những từ có gần nghĩa với nó bắt đầu bằng đ |

# Tiết 138

|  |  |
| --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña thÇy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1 . Cách khắc phục- viết đúng**  - PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, | **II. Cách khắc phục – Viết đúng** |

luyện tập- thực hành.

* + KTDH: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận.
  + Năng lực : tự học, hợp tác ...

# Hoạt động nhóm 5p

? hãy điền ch và tr sao cho đúng?

...Ong ...óng, ...ong.. ẻo, .. âu..êu, con ...âu,

..èo bẻo, ...ích ...òe.

„ông lão tám mươi tuổi mới sinh con trai nói rằng không phải con ta vậy nhà của ruộng vườn giao cho con gái, con rể người ngoài không được tranh giành.

* Con rể chiếm tài sản con trai kiện trước quan. Con rể đọc đi chúc và sử dụng dấu phẩu như sau:

Ông lão... con trai, nói.. vậy, nhà của

...ngoài

Con trai đặt dấu phẩu như sau: ông lão ... gọi là Phi, con ta vậy, nhà của ..giao cho, con giá, con rể là người ngoài, không được tranh giành.

Ai là người đặt đấu đúng? Vì sao?

# Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, Gv nhận xét, chốt

**Chơi trò chơi**

**Chọn 2 đội , mỗi đội 5hs .**

**Đội nào xong trước và đúng là đội chiến thắng.**

Cho 5 từ sau: Hãy ghép thành những câu hoàn chỉnh, không thêm, bớt?

Nó, bảo, anh, đi, không

# Cách phân biệt tr – ch

Chong chóng, trong trẻo, châu chấu, con trâu, chèo bẻo, chích chòe.

# Tiếng việt vui

* Con trai là người đặt hợp lí vì hết ý mới đặt dấu phẩy, không đặt bừa bãi.

# Hoạt động luyện tập

Thi “ ai nhanh hơn”để rèn luyện chữ n/l, tr/tr, d/r/gi...

# Hoạt động vận dụng:

Hãy hướng dẫn mọi người cách viết, nói đúng chính tả.

# Hoạt động tìm tòi, mở rộng

* Nắm chắc cách viết chính tả đặc biệt là 2 âm l/n
* Làm 1 số bài tập trong sgk
* Nắm vững bài luyện để phân biệt được 1 số lỗi chính tả thường gặp
* Chuẩn bị: Trả bài tổng hợp

Ngày soạn: Ngày dạy:

# I- Mục tiêu

**Tiết 139, 140: trả bài kiểm tra học kì II**

1. Kiến thức: Nhận thức rõ kiến thức bài kiểm tra phần văn, Tiếng Việt, Tập làm văn.
2. Kĩ năng: Phân tích bài làm về nội dung, hình thức, chữa bài theo nhận xét của giáo viên.
3. Thái độ: Nhận thức được rõ hơn 1 số kiến thức
4. Năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

+ Phẩm chất: Tự tin, tự chủ

# II- Chuẩn bị:

1. ***Giáo viên:*** Soạn bài, phân loại bài kiểm tra
2. ***Học sinh:*** Xem lại đề kiểm tra

# Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

* PPDH: vấn đáp- gợi mở, dạy học nhóm, luyện tập- thực hành,
* KTDH: Thảo luận, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ.

# Tổ chức các hoạt động học tập

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số
* Kiểm tra: (không)
* Gv giới thiệu bài học

# Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Đề bài gồm mấy câu?  ? Hãy nhắc lại đề bài từng câu ? | **I- Đề bài (4 câu)**  **Câu 1**: Chép lại theo trí nhớ 2 câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất; 2 câu tục ngữ về con người và xã hội mà em thích nhất.  **Câu 2:** Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề của truyện ngắn hiện đại Việt Nam “ Sống chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn.  **Câu 3**: Viết một đoạn văn về chủ đề gia đình. Trong đoạn văn có sử dụng một trong các kiểu câu đã học( câu đặc biệt; câu chủ động, câu bị động)  **Câu 4**: Hãy chứng minh rằng người mẹ có một vai trò hết sức quan trọng đối với cuộc đời mỗi người? |

Gv nêu yêu cầu

?Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề của truyện ngắn hiện đại Việt Nam “ Sống chết mặc bay” của nhà văn Phạm Duy Tốn.

?Đoạn văn cần đảm bảo được yêu cầu gì? Hs trình bày quan điểm, gv chốt

?Bài văn cần đảm bảo những yêu cầu nào về mặt hình thức và nội dung?

Gv gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ:

? Theo em đề bài trên thuộc kiểu văn gì?

? vấn đề chứng minh của vb là gì?

? Cần trình bày vb ntn?

? Mở bài nêu những gì?

? Th©n bµi s¾p xÕp ra sao?

? Kết bài viết ntn?

? Yêu cầu và diễn đạt ra sao?

-H·y chøng minh người mẹ có vai trò quan trọng trong…..

# II. Yêu cầu

**Câu 1:(1 điểm)** Học sinh chép theo ý thích đủ mỗi chủ đề 2 câu

**Câu 2( 2 điểm) -** Nhan đề của truyện là một câu thành ngữ. Từ đó tố cáo sự vô trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm, vô nhân tính của viên quan phụ mẫu( quan cha mẹ của dân) Đồng thời cho thấy giá trị hiện thực của truyện ngắn.

# Câu 3( 2 điểm)

* Đảm bảo hình thức 1 đoạn văn
* Đúng chủ đề gia đình

-Lồng ghép phù hợp đơn vị Tiếng Việt vào đoạn văn

* Văn viết linh hoạt, sáng tạo....

**Câu 4:**(5điểm )

Bài văn cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

* Về kỹ năng

+Kiểu văn nghị luận chứng minh

+ Vấn đề vai trò của người mẹ

+ Làm bài theo bố cục, rõ ràng, đầy đủ

+ Sử dụng linh loạt các kiểu câu

+ Có sử dụng các phép u từ đã học

+ Văn viết có cảm xúc, lời văn rõ ràng.

- Về kiến thức: Bài viết đủ ý:

+ MB:Nêu vai trò quan trọng của người mẹ.

+ TB: Chứng minh

Mẹ có công sinh thành Mẹ có công nuôi dưỡng Mẹ có công giáo dục

+ KB: Biết ơn và đền đáp ơn sâu của tình mẫu tử là đạo lý làm người mà ai cũng phải nhớ.

- Diễn đạt đủ ý, trong sáng, dễ hiểu, sáng tạo...

|  |  |
| --- | --- |
| **III- Trả bài**  -GV: trả bài ,lấy điểm  -HS : xem lại bài tự đánh giá , nhận xét bài của bản thân.  **IV- Nhận xét**  \* Ưu điểm:   * Đa số hs đã biết làm bài kiểm tra tổng hợp đặc biệt là bài văn chứng minh * Phần tục ngữ đều chép đúng yêu cầu, làm tốt * Phần đoạn văn học sinh nhận diện đúng nội dung và hình thức, lồng ghép được kiến thức Tiếng Việt một cách rõ ràng: 7ª: Linh, Tùng, Việt, Chinh, Thỏa,Hoàng Anh   ...7B: Mến, Thủy, Chung.   * Nhiều bài viết trình bày sạch đẹp, khoa học: 7ª: Thúy, Linh, Chinh, Vân Anh, Hồng, Hoàng. * Bài văn có bố cục rõ ràng, cách lập luận khá hợp lí, đưa lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, phong phú:Đa số hs lớp 7A   -Một số bài diễn đạt khá lưu loát: 7ª:Linh, Thúy, Chinh, Thỏa ….  \* Tồn tại:   * Nhiều hs viết quá sơ sài, không xác định đúng yêu cầu của đề: 7B: Hoạt, Lực…. * Một số bài văn đưa d/c không phù hợp, còn chưa được phong phú và thiếu chân thực: 7ª: Đạt, Dũng, Trang * Nhiều bài viết chữ quá xấu và cẩu thả: 7B: Hoạt, Lực, Huy, Hiệu, … * Còn dùng nhiều lời văn nói, diễn đạt chưa thoát ý : phần nhiều hs lớp 7B * Một số HS sai nhiều chính tả: 7B: Hoạt, Lực, Huy, Hiệu, … | |
| GV cho một số HS có điểm yếu, kém cầm bài viết đã có lỗi sai lên bảng sửa lại   * nhiều núc * dạng dỡ * dực dỡ * đây là câu đạo lí * Câu tục ngữ lày * người mẹ ta là tất cả | Sửa lỗi điển hình  * 1. Chính tả: * nhiều lúc * rạng rỡ * rực rỡ   2. Dùng từ, diễn đạt   * đây là câu tục ngữ * Câu tục ngữ này * Mẹ là tất cả…… |

# Đọc bình 1 số bài văn hay, đoạn văn hay

* GV cho HS đọc 1,2 bài làm tốt của HS
* HS nhận xét, bình luận

-GV nhận xét, bình luận

* GV chỉ ra những ưu điểm nổi bật trong bài viết
* HS nghe, cảm thụ, rút kinh nghiệm.

# Củng cố:

* Gv nhận xét chung
* Củng cố lại kiểu văn nghị luận chứng minh
* Động viên học sinh cố gắng hơn.

# Dặn dò:

* Xem lại bài làm và làm lại nếu có điều kiện, xem lại kiểu văn nghị luận chứng minh.
* Ôn lại các văn bản đã học

- Ôn lại các bài tiếng việt đã học

* Lập sổ tay văn học
* Ôn lại toàn bộ chương trình ngữ văn 7